

**DAVID GOODING & JOHN LENNOX**

Người dịch **TRẦN THỊ PHƯỚC LÝ**

**KHÁI NIỆM  
NỀN TẢNG  
THÁNH KINH**



**NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO**



# NỘI DUNG

1. Phần Mở đầu
2. Thánh khiết: Sự Oai nghi, Thanh khiết, Vẻ Đẹp, và Tình Yêu của Đức Chúa Trời
3. Tội lỗi: Một Căn Bệnh, Triệu Chứng và Thuốc Chữa
4. Sự Giáng Hòa: Đường Dẫn Tới Hòa Thuận
5. Xưng Công Chính: Mọi Sự Đều Đúng Về Mặt Pháp Lý
6. Giá Chuộc và Chuộc Lại
7. Sự Sống Đời Đời: Ngay Trong Đời Này
8. Ăn Nhai: Không Chỉ Là Hối Tiếc
9. Đức Tin: Không Phải Bước Nhảy Trong Bóng Tối
10. Đức Tin : Sự Đáp Ứng Chứng Cớ (*Phần 1*)
11. Đức Tin: Sự Đáp Ứng Chứng Cớ (*Phần 2*)
12. Đức Tin: Vấn Đề Đối Tượng Bạn Tin Cậy
13. Sự Thánh Hóa: Cha Nào Con Nấy
14. Sự Thánh Hóa: Địa Vị Làm Con Thay Vì nô Lệ
15. Phán Xét Chung Cuộc: Đòi Hỏi Của Công Lý
16. Phán Xét Chung Cuộc: Tính Bao Dung và Nghiêm Khắc của Đức Chúa Trời
17. Sự Cứu Rỗi: Thuật Ngữ Bao Quát Rộng Lớn



# 1

## PHẦN MỞ ĐẦU

Không ai có thể tự cho mình thực sự có học thức, mà lại không hề quen biết Kinh Thánh, vốn đã và vẫn đang tạo ảnh hưởng sâu đậm trong thế giới tư tưởng. Kinh Thánh là bộ sách quan trọng đầu tiên được in ấn và là mẫu chữ in đầu tiên (trong bản dịch La-tinh trên máy in Gutenberg ở Mainz, nước Đức, năm 1455). Không bộ sách nào có nhiều độc giả và được xuất bản bằng nhiều thứ tiếng hơn, so với Kinh Thánh.

Trong lúc đọc, chúng ta sẽ gặp những từ và khái niệm trên khía cạnh nào đó, dù quen thuộc, nhưng vẫn không thể hiểu được ngay tức khắc, vì đó là những từ được sử dụng như là thuật ngữ chuyên môn. Đúng ra điều này không làm nhụt mỗi quan tâm của chúng ta—mà ngược lại, càng làm gia tăng thêm. Bởi lẽ trong thế giới hiện đại ngày nay, sớm muộn gì rồi mọi người cũng phải học nghĩa của những thuật ngữ chuyên môn trong một hoặc nhiều lãnh vực tri thức, và mỗi quan tâm đích thực của chúng ta lại nằm trong chính sự thấu hiểu những thuật ngữ đó. Thiếu nữ muốn làm bếp giỏi,

phải học sự khác biệt giữa quay, nướng, chiên, kho với luộc, và lý do vì sao mỗi tiến trình lại thích hợp với vài loại thực phẩm khác nhau. Thanh niên muốn làm thợ máy xe động cơ, thì phải biết pít-tông là gì, bộ chế hòa khí, xi-lanh là gì; sự khác biệt giữa động cơ chạy bằng xăng với động cơ dầu 'diesel' là thế nào; và công dụng của bàn đạp điều khiển, bộ số, và bộ tăng tốc là gì. Và mọi người chúng ta muốn biết (hoặc phải!) học cách sử dụng vi tính vì bất cứ lý do nào, cũng thấy mình phải đối diện với một giàn thuật ngữ chuyên môn mình cần phải nắm vững.

Như trong bất kỳ ngành nào, nhờ nắm vững các từ chuyên môn trong Kinh Thánh, chúng ta không chỉ hiểu sâu sắc hơn, mà còn gia tăng khả năng truyền đạt ý nghĩa các từ đó cho học sinh trong lớp mình, từ đó, mở ra cho các em cả một thế giới hoàn toàn mới lạ.

Vì vậy trong loạt bài viết này, chúng ta sẽ nghiên cứu các từ chuyên môn này, và trong phần mở đầu, chúng ta sẽ nhìn lướt qua vùng đất mình muốn bao quát.

Chỗ hợp lý để bắt đầu là với Đức Chúa Trời [Thượng Đế], và vì một trong những từ quan trọng nhất mô tả Đức Chúa Trời, là từ "thánh khiết" cho nên chúng ta sẽ bắt đầu với từ đó. Tuy nhiên, ngay tại đây chúng ta có thể gặp chống đối. Có người sẽ nói "Tôi không tin Đức Chúa Trời, cho nên tôi không quan tâm sự thánh khiết của Ngài, cho dù từ đó có nghĩa gì. Tôi sống cuộc đời mình chẳng cần biết có thần nào cả."

Vâng, tuyên bố và khẳng định như vậy cũng rất thú vị. Hai ý đầu, chắc chắn có thể tin được. Nhưng còn ý thứ ba, thì khó cho là đúng được. Suốt bao thế kỷ của lịch sử, kinh nghiệm nặng trĩu của con người chống lại ý này. Dĩ nhiên, còn tùy ý nghĩa bạn gán cho thần ở đây. Hàng vô số người qua các thời đại, cùng đồng ý với Nietzsche rằng "Thượng Đế [Đức Chúa Trời] đã chết" và quyết định tống khứ khỏi tâm trí họ,

mọi niềm tin vào Một Thượng Đế Chân Thật. Họ đã thành công ở mức nào đó, nhưng phải trả giá. Vì từ đó về sau, họ thấy trong thực tế, không thể nào sống về mặt trí thức hoặc tình cảm, trong một thế giới hoàn toàn vô-thần. Dù cố ý hay trong vô thức, họ đã lấp đầy khoảng trống do loại bỏ Thượng Đế Chân Thật Duy Nhất, bằng đủ loại thần thay thế.

Ngay cả nhà vô thần quả quyết nhất, cũng không thể tránh né suy nghĩ năng lực nào đã tạo ra chính mình cùng vũ trụ, và năng lực nào cuối cùng sẽ hủy diệt cả hai. Người không thể gọi năng lực đó là 'các thần,' nhưng cũng có thể người gọi như vậy; vì đó chính là năng lực tối hậu điều khiển người, chứ không phải chính người điều khiển năng lực. Nhà vô thần loại bỏ ý tưởng về một Đấng Tạo Hóa có thân vị, và kết luận rằng chính những lực cùng vật chất mù quáng, phi thân vị, không suy nghĩ, có trách nhiệm về sự hiện hữu của chính ông ta cùng sự hiện hữu của vũ trụ. Do đó, bằng một nhát, ông ta đập tan mọi hi vọng cho rằng có mục đích đằng sau sự hiện hữu. Nhưng rồi ông ta thấy mình không thể chỉ hiện hữu mà sống không có mục đích, không có điều gì lớn lao hơn bản thân mình để tin tưởng, không có bất kỳ giá trị nào Tối Cao để tôn vinh, và không có chính nghĩa nào để hiến thân và nếu cần, để hi sinh. Vì không thể sống cho, và phục vụ Đức Chúa Trời Chân Thật Duy Nhất, nên nhà vô thần sáng chế ra những mục đích cùng mục tiêu khác, kém cõi hơn: cái thì lớn và cao quý, cái thì nhỏ và rất đê tiện. Ông ta không gọi đó là 'thần' nhưng cũng có thể gọi là như vậy: cuối cùng thì cũng như nhau thôi.

Suốt dòng lịch sử, con người lấy tình dục làm nữ thần (người Hi Lạp gọi là Aphrodite), lấy rượu làm thần (người Hi Lạp gọi là thần Dionysus hoặc Bacchus), lấy chiến tranh làm thần (còn nhớ các thần chiến tranh Teutonic đã tạo cảm hứng cho dân Đức thời xưa không?), lấy tiền bạc, lạc thú, danh vọng, làm thần của Quốc gia hoặc kể cả thần của chính mình (như

nhiều tay độc tài chuyên chế đã làm). Đối diện những thăng trầm dường như khó hiểu trong cuộc sống, đa số quần chúng vô thần khẳng định rằng mọi thứ đều do ngẫu nhiên điều khiển, và khi mua vé số, anh ta hi vọng Vận May sẽ mỉm cười với mình. Nhiều người Hi Lạp thời xưa cũng nghĩ như vậy và lấy vận may làm nữ thần rồi đặt tên là Tyche. Những người theo thuyết tiến hóa xưa và nay đều cho rằng sự ngẫu nhiên chịu trách nhiệm tối hậu về sự xuất hiện của con người trên đất. Người khác thì có quan điểm ngược lại, cho rằng con người là những chiếc máy được tiền định, và ý chí tự do chỉ là ảo tưởng. Thế giới ngày xưa cũng có tên gọi cho điều này. Họ gọi đó là Định Mệnh, và cũng lấy đó làm thần cho mình.

Kinh nghiệm qua bao thế kỷ cho thấy vấn đề không phải là bạn có tin Đức Chúa Trời hay không, mà là bạn tin vào Đức Chúa Trời Chân Thật Duy Nhất là Đấng tự xưng đã tạo ra bạn, hay là tin vào một hoặc nhiều điều khác, mà chính bạn đã lấy làm thần cho mình.

Do đó, chúng ta sẽ bắt đầu với việc nghiên cứu điều Thánh Kinh muốn nói, khi đề cập sự thánh khiết của Đức Chúa Trời Chân thật Duy nhất. Thậm chí người vô thần cũng thấy học được điều hữu ích, khi so sánh tâm tánh cùng phẩm tính của bản thân mình với của các thần thay thế đó.

Dĩ nhiên, khi đã chấp nhận khả năng con người chúng ta được tạo dựng bởi một Đức Chúa Trời thánh khiết có thân vị, thì chẳng mấy chốc, vấn đề tội lỗi (và đây là từ chuyên môn thứ nhì của chúng ta) sẽ tự xuất hiện trong câu chuyện của chúng ta. Hiện nay mọi người có đầu óc lành mạnh đều chống lại tội ác và cảm nhận mạnh mẽ rằng tội ác cần phải được xử lý công minh và thật nghiêm khắc. Do đó xuất hiện các nhà tù cùng cơ sở tâm thần. Nhưng tội phạm không chỉ chiếm số phần trăm nhỏ bé trong toàn dân số. Quan trọng hơn rất nhiều, đó là từng thành viên trong tổng số dân toàn



cầu, ít hoặc nhiều, lúc này hoặc lúc khác, đều khiếm khuyết về mặt đạo đức. Không một người nào trên đất có được đạo đức hoàn hảo. Tội phạm chắc chắn gây nhiều thiệt hại và khổ đau. Nhưng con người trung bình còn khổ hơn rất nhiều, vì tính ích kỷ, nóng giận và phi lý, khiến cho ngay cả bạn thân nhất của mình, cũng đôi khi thấy khó sống chung; vì sự bất trung, thù hận, tinh thần độc ác, bạo lực thân xác phá nát gia đình, dẫn tới ly hôn, và gây chấn thương cho trẻ em. Và bài học hiển nhiên của lịch sử cho thấy trong nhiều quốc gia xuyên suốt nhiều thế kỷ, quần chúng khổ khổ vì những lời hứa suông của chính trị gia, những triết lý dỏm cùng sự áp bức của tầng lớp cai trị, nhiều hơn từ những phạm nhân bị chính phủ tống vào tù.

Vậy thì vì sao mà tất cả chúng ta, không ngoại trừ ai, đều khiếm khuyết về đạo đức như thế? Có nên đổ hết cho di truyền, bảo rằng chúng ta chẳng làm gì được, phải trách nhiệm về những hành vi của mình, và tự biến mình thành những chiếc máy, hay không? Có điều này là vô cùng chắc chắn: nếu không chẩn đoán đúng mức và thích đáng, đạo đức sai trật trong con người, chúng ta sẽ không có hi vọng đích thực cải thiện con người mình, chưa nói tới việc chữa trị.

Vì vậy, chúng ta sẽ nghiên cứu chẩn đoán của Thánh Kinh về điều sai trật trong con người. *Tội lỗi* là từ liệu nói chung, chỉ về căn nguyên gốc rễ của chứng bệnh, cùng với những nhánh rễ đủ loại của nó. Nhưng từ 'tội lỗi' nói chung, bao gồm nhiều yếu tố khác nhau, được Kinh Thánh ám chỉ bằng những thuật ngữ cụ thể và dấu hiệu sản phẩm của tội lỗi trong từng cá nhân cũng mang nhiều tên gọi khác nhau giống như vậy. Do đó, chúng ta sẽ nghiên cứu cả nguyên nhân gốc, lẫn dấu hiệu, để nhờ đó, có thể thẩm định tính thực tế của kế hoạch do Kinh Thánh đề ra, nhằm xử lý tội lỗi.

Thuật ngữ chung được Kinh Thánh dùng cho kế hoạch đó dĩ nhiên là *sự cứu rỗi*. Nhưng đây là thuật ngữ đòi hỏi nghiên

cứu thận trọng và chi tiết; vì không hề nói quá, khi bảo rằng ý tưởng thông thường về 'sự cứu rỗi' được hàm ý trong Tân Ước trên khía cạnh quan trọng, lại hoàn toàn trái ngược với ý nghĩa thực tế.

Quan điểm chung về sự cứu rỗi, chỉ xem đó là lời khuyên sống cuộc đời đạo đức đứng đắn, và cải thiện hành vi từng ngày, thúc đẩy bởi một hi vọng không chắc chắn về thiên đàng, kèm theo nỗi sợ có thể đời mình sẽ kết thúc nơi hỏa ngục. Vấn đề ở đây là đối với nhiều người, dường như đây là điều hiển nhiên. Họ lý luận, nếu được lên thiên đàng, đương nhiên bạn phải là người tốt. Nếu không tốt, bạn sẽ tất nhiên không được lên thiên đàng. Và ý tưởng này đã khắc sâu trong tâm trí khiến họ thấy chẳng cần phải đọc Tân Ước để biết Kinh Thánh nói gì. Họ chỉ đoán chừng là Tân Ước sẽ nói điều họ mong muốn Tân Ước nói.

Nhưng thực tế là Tân Ước dạy ngược hẳn với quan điểm thông thường này. Thuật ngữ 'cứu rỗi' không chỉ là một tên gọi khác, chỉ về bộ luật đạo đức chúng ta cần phải làm theo để được Đức Chúa Trời chấp nhận và có được một chỗ trên thiên đàng. 'Cứu rỗi' hàm ý chính xác ý nghĩa của từ này. Giá trị ngoài mặt cũng là giá trị đích thật. Đây là hành động cứu vớt của Đức Chúa Trời dành cho những người không bao giờ có thể tự cứu mình, dù cố gắng cỡ nào. Đây không phải là lời khuyên về cách làm việc thiện đủ để được lên thiên đàng. Tân Ước công khai và nhiều lần công bố sự cứu rỗi không do việc làm của chúng ta: đó là tặng phẩm từ Đức Chúa Trời dành cho những người không bao giờ có thể trả giá hoặc xứng đáng nhận.

Điều này giải thích ý nghĩa các từ được Tân Ước sử dụng (và chúng ta sẽ nghiên cứu sau này) để mô tả các yếu tố khác nhau trong sự cứu rỗi. *Giá chuộc* là một từ trong số này, chỉ về giá Đức Chúa Trời đã trả xong – không phải giá chúng ta phải trả – nhằm phóng thích chúng ta khỏi ách nô lệ tâm

linh và đạo đức, cho chúng ta được tự do. *Xung công chính* là một từ khác. Điều này cũng do ân sủng Đức Chúa Trời, không do việc làm hoặc công trạng của chúng ta. Và hiệu quả của việc làm này là giảng hòa chúng ta với Đức Chúa Trời, cho chúng ta được hòa thuận với Ngài tại đây và ngay lúc này.

Vì vậy, thay vì phải sống trong bất an không biết sau khi chết, chúng ta có được Đức Chúa Trời chấp nhận hay không, người *đã được xung công chính* có thể sống vui vẻ tin tưởng mình đã được Đức Chúa Trời chấp nhận. Còn từ *giảng hòa* chúng ta cũng sẽ nghiên cứu, sẽ nhấn mạnh sự kiện này. Việc Đấng Christ đã làm, là giúp cho sự giảng hòa hoàn toàn giữa Trời và người được hiệu quả, để ngay bây giờ trong cuộc đời này và trên đất này, chúng ta có thể có được sự hòa thuận và thông công với Đức Chúa Trời.

Điều này đưa chúng ta ngay lúc này, vào quyền sở hữu và việc tận hưởng *sự sống đời đời*. Bởi lẽ ngược với ý kiến thông thường, 'sự sống đời đời' không phải là cuộc sống con người chỉ bước vào sau khi chết. Đây là cuộc sống chúng ta có thể bước vào và tận hưởng ngay trong thế giới này, và cần phải bước vào ngay bây giờ, nếu không, chúng ta sẽ không bao giờ bước vào thế giới đời sau.

Nhưng nhiều người, khi lần đầu tiên nghe ai đó tóm lược giáo lý cứu rỗi của Tân Ước theo cách này, cảm thấy hiển nhiên là sai, nếu không nói là phi lý. Trước tiên, họ nói, giáo lý này cắt bỏ hết mọi nỗ lực chân thành tự cải thiện bản thân, nếu sự cứu rỗi không phải là phần thưởng cho việc làm tốt, mà chỉ là tặng phẩm ban cho con người, bất kể họ đã làm việc thiện hoặc ác, mà chỉ nhờ họ xưng nhận niềm tin. Họ lý luận, thực ra nếu con người hoàn toàn tin chắc mình đã được cứu "nhờ đức tin và không nhờ việc làm," thì có nghĩa là họ có thể sống cuộc đời còn lại vô trách nhiệm về

đạo đức, mà cuối cùng vẫn được cứu, thì thật là vô nghĩa trên phương diện đạo đức.

Phải công nhận những phản đối này cũng có sức mạnh thiển cận của nó; nhưng nền tảng lại là một khái niệm sai lầm và bị tan biến ngay khi mở Tân Ước ra để nghiên cứu nội dung thực sự của vấn đề. Trên đời này không có sách nào nhấn mạnh sự thánh khiết nhiều hơn Tân Ước. Vì vậy, nghiên cứu của chúng ta về sự 'thánh khiết' sẽ nhằm khám phá ra ý nghĩa hàm chứa của từ này trong Tân Ước; điều nào được Tân Ước cho là động cơ duy nhất chấp nhận được, cho sự thánh khiết (nhân thiện, cũng là lý do để cho rằng sự cứu rỗi phải là một tặng phẩm, không phải là giá trả để được thánh khiết); và sức mạnh của sự cứu rỗi mang đến cho con người để sống cuộc đời thiện lành đích thực, là một khả năng có thật.

Tân Ước nói, sức mạnh này dành sẵn với hai điều kiện, thứ nhất là *ăn năn*. Ý nghĩa của từ này có thể đã hiển nhiên. Tuy nhiên, chúng ta sẽ thấy trong Tân Ước, từ này thường mang ý nghĩa cấp tiến hơn nhiều, so với trong văn nói thường ngày.

Điều kiện thứ hai là *đức tin (niềm tin)*. Nhưng nhiều người cảm thấy đây là điểm yếu tai hại của Cơ Đốc giáo. Họ nói, "tôn giáo lệ thuộc toàn bộ vào niềm tin, trong khi khoa học dựa vào sự kiện. Có thể chứng minh khoa học là đúng. Cơ Đốc giáo không thể chứng minh là đúng, vì vậy, không có cơ sở đáng tin cậy.

Nhưng những người đó quên rằng tự thân khoa học chủ yếu cũng dựa trên niềm tin, và nhiều thuyết hiện hành cùng giải thích về vũ trụ đều không dựa trên sự kiện đã chứng minh, mà trên những tiền giả định triết lý của khoa học gia. Họ cũng quên rằng mọi mối liên hệ cá nhân đều cuối cùng phải dựa trên niềm tin. Vì Đức Chúa Trời của Thánh Kinh là một

Thân Vị, không phải là một lực phi-thân vị, cho nên mối liên hệ giữa chúng ta với Ngài nhất thiết và đúng mức, phải dựa trên niềm tin. Vấn đề đích thực là: Tân Ước ngụ ý 'đức tin' là gì? Một điều chúng ta cần biết chắc, ấy là đức tin không có nghĩa tin một điều gì đó, cách mù quáng, không có chứng cứ. Kinh Thánh nêu vô số bằng cứ làm chỗ dựa cho đức tin chúng ta.

Và sau hết, chúng ta sẽ tìm hiểu ý nghĩa của *sự chết thứ hai* trong Kinh Thánh. Sự chết này là cách nói thông thường chỉ về hỏa ngục. Đối với nhiều người ngày nay từ 'hỏa ngục' gợi lên hình ảnh quỷ sứ đẩy con người vào lò lửa, và họ gạt bỏ toàn bộ khái niệm mê tín thời tiền sử. Chẳng cần phải nói, khái niệm này hoàn toàn khác hẳn ý nghĩa của 'sự chết thứ hai' trong Tân Ước. Dĩ nhiên Kinh Thánh tích cực dạy rằng Đức Chúa Trời phải hình phạt tội lỗi, không chỉ vì Ngài tuyệt đối thánh khiết và công bình, mà còn vì Ngài là tình yêu bất tận. Không con người nào có trách nhiệm về mặt đạo đức trong xã hội văn minh cho rằng cứ để tội ác tự do tiếp diễn mà không hình phạt. Đức Chúa Trời cũng có quan điểm giống như vậy về tội lỗi.

Trong các bài viết này chúng ta sẽ không theo lệ thường trích dẫn dài dòng các phân đoạn Thánh Kinh, mà chỉ nêu các câu tham chiếu. Chúng tôi xin đề nghị đọc giả mở ra từng phân đoạn, đọc lớn tiếng, rồi xem phân đoạn đó hỗ trợ ra sao cho những điểm nêu ra trong sách này.



## 2

# SỰ THÁNH KHIẾT

## *Sự Oai Nghi, Thanh Khiết, Vẻ Đẹp, và Tình Yêu của Đức Chúa Trời*

Không thể chối cãi rằng, đối với nhiều người, chính ý nghĩ về Đức Chúa Trời đã không thể chấp nhận rồi, và nhắc tới thánh khiết, là mối đe dọa. Đối với họ, Đức Chúa Trời là một bạo chúa toàn năng, nghiêm khắc, quyết tâm cấm đoán con người tự do và từ chối mọi lạc thú sôi nổi trong cuộc đời. Cho nên họ tự nhủ, ý tưởng về Đức Chúa Trời là tàn tích từ thời tiền khoa học của con người, và họ tìm cách xua đuổi Ngài ra khỏi tâm trí mình (nhưng không bao giờ hoàn toàn thành công).

Tuy nhiên, mọi điều này trái ngược hẳn với cách con người cảm nhận và suy nghĩ về Đức Chúa Trời trong Thánh Kinh. Họ mô tả Đức Chúa Trời là niềm vui vượt bậc (Thi Thiên 43:3); và họ nhiệt tình truyền bá những điều họ gọi là mỹ đức của Ngài. Dĩ nhiên họ nói về sự kính sợ Đức Chúa Trời, theo nghĩa tôn kính Ngài, run sợ đứng trước mặt Ngài.

Nhưng những tình cảm và xúc cảm đó không phải là phản ứng hèn nhát đáng khinh của những nô lệ sợ hãi, mà là đáp ứng lành mạnh của tạo vật thông minh đối diện với Đấng Tạo Hóa quyền uy, thanh khiết, toàn năng và oai nghiêm của họ. Ngay cả các khoa học gia vô thần đôi khi cũng quá sợ trước cảnh bao la, phức tạp cùng vẻ đẹp của vũ trụ. Và có bậc cha mẹ nào chưa từng kinh ngạc và run sợ khi nhìn những ngón tay bé xíu của hài nhi sơ sinh, thật hoàn chỉnh với những móng tay thu nhỏ của con mình! Vì vậy, không có gì ngạc nhiên, thấy những người nam nữ trong Kinh Thánh rối rít kêu gọi nhau thờ phượng Chúa trong vẻ đẹp của sự thánh khiết Ngài (xem 1 Sử Ký 16:29).

Vậy thì, sự thánh khiết của Đức Chúa Trời trước tiên là một cách mô tả mối liên hệ giữa Đấng Tạo Hóa với vũ trụ được tạo dựng cùng toàn thể tạo vật của Ngài, bao gồm cả con người. Sự thánh khiết cho thấy:

1. Đức Chúa Trời khác biệt và tách rời khỏi vũ trụ. Ngài không phải là một phần trong vật chất cơ bản của vũ trụ. Ngài không phải là một trong số những lực của vũ trụ: thậm chí Ngài cũng không phải là lực lớn nhất trong những lực đó. Ngài đã tạo ra các lực đó: không ai hoặc điều gì tạo nên Ngài. Ngài hiện hữu trước, và biệt lập đối với mọi thứ. *"Ngài có trước muôn vật và muôn vật gắn kết với nhau trong Ngài"* (Cô-lô-se 1:17). Ngài nâng đỡ, duy trì, và điều khiển vũ trụ: chẳng ai nâng đỡ Ngài (xem Ê-sai 46:1-7). Ngài không phải là Đức Chúa Trời cao nhất trong một hệ thống đẳng cấp thiên sứ (dù dân ngoại giáo đôi khi nói về Ngài theo cách đó). Họ không cùng một loại giống như Ngài. Họ là tạo vật; Ngài là Đấng Tạo Hóa. *"Không có ai thánh khiết giống như Chúa: chẳng có ai ngoài Ngài"* (1 Sa-mu-ên 2:2).

2. Đức Chúa Trời là Đấng Tạo Hóa duy nhất của vũ trụ. Ngài không ủy thác việc tạo dựng vũ trụ cùng con người cho một



thần hoặc nhân viên thấp kém hơn, như vài tôn giáo đã nghĩ. Ngôi Lời, nhờ đó muôn loài được tạo dựng, và không có Ngôi Lời thì chẳng vật nào được tạo ra, chính là Đức Chúa Trời (Giăng 1:1-3). Vật chất và con người không phải là sản phẩm hạng hai của một loại thần hạng hai. Muôn loài mang giá trị được tạo dựng bởi hành động chủ tâm của Đấng Tạo Hóa Duy Nhất Thánh khiết của muôn loài. *“Đức Giê-hô-va phán, Đấng Thánh của Ít-ra-ên... Chính Ta đã làm ra trái đất và tạo dựng con người trên đất; chính tay Ta đã giương các tầng trời ra và truyền lệnh cho các thiên thể... Vì đây là lời Đức Giê-hô-va phán ... Ngài là Đấng sáng tạo các tầng trời, Ngài là Đức Chúa Trời... Ngài phán, Ta là Đức Giê-hô-va, không có Đấng nào khác”* (Ê-sai 45:11, 12, 18).

3. Là Đấng Tạo Hóa của con người, chỉ một mình Đức Chúa Trời có quyền chiếm được sự tôn thờ trong lòng người. Con người không chỉ được tạo dựng bởi Đức Chúa Trời mà còn được tạo dựng cho Đức Chúa Trời. *“Ngày đêm chúng nói luôn không dứt: “Thánh thay, thánh thay, thánh thay Chúa là Đức Chúa Trời Toàn năng, Đấng đã có, hiện có và sẽ đến... Lạy Đức Chúa Trời là Chúa của chúng con, Chúa đáng được vinh quang, tôn trọng và uy quyền; vì Chúa đã tạo dựng muôn vật, và do ý muốn của Chúa mà muôn vật hiện hữu và được tạo dựng”* (Khải Huyền 4:8-11). *“Người phải thờ phượng Chúa là Đức Chúa Trời người và chỉ phụng sự một mình Ngài mà thôi”* (Phục Truyền Luật Lệ Ký 6:13).

Giá trị cùng vinh quang của con người nằm tại đây. Cuộc sống cùng việc làm của con người cuối cùng không phải là vô nghĩa và phi lý như các triết gia hiện sinh đã nói. Làm theo ý muốn của Đấng Tạo Hóa, sẽ mang lại mục tiêu duy nhất cho con người, cuối cùng đủ lớn để thỏa mãn trí tuệ, tình cảm cùng nỗ lực của họ.

Tại đây cũng là sự tự do của con người. Thờ phượng người nào, hoặc sự vật nào, ngoài Đức Chúa Trời, cuối cùng luôn luôn hạ thấp và trói buộc tâm linh của con người. Các Cơ Đốc nhân đầu tiên cuối cùng phải đối diện một chính phủ độc tài buộc họ thờ lạy Nguyên Thủ Quốc gia. Nhưng các sứ đồ dạy họ không được sợ chính quyền mà phải tôn Đấng Christ làm Chúa làm thánh trong lòng họ (1 Phi-e-rơ 3:14-15). Nghĩa là tận đáy lòng mình, họ phải luôn luôn duy trì sự nhìn biết Con Đức Chúa Trời thánh khiết với quyền chỉ thờ phượng một mình Ngài mà thôi. Và khi nhớ tới sự thánh khiết của Ngài, họ tìm được can đảm để khước từ đòi hỏi thờ thần tượng của nhà nước chuyên chế, và bởi đó, bằng sự trả giá mạng sống mình, họ mạnh mẽ bênh vực chính nghĩa tự do cho tâm linh con người.

Gọi Đức Chúa Trời là thánh, cũng là một cách để cập sự thanh khiết đáng sợ và tuyệt đối của Đức Chúa Trời. Cựu Ước (Thi Thiên 92:15) nói: *“Đức Giê-hô-va là chính trực... và trong Ngài chẳng có sự bất chính.”* Tân Ước nói, *“Đức Chúa Trời là sự sáng, trong Ngài chẳng hề có sự tối tăm”* (1 Giăng 1:5), về mặt trí thức, đạo đức, hoặc tâm linh. Trong lãnh vực trí thức, đạo đức, và tâm linh, chính ánh sáng của sự thánh khiết Đức Chúa Trời làm nổi bật vẻ đẹp toàn vẹn vậy nghĩa cuộc sống. Tội lỗi làm ngược lại: làm nhạt phai màu sắc cuộc sống, làm tối tăm tâm trí, và làm mù lòa tâm linh.

Ngược lại, ánh sáng từ sự thánh khiết Đức Chúa Trời phơi bày tội lỗi. Mà không chỉ phơi bày; vì sự thánh khiết của Đức Chúa Trời không chỉ là một phẩm tính tiêu cực, giống như trụ tuyết trắng đồng đặc tinh khiết. Sự thánh khiết Đức Chúa Trời tích cực lộ rõ khi thể hiện cơn giận cùng sự phán xét công chính của Ngài đối với tội lỗi nhân loại. Đôi khi sự phán xét này lộ ra trong cách Đức Chúa Trời khiến cho những định luật trong thiên nhiên có hiệu lực. Thí dụ, nếu con người cứ mãi miết sa đọa trong tình dục, họ sẽ thấy chính thiên nhiên

quay lại tiêu diệt thân xác họ: *“chính họ phải chịu sự sửa phạt tương xứng với sự lầm lạc của mình”* (Rô-ma 1:27). Những lúc khác, Đức Chúa Trời cho phép tai ương chính trị và kinh tế xảy ra cho những kẻ chống lại Ngài. Và khi Ngài làm, thì Kinh Thánh nói *“Đấng Thánh thánh hóa chính mình Ngài trong sự công chính,”* và *“thánh hóa chính mình”* có nghĩa *“chứng minh Ngài thánh khiết”* bằng cách phán xét tội lỗi cách công chính.

Trong thời tiên tri Ê-sai, nước ông phạm tội bất công và bạo lực, mách khỏe buôn bán nhẩn tâm, buông thả trong say sưa, cố tình bại hoại về đạo đức, hoàn toàn làm ngơ và xem thường Đức Chúa Trời. Vì vậy, Ê-sai không chỉ tố giác tội lỗi: ông cảnh cáo họ rằng Đức Chúa Trời sẽ chứng tỏ sự thánh khiết Ngài bằng cách giáng hình phạt trên họ và tàn phá quốc gia họ về kinh tế, xã hội, và chính trị:

*“Bởi đó loài người bị khuất phục, con người bị hạ thấp, con mắt kẻ ngạo mạn bị hạ xuống. Nhưng Chúa Toàn năng sẽ được tôn cao bởi công lý Ngài, và Đức Chúa Trời thánh khiết sẽ bày tỏ chính mình bởi sự công chính Ngài... bởi lẽ họ đã khước từ luật pháp của Chúa Toàn Năng và xem thường lời của Đấng Thánh Ít-ra-ên”* (xem Ê-sai 5:7-30).

Nhưng chúng ta phải nói rõ ràng hơn. Sự thánh khiết của Đức Chúa Trời không chỉ tố giác những tội nhân tàn bạo. Dưới ánh sáng, con người tốt nhất trong chúng ta vẫn đầy tội lỗi. Khi chính Ê-sai đó, nhìn thấy Đức Chúa Trời, vây quanh bởi muôn thiên binh không ngớt hô to: *“Thánh thay, thánh thay, thánh thay là Đức Giê-hô-va vạn quân: khắp đất đầy đầy vinh quang Ngài,”* thì chính bản thân Ê-sai bị chìm ngập trong ý thức sâu sắc về tình trạng tội lỗi của riêng mình, đã lớn tiếng kêu la: *“Khốn nạn cho tôi! xong đời tôi rồi, vì tôi là người dơ dáy ở giữa một dân có môi dơ dáy: bởi mắt tôi đã nhìn*

*thấy Vua, là Đức Giê-hô-va vạn quân” (Ê-sai 6:5). Đó là cách mọi người trong chúng ta cảm nhận, nếu ý thức được thực tại thánh khiết của Đức Chúa Trời. Nói dối, đạo đức giả, lừa gạt, nói tục tĩu, vu khống, nói xấu sau lưng, nói chàm chọc, khoác lác, cùng với mọi thứ tội lỗi khác, bỗng chốc sẽ bị phơi bày tính chất bại hoại và xấu xa đích thực. Và chúng ta sẽ đau đớn nhận biết rằng sự đời bại như vậy không bao giờ có thể được phép bước vào và gây ô nhiễm chân lý cùng vẻ đẹp trên thiên đàng của Đức Chúa Trời.*

Nhưng chính xác tại điểm này, chúng ta gặp một nghịch lý phi thường. Những nhân vật trong Thánh Kinh từng trải nghiệm nỗi đau bị phơi bày bởi ánh sáng thánh khiết của Đức Chúa Trời, bỗng nhiên bắt đầu nói hăng say về sự sáng kỳ diệu của Ngài. Sau đây là một phân đoạn điển hình: *“Nhưng anh em là thế hệ được tuyển chọn, là chức thầy tế lễ nhà vua, một dân tộc thánh, là dân thuộc riêng về Đức Chúa Trời; để anh em rao truyền lời ngợi khen Ngài là Đấng đã kêu gọi anh em ra khỏi nơi tối tăm vào nơi sáng láng diệu kỳ của Ngài: trước kia anh em không phải là một dân, nhưng bây giờ là dân Đức Chúa Trời: trước kia không được thương xót, nhưng bây giờ được thương xót” (1 Phi-e-rơ 2:9-10). Hiển nhiên những người này đã khám phá ra rằng sự thánh khiết của Đức Chúa Trời không chỉ là một sức mạnh tiêu cực. Đó là sức mạnh tích cực, mà bởi tình yêu cùng sự thương xót, có thể thanh tẩy tội nhân và biến họ thành thánh nhân.*

Trong Lê-vi Ký 19, trước tiên Đức Chúa Trời ra lệnh cho dân sự Ngài: *“Các người phải nên thánh, vì ta, Giê-hô-va Đức Chúa Trời các người là thánh khiết” (c.2). Sau đó Ngài giải thích chi tiết cho họ ý nghĩa của thánh khiết trong thực tế. Và một trong những thực tế đó là: “Người phải yêu thương người lân cận như mình: Ta là Đức Giê-hô-va” (c.18). Vậy thì thánh khiết có nghĩa yêu thương; và Đức Chúa Trời là Đấng thánh khiết tột bậc, yêu thương tột bậc, vì Đức Chúa Trời là tình yêu thương*

(1 Giăng 4:16). Cùng một khía cạnh này của sự thánh khiết trong Đức Chúa Trời xuất hiện trong lời công bố danh xưng đáng sợ và thánh khiết của Đức Chúa Trời trong Thánh Kinh (xem Xuất Ê-díp-tô Ký 34:5-7).

Vì vậy, chúng ta kết thúc chương này bằng việc chỉ ra những triết lý vi phạm sự thánh khiết của Đấng Tạo Hóa, vốn tự làm hại bản thân con người:

i. Thuyết vô thần: Không nhìn nhận Đấng tạo Hóa, các nhà vô thần bị buộc phải xem các lực thiên nhiên phi-thân-vị mù quáng, là quyền lực tối hậu đã vô tình sáng tạo, hiện tại điều khiển, và cuối cùng sẽ hủy phá những con người đạo đức, thông minh. Con người như vậy là tù nhân của những lực vật chất trong vũ trụ. Sự thông minh của con người bị mất giá trị. Con người bị tước mất lý do và mục đích cho sự hiện hữu của mình, và không còn hi vọng cùng mục tiêu nào.

ii. Thuyết phiếm thần: Thuyết phiếm thần đồng hóa Đức Chúa Trời với vũ trụ. Thuyết này dạy rằng vũ trụ là Đức Chúa Trời, trái đất là Đức Chúa Trời, con người là Đức Chúa Trời, loài vật là Đức Chúa Trời, mọi thứ đều là Đức Chúa Trời. Nhưng nếu mọi thứ đều là Đức Chúa Trời, thì điều xấu về đạo đức cũng như điều tốt về đạo đức, cũng là Đức Chúa Trời. Mà như vậy là sai. Khi tạo dựng thế giới, Đức Chúa Trời thấy mọi thứ Ngài đã làm, đều tốt đẹp (Sáng Thế Ký 1:31). Đức Chúa Trời không thể bị đồng hóa với điều xấu. Ngài thánh khiết. Và chính trong sự kiện này, có hi vọng chắc chắn rằng một ngày kia điều xấu sẽ bị khuất phục.

Nếu điều xấu là Đức Chúa Trời, như thuyết phiếm thần chủ trương, thì sẽ không có hi vọng điều ác sẽ bị khuất phục. Thuyết phiếm thần không chỉ sai: dù có vẻ hấp dẫn hời hợt, vẫn là dạng bi quan nhất trên đời.

iii. Những dạng khác nhau của thuyết Đầu-thai: Vài tôn giáo và triết lý tôn giáo cho rằng vật chất chủ yếu là xấu. Họ dạy

rằng Đức Chúa Trời tối cao hẳn không hề tạo ra vật chất. Vì vậy họ nói, Ngài tạo ra những thần kém hơn Ngài, nhưng giống Ngài ở chỗ có sức mạnh sáng tạo. Rồi tới phiên mình, các thần kém hơn này, tạo ra những thần còn kém hơn nữa, và cuối cùng, một trong các thần này vì rất thiếu khôn ngoan, mới tạo ra vũ trụ vật chất và con người. Do vậy, con người là sự pha trộn kém may mắn giữa linh hồn (vốn tốt) với vật chất (vốn xấu). Vật chất lây nhiễm và làm ô dơ linh hồn, trì kéo linh hồn vào hành vi ác, lôi cuốn con người vào khổ đau không tránh được. Nếu sự khổ đau này chưa hết, lúc con người sắp chết, thì linh hồn phải bị đầu thai trong một thân xác vật chất khác. Sau đó, nếu trong cuộc đời này người đó còn phạm tội làm ác thêm nữa, thì lại bị khổ đau thêm và phải qua nhiều lần đầu thai. Hi vọng duy nhất bằng cách này hoặc cách khác, linh hồn có thể dứt cạn hết khổ đau, giữ mình hoàn toàn trong sạch đối với tội lỗi, và như vậy là quay về lại Thế giới-Linh hồn thuần túy, và khỏi bị đầu thai thêm nữa, trong thân xác vật chất.

Giáo lý này vi phạm gấp đôi sự thánh khiết của Đức Chúa Trời: a) Thực sự chỉ có một Đấng Tạo Hóa, không phải là sự nhân thêm nhiều người sáng tạo kém hơn. b) Vật chất chủ yếu không xấu: nhưng chủ yếu là tốt, như chúng ta đã thấy. Rắc rối của con người không phát xuất từ sự kiện con người mang thân xác vật chất, mà từ tội con người lạm dụng ý chí tự do và bất tuân Đức Chúa Trời.

Ngoài ra, giáo lý này không chỉ sai lạc mà còn vô cùng độc ác. Giáo lý này dạy rằng nếu trẻ sinh ra có khuyết tật, thì đó là hậu quả của tội lỗi đã làm trong những kiếp trước. Nếu sau (có thể là) hàng ngàn lần đầu thai, mà trẻ vẫn chưa dứt cạn khổ đau vì tội lỗi quá khứ, thì làm gì có hi vọng dứt bỏ khổ đau trong kiếp sống hiện tại—chưa kể tới khả năng trẻ sẽ phạm thêm tội lỗi trong cuộc đời này, và dứt khoát cần phải tiếp tục đầu thai thêm nhiều kiếp nữa?

Vì vậy, giáo lý này là con quái vật của sự giả dối và độc ác. Con người không được cứu nhờ bản thân đã chịu khổ đau, mà nhờ những khổ đau của Đấng Christ:

*Người đã vì tội lỗi của chúng ta mà bị vết, vì sự gian ác của chúng ta mà bị thương; bởi sự trừng phạt Người chịu, chúng ta được bình an; bởi lần roi Người mang, chúng ta được lành bệnh (Ê-sai 53:5).*

Con người cũng không cần phải sống cuộc đời lo sợ một loạt các thần kém cõi, vô trách nhiệm, và đôi khi đầy ác tâm. Chỉ có một Đức Chúa Trời, và Đức Chúa Trời yêu thương chúng ta, tự hiến mình làm Cứu Chúa cho chúng ta:

*Họ không biết rằng... khẩn vái với thần chẳng cứu được ai... Ngoài Ta, là Đức Chúa Trời và Chúa Cứu Thế công bình, chẳng có thần nào khác; ngoài Ta không có Đấng nào khác. Hãy quay về với Ta và được cứu rỗi, hồi tất cả những ai ở các nơi tận cùng cõi đất; vì Ta là Đức Chúa Trời, chẳng có chúa nào khác (Ê-sai 45:20-22).*

*Vì Ta là Giê-hô-va Đức Chúa Trời của người, Đấng Thánh của Ít-ra-ên, là Cứu Chúa người (Ê-sai 43:4)... Ngài được gọi là Đức Chúa Trời của cả trái đất (Ê-sai 54:5).*





### 3

## TỘI LỖI

### *Một Căn Bệnh, Triệu Chứng và Thuốc Chữa*

Chẳng cần phải sống lâu, mới khám phá ra rằng con người có điều sai trật. Một số trẻ em kém may mắn, khám phá ra điều này quá sớm, khi cha mẹ là người mà các em có quyền đòi hỏi phải luôn luôn nhân ái yêu thương, lại hành động cách vô lý, nổi giận và ngược đãi các em. Về sau các em sẽ khám phá ra rằng 'điều sai trật' này không chỉ có nơi bậc cha mẹ và gia đình: mà mọi người đều sai trật, dưới những hình thức khác nhau, và theo mức độ ít nhiều khác nhau.

Lịch sử cho thấy 'điều sai trật' này là căn bệnh trong các mối liên hệ toàn cầu thuộc mọi lứa tuổi không ngoại trừ ai; và cho tới ngày nay, dù có những tiến bộ vượt bực, hữu ích trong mọi ngành khoa học và kỹ thuật, thì điều sai trật này vẫn lộ diện trong hành vi phi lý cách kỳ quái. Chỉ cần các quốc gia tin cậy nhau và cộng tác với nhau, thay vì ganh đua trong việc triển khai tài nguyên của địa cầu, là họ có thể biến

thế giới này thành chốn địa đàng. Sa mạc có thể sinh lợi; nghèo nàn, đói kém và các bệnh dịch được loại bỏ; phúc lợi của mọi người cũng như tuổi thọ được gia tăng. Nhưng không, các quốc gia không và không thể tin tưởng nhau; và dẫn tới hậu quả, hàng đại dương tiền của, thời gian, cùng sức lực bị tiêu pha càng nhiều vào những khí giới hủy diệt tinh vi.

Nhưng không chỉ có quốc gia mới cư xử phi lý. Tất cả chúng ta đều như vậy. Bạn cũng vậy, tôi cũng vậy. Dù có mọi giải pháp và ý định tốt, sớm muộn gì chúng ta cũng phải nhìn nhận như Phao Lô đã nói nhiều thế kỷ trước: *“Vi tôi không làm điều thiện mình muốn mà lại làm điều ác mình không muốn—tôi luôn luôn làm như vậy”* (Rô-ma 7:19).

Vậy thì điều sai trật trong chúng ta là gì? Căn bệnh phổ biến mà tất cả chúng ta đều mắc phải là gì? Những người Hi Lạp viết bi kịch như Aechylus, Sophocles, và Euripides, đã nghiên cứu những triệu chứng và cố gắng dò tìm nguyên nhân. Các triết gia xưa và nay cũng đã làm như vậy. Và những thiên tài văn học như Dostoyevsky, Tolstoy, và Solzhenitzin cũng đã làm việc này. Chắc chắn chúng ta sẽ chẳng bao giờ thực sự hiểu được chính mình hoặc thế giới mình đang sống, trừ khi chúng ta nhìn căn bệnh này theo cách thực tế. Kinh Thánh tự tin và vui vẻ nhấn mạnh rằng chúng ta có thể tìm thấy sự giải cứu liên tục và gia tăng; và gọi sự giải cứu này là *sự cứu rỗi*. Nhưng chúng ta sẽ không nắm vững được ý nghĩa sự cứu rỗi, hoặc biết sự cứu rỗi được thực hiện ra sao, nếu trước tiên không hiểu đúng từ chuyên môn Thánh Kinh sử dụng cho căn bệnh này.

Đó là từ ‘tội lỗi.’ Nhằm giúp hiểu đúng ý nghĩa, chúng ta hãy dùng hình ảnh tương tự, là căn bệnh thể xác. Nhân viên y khoa phải phân biệt triệu chứng với chính căn bệnh và nguyên nhân gốc rễ của căn bệnh. Vì nếu muốn kiểm tra

thuốc chữa, mà chỉ lo đè nén những triệu chứng, không loại bỏ căn bệnh, thì vô ích. Và cũng chẳng có hi vọng, nếu không tấn công đúng nguyên nhân gốc để loại trừ.

Thí dụ, bệnh vàng da, nói cho đúng, không phải là một căn bệnh mà là triệu chứng bên ngoài của sự rối loạn bên trong, hay là ứng thư gan, v.v. Rõ ràng là sẽ không ích lợi gì, khi loại bỏ bệnh vàng da, nếu không xử lý nguyên nhân tiềm ẩn bên trong.

## TRIỆU CHỨNG CỦA TỘI LỖI

Tân Ước cho chúng ta những bảng liệt kê khác nhau về triệu chứng của tội lỗi, và thường thêm lời cảnh báo về tính nghiêm trọng của những triệu chứng này. Dưới đây là một bảng liệt kê:

*Việc làm của bản chất tội lỗi thật rõ ràng: gian dâm, ô uế và trác táng; thờ hình tượng và phù phép; ghen ghét, bất hòa, ganh tị, giận dữ, tham vọng ích kỷ, chia rẽ, bè đảng và đố kỵ; say sưa, chè chén, và những việc giống như vậy. Tôi cảnh báo anh em, như đã làm trước đây, những ai sống như vậy sẽ không hưởng được vương quốc Đức Chúa Trời (Ga-la-ti 5:19-21).*

Sau đây là một liệt kê khác, mô tả bức tranh khủng khiếp của những triệu chứng có thể diễn ra khi căn bệnh tội lỗi trong giai đoạn tiến triển:

*Như có chép rằng: "Chẳng có một ai công chính, dù một người cũng không; chẳng có người nào hiểu biết, chẳng có người nào tìm kiếm Đức Chúa Trời. Tất cả đều lầm lạc, đều trở nên vô ích; chẳng có một ai làm điều lành, dù một người cũng không. Họng chúng nó như mồ mả mở toang; lưỡi chúng nó nói lời dối gạt. Nọc rắn độc ẩn dưới môi của chúng. Miệng chúng nó đầy những lời nguyền rủa và cay đắng. Chúng nhanh chân để gây đổ máu; gieo*

*rắc sự tàn hại và khốn cùng, chẳng bao giờ biết con đường bình an. Chẳng có sự kính sợ Đức Chúa Trời trước mắt chúng.” (Rô-ma 3:10-18).*

Đĩ nhiên, không bằng liệt kê nào hàm ý rằng mọi triệu chứng đều xuất hiện tương đương trong từng người. Mặt khác, Tân Ước nhấn mạnh rằng mọi người đều có một vài triệu chứng, bởi lẽ căn bệnh này có tính phổ quát.

Vì vậy, có những triệu chứng có thể xem như phổ biến. Một trong số này là **Yếu Đuối Đạo Đức**. *“Đang khi chúng ta còn yếu đuối...”* (Rô-ma 5:6).

Lấy thí dụ như Bôn-xơ Phi-lát, Thống đốc La Mã, người chịu trách nhiệm đóng đinh Giê-xu Christ (Ma-thi-ơ 27:11-26; Luca 23:1-25; Giăng 18:28-19:16). Ông là người sau cùng bạn nghĩ là yếu đuối. Ông là một quân nhân cao cấp, sĩ quan chỉ huy đạo quân La Mã tại Giu-đê; và ông cũng chịu trách nhiệm về luật pháp cùng trật tự trong xứ.

Bề ngoài, Phi-lát giống như tấm gỗ lớn, ngoài mặt trông rắn chắc và vững vàng, nhưng bên trong lại bị một gỗ đục khoét; và khi bạn ấn xuống, tấm gỗ bị bẹp dĩ.

Khi trao đổi riêng tư với Chúa Giê-xu, và nhận biết sự thật về Đức Chúa Trời cùng tội lỗi tày đình nếu ông đóng đinh Con Đức Chúa Trời vô tội, Phi-lát đã quyết định phải làm điều mà ông biết là đúng, và phóng thích Chúa Giê-xu (Giăng 19:8-12). Nhưng khi ông bước ra ngoài, đám đông la ó đe dọa và cấp lãnh đạo hăm he, vu cáo ông với hoàng đế La Mã. Phi-lát đã sụp đổ. Dù biết việc mình sắp làm, là tội phản bội công lý, nhưng sợ hãi đã phá vỡ sức kháng cự của ông, và vì sợ hãi, ông đã kết án đóng đinh Chúa Giê-xu.

Điều này khiến chúng ta tự hỏi: chúng ta có bao giờ nói dối vì sợ hậu quả của việc nói thật không? Chúng ta có bao giờ

làm điều mình biết là sai quấy, vì cả nhóm bạn ép mình phải làm, và mình sợ làm ngược ý muốn cả nhóm không?

Một triệu chứng phổ biến khác của tội lỗi là **Không tin kính**:

*“Chúng ta cũng biết rằng luật pháp được đặt ra không phải cho người công chính mà cho những kẻ phạm pháp và phản nghịch, những kẻ không tin kính và tội lỗi, những kẻ bất khiết và phạm tục; những kẻ giết cha mẹ và giết người, những kẻ tà dâm và đồng tính, những kẻ buôn người và nói dối, khai man—và tất cả những gì chống lại giáo lý chân chính, vốn phù hợp với phúc âm vinh quang của Đức Chúa Trời hạnh phúc mà ta đã được giao phó”. (1 Ti-mô-thê 1:9-11)*

Từ gốc Hi Lạp dịch là ‘không tin kính’ có nghĩa ‘người không tôn trọng hoặc không tôn kính.’ Đáng mà họ không tôn trọng hoặc không tôn kính, trước tiên là Đức Chúa Trời. Nhưng chưa dừng ở đây. Con người được tạo dựng theo hình ảnh Đức Chúa Trời; mà khi con người không tôn trọng và không tôn kính Đấng Tạo Hóa, thì họ bắt đầu đánh mất giá trị tạo vật, tức con người. Họ không tôn trọng tính thánh thiện của cơ thể con người – cơ thể của chính họ và của người khác. Điều này làm sinh sôi nảy nở mầm mống lớn lao và xấu xa của những tội tình dục, sự lạm dụng rượu và ma túy gây tổn thương cho sức khỏe thuộc thể và làm suy yếu trí tuệ. Họ không tôn trọng tính thánh thiện của chân lý. Từ đó phát sinh đủ loại dối trá, lừa gạt và thất hứa. Cuối cùng, họ không còn tôn trọng tính thánh thiện của sự sống. Do đó, tội phạm bạo lực triển miên.

**Xa cách và Thù nghịch Đức Chúa Trời** là một triệu chứng khác:

*Tâm trí tội lỗi thù nghịch với Đức Chúa Trời (Rô-ma 8:7).*

*Anh em ngày trước vốn xa cách Đức Chúa Trời trở nên thù nghịch với Ngài trong ý tưởng bởi hành vi xấu xa của anh em (Cô-lô-se 1:21).*

Thí dụ về loại triệu chứng cụ thể này ở mức rộng lớn, đã quá hiển nhiên trong thế kỷ hiện tại. Các chính phủ trong nhiều nước đã sử dụng toàn quyền nhằm xóa bỏ có hệ thống, hoàn toàn niềm tin nơi Đức Chúa Trời và Đấng Christ. Nhưng thù nghịch với Đức Chúa Trời không chỉ hạn chế trong giới vô thần triệt để. Đôi khi, ngay cả những người có dáng vẻ tôn giáo bên ngoài, mà lòng lại thù nghịch với Đức Chúa Trời. Vị sứ đồ Cơ đốc là Phao Lô, luôn luôn có dáng vẻ rất tôn giáo; nhưng lại nghịch thù đấng cay với Giê-xu Christ trước khi trở lại đạo (1 Ti-mô-thê 1:12-17).

Sự thật là có mỗi thù địch chống lại Đức Chúa Trời trong lòng của mỗi người chúng ta. Khi Đức Chúa Trời truyền lệnh trong Kinh Thánh cho chúng ta làm hay không làm một điều gì, thì chính mạng lệnh Ngài thường khơi dậy oán hận bên trong chúng ta và khiến chúng ta muốn làm ngược lại. Sứ đồ Phao Lô kể ra một thí dụ từ chính kinh nghiệm bản thân của ông (Rô-ma 7:5, 7-9). Suốt vài năm, ông đã sống không hề biết điều răn Đức Chúa Trời bảo “Ngươi chớ tham lam.” Nhưng rồi Đức Chúa Trời khiến lòng ông nhận biết mạng lệnh này; và Phao Lô thấy rằng chính điều răn này đã khơi dậy mọi thứ tham lam trong lòng ông, khiến cho dù chiến đấu tới đâu, ông cũng không thể kiểm soát được – và hơn thế nữa, tận đáy lòng mình, ông không muốn hoàn toàn làm chủ nó.

Dĩ nhiên, mỗi thù nghịch cơ bản này đối với Đức Chúa Trời không nhất thiết hoặc thường xuyên bộc lộ công khai chống nghịch Đức Chúa Trời. Thường xuyên hơn, chính là thái độ thờ ơ.

Nếu có ai nói: “Tôi không thích âm nhạc hoặc nghệ thuật,” có thể chúng ta nghĩ, thật là đáng tiếc; nhưng chúng ta không tức giận, vì đó chỉ là vấn đề thị hiếu. Nhưng nếu có người phụ nữ nói: “Tôi không thích chồng tôi,” thì thật bi đát; vì đó là chứng cứ rõ ràng bà xa lánh chồng mình. Tình yêu đatan biển. Và nếu có ai nói: “Tôi không thích Đức Chúa Trời,” thì lại là cực kỳ bi đát. Chúng ta mắc nợ Đức Chúa Trời về chính sự hiện hữu của mình. Không thích Ngài, là một triệu chứng không nhầm lẫn rằng, có chỗ nào đó trong cuộc sống, người đó đã nghiêm trọng tránh né Đức Chúa Trời.

Vì vậy, đó là một số triệu chứng. Nhưng căn bệnh tiềm ẩn vẫn là *muốn độc lập đối với Đức Chúa Trời*.

**Muốn độc lập với Đức Chúa Trời, Đấng Tạo Hóa của chúng ta:** Theo Thánh Kinh (Sáng Thế Ký 3), tội lỗi đầu tiên con người mắc phải, không thô lỗ và dữ dội như sát nhân hoặc vô luân. Tội lỗi xảy ra khi A-đam và Ê-va bị ma quỷ cám dỗ bám lấy sự độc lập đối với Đức Chúa Trời để tự mình quyết định điều gì là tốt, điều gì là xấu. Họ tưởng tượng mình có thể an toàn làm chủ chính mình. Cho nên họ đã hái trái cấm. Ngay lập tức, họ bị xa cách Đức Chúa Trời và cảm giác tội lỗi cùng hổ thẹn khiến họ muốn chạy trốn Đức Chúa Trời là Đấng họ cảm biết hiện tại đối lập với họ. Tất cả chúng ta theo họ đi con đường bất tuân và độc lập. Nhưng sống như vậy là sống không thật, sống hư ảo. Chúng ta không tự tạo ra chính mình. Chúng ta là tạo vật của Đức Chúa Trời. Sống xa cách và độc lập với Ngài là đi ngược lại định luật hiện hữu cơ bản của chúng ta.

Và Tân Ước cũng nói **tội lỗi là trái luật pháp**:

*Ai phạm tội là vi phạm luật pháp; thật vậy, tội lỗi là trái luật pháp* (1 Giăng 3:4).

Bây giờ chúng ta biết những mối nguy mình gặp phải, khi xem thường những định luật vật lý của Đấng Tạo Hóa, thí dụ như định luật về điện năng. Giả sử một người mua cái samovar<sup>1</sup> điện, nhưng không đọc hoặc không làm theo chỉ dẫn của nhà chế tạo. Anh ta tự mắc điện theo cách anh cho là đúng nhất. Kết quả là anh tự giết mình bằng dòng điện. Chúng ta thấy khó cảm thương anh: chúng ta gọi anh là khờ dại vì đã làm ngơ chỉ dẫn của nhà sản xuất và không lưu ý định luật về điện. Tương tự như vậy, cố tình làm ngơ và bất tuân những định luật tâm linh và đạo đức của Đấng Tạo Hóa, hẳn phải dẫn tới thảm họa tâm linh và đạo đức. Đó là nguyên nhân gốc rễ cho mọi triệu chứng của tội lỗi.

Điều đáng nói ở đây theo Kinh Thánh là, có thuốc chữa tội lỗi. *“Đây là lời chắc chắn và hoàn toàn đáng tiếp nhận: Đấng Christ Giê-xu đã đến trong thế gian để cứu vớt tội nhân.”* *“Vì Đức Chúa Trời đã sai Con Ngài đến thế gian không phải để kết án thế gian, nhưng để thế gian nhờ Con mà được cứu”* (1 Ti-mô-thê 1:15; Giăng 3:17).

Vì vậy, các chương sau đây sẽ nghiên cứu các thuật ngữ được Tân Ước sử dụng để mô tả sự cứu rỗi này, cùng cách hành động của sự cứu rỗi.

Nhưng có hai điều chúng ta cần lưu ý ngay. Nhiều người nghĩ, cách để được cứu là cố gắng hết sức để cắt đứt những triệu chứng tội lỗi ra khỏi cuộc sống. Làm như vậy thì cũng tốt; nhưng chẳng cứu được chúng ta. Bạn có thể cắt hết mọi quả táo trên cây; nhưng cây vẫn là cây táo. Bản chất bên trong của cây vẫn là táo. Vì thế, cho dù chúng ta có thể đè nén triệu chứng của tội lỗi, nhưng vẫn còn mang bản chất tội lỗi bên trong. Và Tân Ước nói, đó không phải là lỗi của chúng ta. Chúng ta vốn như vậy từ lúc sinh ra. Chúng ta thừa hưởng bản chất tội lỗi từ cha mẹ đầu tiên là A-đam. Nhưng cũng theo cách tương tự như vậy, nếu muốn, chúng ta có



thể nhận được sự sống thánh khiết, không sa ngã từ Đấng Christ, là bản chất để sống cuộc đời đẹp ý Đức Chúa Trời. *“Vì bởi sự không vâng phục của một người (A-đam) mà nhiều người trở thành tội nhân, thì cũng vậy, bởi sự vâng phục của một Người (Đấng Christ) mà nhiều người sẽ trở nên công chính”* (Rô-ma 5:19).

Và điều thứ nhì cần lưu ý là: Đức Chúa Trời yêu thương chúng ta trong khi chúng ta còn là tội nhân. Đây là bí quyết khiến cho sự cứu rỗi của Đức Chúa Trời trở thành công việc làm thực tế và hữu ích. Chúng ta chẳng cần phải tự cải thiện con người mình, trước khi Đức Chúa Trời sẵn sàng chấp nhận chúng ta và bắt đầu công tác cứu rỗi lớn lao của Ngài bên trong chúng ta. Ngài yêu chúng ta và sẵn sàng chấp nhận chúng ta với hiện trạng của mình. Đây là chủ đề của luận cứ trong Rô-ma 5:6-11, một phân đoạn mà bất kỳ ai nghiêm túc đối với vấn đề tội lỗi, cũng đều phải suy nghĩ thông suốt.

1. Bình có chốt ở phần đế, đặc biệt ở Nga, dùng nấu nước uống trà.



## 4

# GIẢNG HÒA

## *Đường Dẫn tới Hòa Thuận*

Trong chương trước, chúng ta nghiên cứu căn bệnh tâm linh và đạo đức mà mọi người chúng ta đều mắc phải, cùng với những triệu chứng của việc cách xa Đấng Tạo Hóa chúng ta. Bây giờ chúng ta bắt đầu xem xét những từ mô tả thuốc chữa.

Trước tiên, chúng ta gặp từ *giảng hòa*, vừa là danh từ và động từ. Có lẽ đây là từ dễ hiểu nhất, vì chúng ta đã biết ý nghĩa của từ này trong các mối liên hệ giữa mình với người khác. Đa số chúng ta có lúc nào đó trong cuộc sống, cũng trải nghiệm sự việc như sau. Chúng ta làm hoặc nói điều gì đó làm tổn thương sâu xa hoặc thậm chí gây thương tích cho bạn bè hoặc ai đó. Cuối cùng người bạn gặp mặt chúng ta về việc sai trái đó. Nhưng thay vì nhìn nhận, và xin được tha thứ, thì sự kiêu căng hoặc sợ hãi khiến chúng ta phủ nhận lỗi lầm của mình, hoặc thậm chí còn nói dối; rồi chúng ta nổi giận, cáo giác đủ điều ngược lại người đó. Và sau khi bỏ đi,

chúng ta lấm bầm “Mình không bao giờ muốn nói chuyện hoặc gặp lại anh ta nữa.” Kể từ đó, là sự xa lánh, ngăn cách, và im lặng dài lâu. Suốt thời gian đó, nếu có ai chợt vô tình khen người bạn cũ, chúng ta bực tức ngay. Rồi để cập khía cạnh tự (bóp méo) câu chuyện, chúng ta bôi nhọ tâm tánh bạn cũ của mình, và biện minh cho mối thù oán của chúng ta đối với bạn.

Nhiều người cũng giống như vậy, trong mối liên hệ với Đức Chúa Trời. Ký ức cùng lương tâm xấu, khiến họ ý thức sâu xa trong lòng rằng có một Đấng Tạo Hóa, chống đối tội lỗi của họ, và họ tưởng tượng, cũng chống đối chính họ. Vì vậy, thay vì nhìn nhận tội lỗi, họ phủ nhận có Đấng Tạo Hóa. Nếu gặp người nào tin Đức Chúa Trời, yêu mến và thờ phượng Ngài, thì trong lòng họ bực tức và cáo buộc Ngài đủ mọi điều xấu mà người có tôn giáo đã phạm phải, như thể đó là lỗi của Đức Chúa Trời (và như thể người vô thần chưa bao giờ làm điều gì xấu), hoặc giả họ đổ lỗi Đức Chúa Trời đã để cho xảy ra quá nhiều khổ đau trên đời này, v.v. Và thế là họ cứ khẳng khẳng xa lánh Đấng Tạo Hóa, cuộc đời họ vẫn tiếp tục trong bóng tối của vô vọng và không mục đích, đôi lúc chỉ chợt lóe lên những chập chờn đối kháng từ lương tâm xấu xa muôn đời không được nằm yên nghỉ.

Giảng hòa là từ cho chúng ta biết chính Đức Chúa Trời đã hành động để khắc phục sự xa lánh này, để xua tan mọi hiểu lầm dẫn tới cách xa, và để cất bỏ những chướng ngại đối với hòa thuận. Có hai phần đoạn từ Tân Ước chỉ cách cho chúng ta:

*“Ngài (Giê-xu Christ) là hình ảnh của Đức Chúa Trời vô hình, là Đấng sinh ra trước tất cả mọi loài thọ tạo. Vì trong Ngài mọi vật trên trời, dưới đất, vật thấy được hoặc không thấy được, đều được tạo dựng, hoặc ngôi vua hoặc quyền thống trị hoặc các lãnh tụ, hoặc giới cầm quyền, đều được tạo dựng bởi Ngài và vì Ngài. Ngài có*

*trước muôn vật và muôn vật được giữ vững trong Ngài. Ngài là đầu của thân thể, là hội thánh; Ngài là khởi đầu, là Đấng sinh ra trước nhất từ những người chết, để trong mọi sự Ngài đều đứng đầu. Vì Đức Chúa Trời đã vui lòng đặt để mọi sự viên mãn của mình ở trong Ngài, và nhờ Ngài mà hòa giải muôn vật với chính mình Ngài bởi huyết Ngài trên thập tự giá đem bình an đến cho cả những vật dưới đất và những vật trên trời. Còn anh em ngày trước vốn xa cách Đức Chúa Trời, trở nên thù nghịch với Ngài bởi những ý tưởng và hành động xấu xa của anh em. Nhưng bây giờ Đức Chúa Trời đã giảng hòa qua sự chết thân xác của Đấng Christ để trình diện anh em một cách thánh sạch, không tì vết, không chỗ chê trách được trước mặt Ngài” (Cô-lô-se 1:15-22).*

Bạn có thể gặp phân đoạn thứ nhì trong 2 Cô-rinh-tô 5:18-21.

Điều đầu tiên cần lưu ý trong các phân đoạn về giảng hòa này, ấy là chính **Đức Chúa Trời đã tự ý hành động trước:**

*Vi trong Ngài (tức là trong Đấng Christ) mọi sự đầy đầy phải ở trong Ngài và qua Ngài (Đức Chúa Trời) phải giảng hòa mọi sự với chính Ngài. Vì trong Đấng Christ, Đức Chúa Trời đã giảng hòa với thế gian.*

Đây là điểm nổi bật, vì qui luật bình thường của Đức Chúa Trời cho con người khi họ bất hòa với nhau, là người phạm lỗi phải có trách nhiệm chủ động thực hiện giảng hòa. Đấng Christ phán: *“Vi vậy, nếu người đem lễ vật dâng nơi bàn thờ mà chột nhớ người anh em mình đang có điều nghịch với mình, hãy để lễ vật trước bàn thờ. Trở về giảng hòa với anh em trước đã; rồi hãy đến dâng tế lễ”* (Ma-thi-ơ 5:23-24). Nhưng Đức Chúa Trời chẳng làm gì sai quấy với thế gian. Ngài chẳng có gì phải xin lỗi. Chính con người mới tự ý nghịch thù bằng cách chống lại Ngài. Thế nhưng Đức Chúa Trời là Đấng chủ

động thực hiện bước giảng hòa bằng cách sai Con Ngài giảng thế.

Điều này cũng nổi bật vì một lý do khác. Thường khi hai người bất hòa, họ ước có thể nối lại tình bạn. Nhưng bên này sợ bên kia cự tuyệt. Còn Đức Chúa Trời thì dù biết trước sẽ bị cự tuyệt, làm nhục, và đóng đinh, vẫn sai Con Ngài xuống thế. Thực sự đó là lý do Con Đức Chúa Trời, Đấng qua đó mà vũ trụ được tạo dựng, đã đến giữa chúng ta với vinh quang thiên thượng của Ngài che giấu trong hình dạng con người. Vinh quang không che giấu của Ngài có thể ngăn cản họ đến gần Ngài, nói chi tới việc bày tỏ chống đối Ngài. Kết cuộc là họ trút hết mọi nghịch thù đối với Đức Chúa Trời lên Giê-xu Christ và đóng đinh Ngài trên thập tự giá. Trước hành động đó của họ, Đức Chúa Trời vẫn công bố Ngài yêu thương và sẵn sàng tha thứ tội đó cùng mọi tội lỗi khác của họ (Công Vụ Các Sứ Đồ 2:36-39). Vì Ngài yêu thương họ trong lúc họ là tội nhân.

Đây là cách Đức Chúa Trời trả lời cho vu cáo mà Ma quỷ gieo vào suy nghĩ của nhân loại, cho rằng Đức Chúa Trời là một bạo chúa, chỉ chực chờ cơ hội đầu tiên để ngăn cản con người biểu lộ toàn vẹn nhân cách của họ, và theo đuổi những tham vọng lành mạnh riêng tư của mình (Sáng Thế Ký 3).

Chẳng phải là vì Đức Chúa Trời đã nhu nhược đối với tội lỗi, và sẵn sàng đầu hàng sự kiêu căng cùng gian ác của con người, nhằm duy trì và khôi phục tình bạn với con người. Đấng Toàn Năng không dễ bị lừa. Ngài không thể và sẽ không xem tội lỗi của loài người là không quan trọng. Vì vậy chúng ta cần hiểu ý nghĩa của từ 'giảng hòa' khi Tân Ước nói "*Bởi Đấng Christ, Đức Chúa Trời đã tự mình giảng hòa với thế gian.*" Và để hiểu đúng, chúng ta xem cách dùng từ này trong Hi Văn xưa, là ngôn ngữ viết ra Tân Ước.

Nếu A làm sai, gây tổn thương nghiêm trọng cho B, thì B có quyền nổi giận với A, và thù nghịch với A. Vì thế, để hòa giải A với B, bạn chẳng cần làm gì nhiều để thay đổi ý nghĩ của A về B, mà chỉ cần xóa bỏ nguyên nhân nổi giận công chính của B đối với A.

Cơn giận của Đức Chúa Trời đối với tội lỗi chẳng phải là sự mất bình tĩnh tạm thời, khiến Ngài hành động không phù hợp với bản tánh của Ngài. Cũng không phải là tình cảm phần nộ, rồi cuối cùng tan biến. Cũng không thể là cảm giác bất bình riêng tư, để Ngài giữ kín trong trí. Tội lỗi là sự thách thức chính hữu thể và bản tánh Đức Chúa Trời; và vì Ngài là Tổng Đốc đạo đức của vũ trụ, Đức Chúa Trời phải công khai và tích cực tỏ bày phần nộ trong toàn hữu thể của Ngài đối với tội lỗi. Vì vậy, có nghĩa là Ngài không thể mãi mãi làm ngơ tội lỗi, đừng nói là chẳng hành động gì, như thể tội lỗi không quan trọng. Chỉ khi nào tội lỗi bị trừng phạt công khai trước mặt toàn thể vũ trụ, thì cơn phần nộ của Đức Chúa Trời mới được xoa dịu và bản tánh Ngài mới được xác minh. Vì vậy, để giảng hòa chính Ngài với thế gian, trước tiên Đức Chúa Trời đã phải xóa bỏ nguyên nhân phần nộ của Ngài đối với thế gian: Ngài phải phạt tội lỗi của thế gian. Không thể nào không có sự giảng hòa, không thể hoan nghênh mọi người nam nữ quay về trong tình bạn, nếu không có sự giảng hòa.

Và đó cũng là lý do, bởi quyết định hiệp nhất của Ba ngôi, Con Đức Chúa Trời đã trở thành người, mà vẫn là Đức Chúa Trời. Do sự toàn vẹn của Ba Ngôi ở trong Ngài, Ngài có thể đại diện Đức Chúa Trời trước mặt con người. Việc gì con người làm cho Ngài, tức là làm cho Đức Chúa Trời. Cách Ngài phản ứng con người, là cách Đức Chúa Trời phản ứng. Trong Ngài, con người có thể thấy được Đức Chúa Trời là Đấng thực sự như thế nào.

Đồng thời, vì Ngài cũng đích thực là con người (tuy không chỉ là người) nên Ngài có thể đại diện cho loài người trước mặt Đức Chúa Trời. Như vậy, Ngài có thể và đã nhận lấy trách nhiệm Đại Diện và Thay Thế nhân loại, mang lấy tội lỗi của thế gian, và công khai hứng chịu cơn phẫn nộ của Đức Chúa Trời cũng như lãnh hình phạt của tội lỗi. Nhờ đó, Ngài cất bỏ hoàn toàn nguyên nhân phẫn nộ của Đức Chúa Trời đối với thế gian và tạo điều kiện cho con người được giảng hòa với Đức Chúa Trời và hòa thuận với Ngài.

2 Cô-rinh-tô 5:18-21 chép: *“Trong Đấng Christ, Đức Chúa Trời giảng hòa với thế gian, không kể tội lỗi cho loài người... vì Ngài làm cho Đấng (Giê-xu Christ) vốn chẳng biết tội lỗi trở nên tội lỗi vì chúng ta, để trong Đấng ấy chúng ta được trở nên công chính trước mặt Đức Chúa Trời.”* Có nghĩa là khi Đấng Christ, dù chính Ngài vô tội, làm đại diện mang lấy tội lỗi của thế gian, thì Đức Chúa Trời đối xử với Ngài như thể tội lỗi của thế gian là của Ngài. Hình phạt công bình dành cho thế gian tội lỗi, như vậy được Đấng Christ gánh hết, dẫn tới kết quả là không còn chướng ngại ngăn cản lối con người quay về với Đức Chúa Trời nữa. Công lý không còn buộc Đức Chúa Trời phải gán tội lỗi lên thế gian nữa. Mọi người đều có thể đến với Đức Chúa Trời qua Đấng Christ, được giảng hòa với Ngài, và được hòa thuận với Ngài bây giờ và mãi mãi. Con người không cần phải tự làm hòa với Đức Chúa Trời. Đấng Christ đã làm việc đó thế cho con người rồi. Con người chỉ cần tiếp nhận sự giảng hòa và hòa thuận do Đấng Christ đã thực hiện. Vì vậy, khi đến với Đức Chúa Trời, con người thấy mình được chấp nhận như thể mình là Đấng Christ, hoặc nói theo cách Kinh Thánh, con người được kể hoàn toàn hòa thuận với Đức Chúa Trời giống như Đấng Christ vậy (*“trở nên sự công chính của Đức Chúa Trời trong Đấng Christ”*).

Như vậy có nghĩa là mọi người khắp nơi đều được cứu, hoặc cuối cùng sẽ được cứu, cho dù vẫn cứ tiếp tục làm ngơ Đức



Chúa Trời và sống trong tội lỗi, hoặc thậm chí là kẻ vô thần, phải không? Dĩ nhiên là không. Đấng Christ chắc chắn đã thực hiện sự giảng hòa và hòa thuận với Đức Chúa Trời cho toàn nhân loại. Nhưng vấn đề còn lại là về phần mình, chúng ta có sẵn sàng tiếp nhận sự hòa thuận hay không. Đôi khi trong lịch sử cũng có lúc lãnh tụ của hai nước giao chiến đã kêu gọi ngưng chiến và ký hòa ước, nhưng một nhóm ly khai trong một bên, lại từ chối chấp nhận hòa bình. Nhóm này vẫn cứ xem nước kia là thù địch, còn mọi người trong nước chấp nhận hòa ước, bị cho là phản quốc. Và rồi cứ tiếp tục đánh nhau.

Giữa chúng ta với Đức Chúa Trời cũng giống như vậy. Những người chấp nhận sự hòa thuận Đấng Christ đã thực hiện, được Tân Ước mô tả là *"tiếp nhận sự giảng hòa"* (Rô-ma 5:1) và vì vậy, bước vào sự hòa thuận trường cửu với Đức Chúa Trời. Nhưng con người cũng có thể khước từ sự giảng hòa và vẫn tiếp tục làm ngơ và thù nghịch đối với Đấng Tạo Hóa của mình. Dĩ nhiên, tạo vật mà có thái độ như vậy, thì không thể tránh khỏi con đường thảm họa.

Sự hòa thuận do Đấng Christ thực hiện mang thêm hai lợi ích khác nữa. Thứ nhất là, những người nhờ Đấng Christ đã được giảng hòa với Đức Chúa Trời, thấy giữa họ cũng có hòa thuận với nhau và với người khác, là những người cũng được giảng hòa với Đức Chúa Trời qua Đấng Christ.

*Vậy hãy nhớ lại rằng trước kia anh em sinh ra là dân Ngoại...bị xa cách Đấng Christ, không có quyền công dân Ít-ra-ên...Nhưng bây giờ trong Christ Giê-xu anh em là người trước kia xa cách, nay được gần gũi nhờ huyết của Đấng Christ. Vì chính Ngài là sự hòa thuận của chúng ta, Ngài đã kết hợp cả hai làm một, phá đổ hàng rào ngăn cách, là bức tường thù địch gây chia rẽ, bằng việc qua thân xác mình, đã hủy bỏ luật pháp với các điều răn*

*và qui tắc. Mục đích của Ngài nhằm tạo ra trong chính Ngài một nhân loại mới từ hai con người này, như vậy thực hiện sự hòa thuận, và trong chính thân xác này, giảng hòa cả hai cho Đức Chúa Trời qua thập tự giá, bằng cách đó, tiêu diệt sự thù địch. Ngài đến rao giảng sự hòa thuận cho anh em là kẻ ở xa và hòa thuận cho người ở gần. Vì nhờ Ngài mà cả hai nhóm chúng ta đều có thể đến với Cha bởi một Thánh Linh. (Ê-phê-sô 2:11-18).*

Phân đoạn này mô tả cách Đấng Christ chấm dứt mối hận thù lâu đời giữa người Do Thái với phi-Do Thái. Nhưng cùng một sự việc này cũng áp dụng cho tất cả những hàng rào về chủng tộc, chủ nghĩa quốc gia, địa vị xã hội, cùng tôn giáo, từng gây chia rẽ sâu xa trong nhân loại. Dĩ nhiên, điều đáng tiếc cũng đúng là theo dòng lịch sử, con người và những quốc gia tự xưng là Cơ đốc, đã bắt bớ và đánh lại các dân tộc cùng quốc gia cũng tự xưng là Cơ đốc (giống như đôi khi các nước xưng mình theo Mác-xít, đánh lại các nước khác cũng tự xưng Mác-xít). Nhưng cách hành xử như vậy gieo nghi ngờ nghiêm trọng, không rõ các bên trong cuộc, có thực sự được giảng hòa với Đức Chúa Trời chưa. Có thể ngụ ý lời tự xưng Cơ đốc đó, chỉ là hình thức và nông cạn; như Tân Ước nói, họ đã tiếp nhận *"ân sủng Đức Chúa Trời cách vô ích"* (2 Cô-rinh-tô 6:1).

Lợi ích lớn thứ nhì là: một ngày kia Đức Chúa Trời sẽ giảng hòa toàn vũ trụ gồm những hữu thể thông minh, về với Ngài (xem lời trích từ Cô-lô-se 1:20, tr. 17). Đáng tiếc một lần nữa, cũng không ngụ ý mọi hữu thể trong vũ trụ, kể cả Ma Quỷ, cũng sẽ trở thành bạn trung thành với Đức Chúa Trời; vì Đức Chúa Trời sẽ không cất bỏ ý chí tự do của bất kỳ sinh vật nào, thậm chí nhằm mục đích biến kẻ phản loạn thành thánh nhân. Nhưng trường hợp là như thế này: Đức Chúa Trời sẽ không chờ đợi mãi. Một ngày kia, Ngài sẽ phục hồi và tái triển khai địa cầu cùng vũ trụ. Có nghĩa là Ngài sẽ dùng vũ

lực để kềm chế mọi kẻ khăng khăng chống nghịch Ngài. Nhưng khi Ngài làm như vậy, thì sẽ không một ai có khả năng lên tiếng chống đối về mặt đạo đức. Thập tự giá Đấng Christ sẽ bịt miệng mọi chống đối. Mọi người đều có thể được cứu nhờ ân sủng diệu kỳ qua công lao của Đấng Christ. Kể cả những kẻ hư mất cũng sẽ không thể chỉ trích Đức Chúa Trời dựa trên lý do đạo đức được. Vũ trụ sẽ được hoàn toàn lập lại hòa bình (Khải Huyền 5:11-14).



## 5

# XƯƠNG CÔNG CHÍNH

## *Biến Mọi Việc Thành Hợp Pháp*

Hai từ cơ bản kế tiếp được Tân Ước dùng mô tả việc Đức Chúa Trời sẵn sàng làm cho chúng ta là *xương công chính* và *sự công chính*. Đây là những từ pháp lý. Điều này khiến một số người khó chịu. Họ lý luận rằng nếu có Đức Chúa Trời, thì Ngài phải yêu thương con cái và sẽ sẵn sàng tiếp đón những đứa con lầm lỗi quay về giống như người cha trong Chuyện Ẩn Dụ Con Trai Hoang Đàng nổi tiếng của Chúa Giê-xu (Lu-ca 15). Người cha đó không hành động như quan án, kéo con ăn năn ra tòa; cho nên Đức Chúa Trời cũng sẽ không làm thế, họ chỉ trích như vậy.

Nhưng đây là cách suy nghĩ nông cạn. Ngay cả trong chuyện ẩn dụ, dù cha tha thứ cho con trai hoang đàng và tái xác nhận con mình, nhưng vẫn không truất phần thừa kế gia tài của con cả, để lấy phần nửa chia cho con hoang đàng, bù vào chỗ con hoang đàng đã hoang phí phần chia cho nó! Như vậy sẽ vô cùng bất công; mà sự tha thứ của Đức Chúa

## Khái Niệm Nền Tảng Thánh Kinh

---

Trời cũng không bao giờ buộc chính Ngài hoặc người khác phải hi sinh công lý như vậy.

Giả sử con gái bạn làm việc trong ngân hàng. Một hôm kẻ cướp bước vào ngân hàng, bắn cô ấy, rồi cuồn đi món tiền thật lớn. Bạn sẽ nghĩ sao, nếu tên tội phạm bị đưa ra tòa, và thẩm phán nói: “Tuy đây là phạm nhân, nhưng nó là con trai tôi và tôi thương nó. Nó nói nó lấy làm tiếc. Vì vậy tôi sẽ tha cho nó, khỏi phải lãnh án”? Há bạn sẽ không phản đối, cho rằng tha tội như vậy là hoàn toàn bất công đối với chính bạn và con gái của bạn, cũng như bán rẻ cả một nền tảng của xã hội văn minh công bằng sao? Điều mà chuyện Ẩn Dụ về Con Trai Hoang Đàng dạy, chắc chắn là như vậy: Đức Chúa Trời sẵn sàng tha thứ cho con cái Ngài. Nhưng đó mới chỉ là một mặt của chân lý thôi. Còn mặt kia là, phải hiểu và nhìn sự tha thứ đó nhất quán với công lý phổ quát.

Đến đây chúng ta sẽ thấy động từ ‘xưng công chính’ có hai hàm ý cơ bản:

1. Tuyên bố ai đó là đúng
2. Chứng minh ai đó hoặc điều gì đó là đúng.

Không có nghĩa ‘*làm cho* ai đó đúng.’ Lu-ca 7:29 nói rằng “*mọi người...xưng Đức Chúa Trời là công chính.*” Không thể có nghĩa là dân chúng *làm cho* Đức Chúa Trời công chính. Mà có nghĩa “*dân chúng tuyên bố Đức Chúa Trời là công chính.*”

Nhưng bây giờ chúng ta hãy trở lại từ đầu. Đây là một thí dụ về cách sử dụng từ này nơi tòa án con người thời Thánh Kinh.

*Khi đôi bên có chuyện tranh tụng và đưa nhau ra tòa, thì các thẩm phán sẽ phân xử cho họ; rồi sẽ tuyên bố công chính cho người công chính và định tội người gian ác (Phục Truyền Luật Lệ Ký 25:1).*

Ý nghĩa của nhóm từ ‘tuyên bố công chính cho người công chính và định tội người gian ác’ đã rõ. ‘Định tội người gian ác’ không có nghĩa ‘làm cho người đó gian ác’ mà là ‘tuyên bố người đó là gian ác,’ hoặc ‘sai quấy.’ Tương tự như vậy, ‘tuyên bố công chính cho người công chính’ có nghĩa là, cuối cùng, người được chứng minh đã hành động đúng, phải được công bố là đúng.

Đáng tiếc, đôi khi nơi tòa án loài người, người thực sự làm sai quấy, vẫn có thể hối lộ thẩm phán cùng bồi thẩm đoàn để được xác minh sai sự thật. Kinh Thánh cực lực lên án thứ công lý trái khuấy như vậy:

*Người xưng kẻ ác là công chính (tức là tuyên bố kẻ ác là đúng) và kẻ lên án người công chính, cả hai đều ghê tởm đối với Đức Giê-hô-va (Châm Ngôn 17:15).*

Nhớ như vậy, rồi đọc chuyện ẩn dụ sau đây do Chúa Giê-xu kể, bạn sẽ thấy ngạc nhiên.

*Chúa Giê-xu lại kể ẩn dụ này cho một số người tự cho mình là công chính mà khinh bỉ những người khác: Có hai người lên đền thờ cầu nguyện, một người Pha-ri-si và một người thu thuế. Người Pha-ri-si đứng dậy cầu nguyện về mình như thế này: “Lạy Đức Chúa Trời, con tạ ơn Ngài, vì con không phải như người khác—tham lam, bất nghĩa, gian dâm—cũng không phải như người thu thuế này. Con kiêng ăn mỗi tuần hai lần và nộp một phần mười về mọi lợi tức của con.”*

*Còn người thu thuế đứng xa xa, thậm chí không dám ngước mắt lên trời, chỉ đấm ngực thưa: “Lạy Đức Chúa Trời, xin thương xót con, vì con là một tội nhân.” Ta bảo các người, người này trở về nhà mình, được xưng công chính trước mặt Đức Chúa Trời. Vì ai tự tôn cao sẽ bị hạ xuống, còn ai tự hạ xuống, sẽ được tôn cao (Lu-ca 18:9-14).*

## Khái Niệm Nền Tảng Thánh Kinh

---

1. Điều đầu tiên cần lưu ý là ở đây Chúa Giê-xu dùng từ 'xung công chính': *"người thu thuế được xưng công chính."* Đây là điểm thật thú vị. Người Pha-ri-si và người thu thuế không ra trình diện thẩm phán của tòa án trần gian. Họ vào đền thờ để cầu nguyện. Nhưng khi đứng trước mặt Đức Chúa Trời và ôn lại cuộc đời mình, thì chính Đức Chúa Trời là quan án và tuyên án cho họ.

2. Điều thứ hai cần lưu ý là, theo Đấng Christ, một trong hai người về nhà được xưng công chính; có nghĩa là trong vai Quan Án, Đức Chúa Trời công bố người này là đúng, trước tòa án của Đức Chúa Trời.

3. Điều thứ ba cần lưu ý là, trong khi người này được Đức Chúa Trời xưng công chính, thì người kia không được. Và đây mới là điều gây kinh ngạc! Vì người thu thuế tự nhận mình là tội nhân; hầu hết mọi người thời đó đều xem việc thu thuế cho đế quốc La Mã kèm theo mọi mách khoe gian lận, là một trong những dạng tội lỗi đáng khinh nhất. Thế nhưng người này lại được Đức Chúa Trời xưng công chính! Ngược lại, người Pha-ri-si, là người cố gắng hết sức sống thật tốt, về mặt tôn giáo, thương mại và xã hội: người không bắt nghĩa, không tống tiền, không ngoại tình; người kiêng ăn một tuần hai lần, dâng phần mười và dâng cho Đức Chúa Trời để sử dụng cho người khác. Thế nhưng Đức Chúa Trời không xưng người là công chính.

Mới nghe, không chỉ kinh ngạc: mà còn sốc nữa. Chính Kinh Thánh, như chúng ta đã thấy, cấm quan tòa trần gian xưng công chính cho kẻ ác, mà lên án người công chính. Vậy tại sao khi hai người này ra trước tòa án của Đức Chúa Trời, thì Ngài lại có thể xưng công chính cho người thu thuế, vốn là 'người xấu,' mà không xưng công chính cho người Pha-ri-si, vốn là 'người tốt'? Một phần câu trả lời, ở trong các nguyên tắc sau đây.



**1. Các tiêu chuẩn luật pháp của Đức Chúa Trời là tuyệt đối.** Tiêu chuẩn của Đức Chúa Trời khác với tiêu chuẩn của chúng ta. Nếu một thiếu niên làm bài thi được 70 điểm trên 100, có thể cậu ta thi đậu, dù còn thiếu 30 so với điểm 100. Nhưng luật pháp Đức Chúa Trời không giống như vậy. Luật của Ngài đòi hỏi luôn luôn phải toàn vẹn 100 phần trăm. Mà không ai trong chúng ta đạt được tới đó. Vài người trong chúng ta có thể tốt hơn người khác. Nhưng Đức Chúa Trời trung thực: Ngài không thể giả vờ như thể chúng ta tốt hơn bản chất thật của mình. Phán quyết của Ngài là *“mọi người đều đã phạm tội và thiếu hụt vinh quang (nghĩa là tiêu chuẩn hoàn hảo) của Đức Chúa Trời”* (Rô-ma 3:23).

**2. Luật pháp Đức Chúa Trời là một tổng thể.** Vi phạm một điều răn, tức là bạn mắc tội vi phạm toàn bộ luật pháp, Kinh Thánh nói như vậy (Gia-cơ 2:10). Có lẽ lúc đầu nghe thật bất công, nhưng luật pháp Đức Chúa Trời không phải là một sự tập những mạng lệnh không liên quan với nhau, ở chỗ nếu bạn chỉ phạm một luật thì các luật còn lại chẳng hề hấn gì. Luật pháp Đức Chúa Trời là một tổng thể hiệp nhất. Mục tiêu và yêu cầu của luật pháp là sự toàn thiện. Chỉ vi phạm một luật, thì dù bạn giữ đúng những luật còn lại, kết quả vẫn là không hoàn hảo. Chỉ đứt một khoen trong dây xích neo tàu, là cả con tàu sẽ trôi dạt. Chỉ cần sai một con số trong bài tính cộng thật dài, là đủ để bạn có tổng số sai rồi. Và ngay cả người tốt nhất trong chúng ta cũng đã vi phạm nhiều hơn một điều răn của Đức Chúa Trời.

**3. Vì vậy luật pháp Đức Chúa Trời lên án tất cả chúng ta.** Dù chúng ta có cố gắng làm việc thiện như người Pha-ri-si, hoặc có làm điều xấu xa như người thu thuế, thì tất cả chúng ta cũng đều đã vi phạm luật pháp Đức Chúa Trời. Và Kinh Thánh nói: *“Hiện nay chúng ta biết rằng những điều luật pháp nói, là nói cho những ai ở dưới luật pháp, để mọi miệng đều*

*phải nín lặng, và cả thiên hạ đều chịu phán xét trước mặt Đức Chúa Trời” (Rô-ma 3:19).*

## **GIẢI ĐÁP CHO PHÂN NỬA VẤN ĐỀ**

Và bây giờ chúng ta có thể bắt đầu thấy lời đáp ít ra cho phân nửa vấn đề của chúng ta: Tại sao người Pha-ri-si không được xưng công chính? Bởi vì khi đến trước mặt Đức Chúa Trời, người này kể lể mọi việc thiện mình làm, mọi nỗ lực người đã chân thành giữ luật pháp Đức Chúa Trời; và người hi vọng nhờ những tiêu chuẩn đó, Đức Chúa Trời sẽ xưng công chính cho người. Nhưng không thể được. Việc thiện nhờ nỗ lực riêng, vẫn là thiếu hụt, vì người đã vi phạm luật pháp Đức Chúa Trời. Vì vậy, người phải lãnh hình phạt. Đức Chúa Trời không thể giả vờ ngược lại được. Lời Ngài phán: *“Bởi việc làm theo luật pháp, chẳng có một người nào được kể là công chính trước mặt Đức Chúa Trời: vì nhờ luật pháp người ta nhận biết tội lỗi”* (Rô-ma 3:20).

Ai đó sẽ nói: “Nếu vậy thì ý ở đây là, Đức Chúa Trời không thể tuyên bố ai là đúng cả; Ngài không thể xưng người nào trước tòa án của Ngài là công chính. Nhưng còn người thu thuế thì sao? Chắc chắn người này đã vi phạm luật pháp Đức Chúa Trời còn tệ hơn người Pha-ri-si. Vậy tại sao Đấng Christ lại nói, người thu thuế rời đền thờ về nhà, được xưng công chính?”

## **GIẢI ĐÁP CHO PHÂN NỬA VẤN ĐỀ CÒN LẠI**

Về lý thuyết, có hai cách để chúng ta được Đức Chúa Trời xưng công chính. Một là giữ luật pháp Ngài thật hoàn hảo: lúc ấy Đức Chúa Trời có thể tuyên bố chúng ta “hòa thuận với Đức Chúa Trời.” Nhưng thật ra cách đó là bất khả thi đối với chúng ta, như chúng ta đã thấy. Tất cả chúng ta đều đã vi phạm luật pháp Ngài cả rồi.

Cách kia là được xưng công chính nhờ trả nợ tội vi phạm luật pháp Đức Chúa Trời. Nhưng nếu chúng ta làm điều này, sẽ có nghĩa là chúng ta dời dời xa cách Đức Chúa Trời. Do đó, chúng ta lại rơi vào tình trạng khó xử.

Giải pháp của Đức Chúa Trời là, chính Con Ngài làm Đại Diện cho nhân loại, đã trả nợ thế cho chúng ta bằng cách mang lấy hình phạt Đức Chúa Trời dành cho tội lỗi, rồi chết trên thập tự giá. Vì vậy, nếu chúng ta đặt lòng tin nơi Chúa Giê-xu, thì Đức Chúa Trời có thể kể sự chết của Ngài là của chúng ta; nợ tội của chúng ta nhờ đó đã được Chúa Giê-xu trả xong, bây giờ Đức Chúa Trời có thể xưng chúng ta là công chính, tức là tuyên bố chúng ta là đúng, trước tòa phán xét của Ngài.

Kinh Thánh mô tả điều này như sau:

*Vi mọi người đều đã phạm tội và thiếu mất vinh quang của Đức Chúa Trời, và nhờ ân sủng Ngài, bởi sự cứu chuộc trong Đấng Christ Giê-xu, họ được xưng công chính mà không phải trả giá nào. Đức Chúa Trời đã lập Ngài làm sinh tể chuộc tội cho những ai có đức tin trong huyết Ngài. Việc này bày tỏ sự công chính của Đức Chúa Trời, vì Ngài lấy lòng nhẫn nhục mà bỏ qua những tội lỗi trong quá khứ—trong hiện tại Ngài cũng chứng tỏ chính Ngài công bình và là Đấng xưng công chính cho người nào đặt lòng tin nơi Chúa Giê-xu (Rô-ma 3:23-26).*

Như vậy phải chăng mọi người nam nữ đều tự động được xưng công chính không? Không. Một lần nữa, theo chuyện ẩn dụ, thì người Pha-ri-si không được xưng công chính. Người thu thuế được xưng công chính, lý do là vì khi đứng trước mặt Đức Chúa Trời, anh này đấm ngực và xưng tội, tự lên án chính mình, và nhìn nhận mình đáng bị hình phạt vì đã vi phạm luật pháp Đức Chúa Trời. Rồi bởi đức tin, người này gieo mình xuống trước lòng thương xót của Đức Chúa Trời, thưa rằng: *“Lạy Đức Chúa Trời xin thương xót tôi là kẻ có*

tội.” Chính tại đó và ngay lúc đó, Đức Chúa Trời xưng công chính cho người, tuyên bố người hòa thuận với Đức Chúa Trời, thoát khỏi án phạt tội lỗi, được xưng công chính một lần đủ cả.

Hơn nữa, Kinh Thánh cho chúng ta biết *“Theo như đã định cho mọi người phải chết một lần rồi chịu phán xét”* (Hê-bơ-rơ 9:27-28). Điều này có nghĩa Đức Chúa Trời không triệu tập chúng ta tới trước Tòa Án Ngài mỗi ngày trong cuộc đời mình. Sẽ chỉ có một Ngày Phán Xét; và đó là sau khi chúng ta qua đời. Ngày đó, cả cuộc đời chúng ta sẽ được ôn lại, rồi Đức Chúa Trời sẽ tuyên án.

Và điều kỳ diệu là, chúng ta không cần phải chờ tới Ngày Phán Xét mới biết được phán quyết sẽ ra sao (xem thêm Giăng 5:24). Đức Chúa Trời cho những người đã đặt niềm tin nơi Đấng Christ, biết rằng Đấng Christ đã chết một lần đủ cả trên thập tự giá, là đủ áp dụng cho cả một đời của mỗi người khi tới Ngày Phán Xét. Vì thế, họ chẳng có gì phải sợ. Khi đã được xưng công chính nhờ đức tin nơi Đấng Christ, họ được mãi mãi kể là công chính; và vì đã được xưng công chính nhờ đức tin, họ đời đời được hòa thuận với Đức Chúa Trời (Rô-ma 5:1).

Để tóm lược: nếu chúng ta hỏi: “Dựa vào điều kiện nào, chúng ta có thể được xưng công chính trước mặt Đức Chúa Trời?” thì câu trả lời của Tân Ước là: *“Vì vậy chúng ta tin rằng một người được xưng công chính bởi đức tin chứ không phải bởi việc làm theo luật pháp”* (Rô-ma 3:28). Có người sẽ nói: “Vậy thì tại sao có chỗ khác trong Tân Ước nói: *‘Anh em có thấy người ta được xưng công chính bởi hành động, chứ không chỉ bởi đức tin hay không?’* (Gia-cơ 2:24). Như vậy há không mâu thuẫn sao?”

## Ý NGHĨA CỦA XƯNG CÔNG CHÍNH NHỜ VIỆC LÀM

Không, không có gì mâu thuẫn. Gia-cơ dùng từ ‘xưng công chính’ theo một hàm ý khác: không phải tuyên bố ai đó đúng, mà là *chứng tỏ*, hoặc *chứng minh* ai đó đúng. Chắc chắn người được tuyên bố hòa thuận với Đức Chúa Trời dựa trên đức tin, chứ không dựa trên việc làm của người đó. Nhưng cách duy nhất để người có thể chứng minh cho gia đình cùng bạn hữu thấy mình có loại đức tin này, đó là qua cách cư xử, tức là qua việc làm của người.

Giả sử có người nói với bạn bè: “Tuần trước tôi có nhận được lá thư cho biết một bà con giàu có của tôi đã qua đời và làm di chúc để lại cho tôi một số tiền rất lớn. Tôi chỉ cần tới ngân hàng rồi nhận tặng phẩm miễn phí này. Tôi tin lá thư, nhận tặng phẩm, và bây giờ tôi giàu sụ.”

Há bạn bè người này chẳng có quyền đáp: “Anh nói anh giàu, chỉ nhờ tin lá thư đó. Nhưng xin anh vui lòng cho chúng tôi thấy niềm tin của anh cùng tặng phẩm là có thật, qua cách sống của anh, chứ không phải là chuyện do anh phịa ra. Hãy chứng thực câu chuyện của anh bằng việc làm đi.” Do đó, những người đã được Đức Chúa Trời xưng công chính nhờ đức tin chứ không nhờ việc làm, cũng phải chứng minh đức tin của mình là có thật. Chỉ có một cách để bạn có thể chứng minh đức tin mình trung thực, và đó là như Gia-cơ nói, qua việc làm của bạn.



## 6

# GIÁ CHUỘC VÀ CHUỘC LẠI

## *Cái Giá của Tự Do*

Trong chương này chúng ta tìm hiểu thêm hai từ quan trọng khác trong Tân Ước. Đó là *giá chuộc* và *sự chuộc lại*.

Theo nghĩa đen, hai từ này thường được dùng trong thế giới ngày xưa, giống như trong thế giới chúng ta ngày nay. Ai đó bị bắt cóc và bị đòi tiền chuộc. Thế là gia đình cùng bạn bè phải trả một món tiền lớn cho người này được thả ra. Bọn khủng bố hiện đại cướp máy bay và đe dọa giết từng hành khách, hoặc cho nổ phi cơ, nếu yêu cầu của họ không được đáp ứng. Có thể họ không đòi tiền: có thể họ đòi phải thả mấy bạn khủng bố đã từng bị chính phủ bắt và tống giam trước đây. Trong trường hợp này, chúng ta vẫn dùng các từ như 'giá cả,' 'phí tổn,' và 'tiền chuộc,' nhưng ngày nay mang ý nghĩa ẩn dụ; và chúng ta nói việc thả những tên khủng bố là cái giá chính phủ phải trả để chuộc nguyên cả phi cơ với hành khách khỏi cái chết, ngoại trừ việc chấp nhận nguy cơ đột chiếm máy bay.

Điều quan trọng cần lưu ý ở đây là, bạn chỉ dùng từ 'chuộc' nếu mua ai đó ra khỏi tù và khỏi cảnh nô lệ, hoặc thoát khỏi mối đe dọa giết chết, để được tự do. Bạn sẽ không dùng từ 'giá chuộc' hoặc 'chuộc' để mô tả việc làm của những thương gia đổi bại trong vài nước, sẵn sàng trả khối tiền để mua các bé gái từ gia đình nghèo, dùng làm trẻ mại dâm. Họ mua các em gái này không phải để phóng thích khỏi cảnh nô lệ, mà để biến các em thành nô lệ.

Trong vài trường hợp người ta còn có thể chuộc món đồ vốn là tài sản riêng của mình. Một người cần tiền cấp bách có thể quyết định đem cầm chiếc đồng hồ đeo tay. Chủ tiệm cầm đồ sẽ lấy chiếc đồng hồ và trả cho người này một món tiền. Nhưng chiếc đồng hồ không trở thành tài sản của chủ tiệm cầm đồ ngay. Suốt một thời gian, chiếc đồng hồ, nói cho đúng, vẫn là tài sản của chủ đầu tiên. Nhưng nếu người chủ này muốn lấy lại tài sản, thì phải chuộc lại trong khoảng thời gian đó, nghĩa là, mua lại chiếc đồng hồ; và giá mua dĩ nhiên sẽ cao hơn rất nhiều, so với món tiền chủ tiệm cầm đồ giao cho người này lúc đầu.

Vậy thì, theo cách nói thường ngày, các từ 'giá chuộc' và 'chuộc lại' không khác nhau bao nhiêu về ý nghĩa, khi thì nghĩa đen, khi thì nghĩa bóng. Trong Tân Ước cũng tương tự như vậy, dù rằng ở đây trong bối cảnh thần học, các từ này luôn luôn dùng theo nghĩa bóng [ẩn dụ]. Không hề có ý giao dịch tiền bạc. Sứ đồ Phi-e-rơ nói: *"Anh em không được chuộc bằng bạc hoặc vàng"* (1 Phi-e-rơ 1:18). Nhưng xuyên suốt Tân Ước, các chủ đề sau đây được sử dụng:

1. Mua, hoặc mua lại những người mắc nợ hoặc làm nô lệ, hoặc bị tù, hay bị đe dọa hình phạt hoặc tử hình.
2. Đức Chúa Trời hoặc Đấng Christ luôn luôn là người mua hoặc chuộc. Không có người nào tự chuộc bản thân hoặc bạn bè.



3. Sự trả giá, hoặc tiền chuộc. Và cũng chỉ Đức Chúa Trời hoặc Đấng Christ là người trả giá hoặc chịu giá chuộc. Con người không bao giờ bị đòi hỏi, hoặc được phép góp phần trong giá phải trả, để chuộc họ lại. Điều này ngược hẳn với nhiều tôn giáo, trong đó con người bị buộc phải tự nỗ lực bản thân hoặc chịu khổ, hoặc thậm chí trả một món tiền, mới được cứu. Khi các thầy tế lễ và thượng gia trong đền thờ Giê-ru-sa-lem tạo ấn tượng con người có thể và phải trả tiền mua sự cứu rỗi, Đấng Christ đã đuổi họ ra khỏi đền thờ (Giăng 2:13-16).

4. Mục đích chuộc lại luôn luôn là đưa con người đến chỗ tự do và khiến cuộc đời họ phong phú nhờ được hưởng cơ nghiệp đời đời.

## THOÁT KHỎI ĐIỀU GÌ?

**1. Thoát khỏi tội lỗi quá khứ.** Không ai có thể loại bỏ quá khứ. Chính Đức Chúa Trời cũng không thể thay đổi lịch sử. Điều gì đã làm, thì xong rồi. Điều Đức Chúa Trời làm cho chúng ta qua Đấng Christ là giải thoát chúng ta khỏi tội lỗi quá khứ. Nhiều người bị ám ảnh bởi quá khứ. Dù cố gắng thật nhiều để quên chuyện đã xảy ra, và bắt đầu trở lại, họ vẫn không thể dứt bỏ cảm giác tội lỗi về những việc sai quấy ngày trước.

Người khác, với lương tâm hoạt động kém hơn, thấy có thể loại bỏ quá khứ dễ dàng, như người nữ ngoại tình trong Sách Châm Ngôn (30:20) *“ăn rồi lau sạch miệng và nói: tôi có làm gì sai quấy đâu.”* Nhưng vô trách nhiệm như vậy cũng không dứt được dây xích tội lỗi có thực (ở đây chúng ta không nói tới mặc cảm tội lỗi về mặt tâm lý). Vài năm trước, bọn cướp ở Anh đã đột kích một tàu lửa, gây thương tích suốt đời cho người lái tàu, rồi bỏ trốn sang Nam Mỹ với hàng triệu bảng Anh. Ở đó, họ hối lộ chính quyền để không dẫn độ họ. Có lẽ bọn cướp giờ đây không có mặc cảm gì về tội ác

của họ. Nhưng điều đó cũng chẳng khác gì, so với việc nếu đặt chân trở lại nước Anh, họ sẽ bị truy tố và vào tù ngay. Một ngày kia, mọi người nam nữ đều sẽ trình diện trước tòa án của Đức Chúa Trời. Chỉ những năm tháng trôi qua, hoặc là trí nhớ kém có lợi, sẽ không xóa nhòa được quá khứ. Nếu họ không để cho Đấng Christ cắt bỏ mặc cảm tội lỗi trói buộc mình với quá khứ, thì dây xích vẫn muôn đời còn mãi.

Chuộc lại có nghĩa là Đức Chúa Trời có thể bứt đứt dây xích cho chúng ta trong cuộc đời này, nếu chúng ta ăn năn. Hành động bứt đứt dây xích gọi là tha thứ. Trong nguyên nghĩa Tân Ước Hi văn, từ được dùng thường xuyên nhất cho tha thứ (*aphesis*) có nghĩa 'phóng thích' hoặc 'thả ra.' Từ này được dùng khi thả ai ra khỏi tù, hoặc thả con nợ, hoặc phóng thích nô lệ. Và giá phóng thích này được Đấng Christ trả thay. Tân Ước nói: "*chúng ta được chuộc bởi huyết Ngài, được tha tội*" (Ê-phê-sô 1:7). Do đó, dây xích bị đứt, không bao giờ được nối lại. Giá Đấng Christ trả để chuộc lại, là chuộc đời đời (Hê-bơ-rơ 9:11-12).

### **2. Thoát khỏi sự rủa sả bởi luật pháp Đức Chúa Trời.**

*"Đấng Christ đã chuộc chúng ta khỏi sự rủa sả của luật pháp, khi Ngài chịu rủa sả thế cho chúng ta"* (Ga-la-ti 3:13).

Sự rủa sả trong luật đạo đức của Đức Chúa Trời không chỉ là lời nói trống rỗng. Đó là công bố hình phạt cuối cùng theo sau từng sự vi phạm luật đó. Có thể một số người sẽ bảo rằng vì họ không tin Đức Chúa Trời, nên họ không nhận biết Ngài hoặc có quyền đưa ra mạng lệnh và ngăn cấm, hoặc áp đặt hình phạt. Nhưng lý lẽ này sai. Luật đạo đức của Đức Chúa Trời được ghi trong lòng của từng người (Rô-ma 1:14-16). Mỗi lần chúng ta bào chữa cho hành động đạo đức xấu xa của mình, mỗi lần chúng ta tự nhủ phải cư xử tốt hơn, và hứa lần sau sẽ cố gắng, có lẽ chúng ta vô tình làm chứng rằng luật đạo đức đã được ghi trong lòng chúng ta và chúng

ta đồng tình với thẩm quyền cùng giá trị của luật đó. Nói theo ẩn dụ Tân Ước, giống như thể luật đạo đức của Đức Chúa Trời đã đặt trước mặt chúng ta một văn kiện viết sẵn, và khi chúng ta cáo tội người khác, tự bào chữa cho mình, rồi đạo đức quyết định làm tốt tốt hơn, tức là đích thân chúng ta tự ký vào bên dưới văn kiện, đồng tình với thẩm quyền, những đòi hỏi cùng hình phạt của văn kiện.

Những người không ăn năn sẽ thấy “văn kiện” này cùng với chữ ký, là chứng cứ nghịch lại họ trước Tòa Án Chung Cuộc. Còn những người ăn năn thì được Đức Chúa Trời bảo đảm xóa bỏ ràng buộc pháp lý do chính tay mình ký, nhìn nhận tội lỗi, “*chữ viết tay này, chống lại chúng ta;*” và Ngài đã đóng đinh chữ viết đó lên thập tự giá của Đấng Christ. Do đó, Đức Chúa Trời công bố cho toàn vũ trụ rằng nhờ chết trên thập tự giá, Đấng Christ đã mang lấy sự rửa sạch của luật pháp, thế cho mọi người ăn năn và tin cậy Ngài, để họ có thể tự do ra đi (xem Cô-lô-se 2:13-15).

## GIÁ CHUỘC LẠI

Giá trả để chuộc lại nhân loại không gì khác hơn sự chết của Đấng Christ. Thật ra, chính Ngài tuyên bố đó là mục đích chính, Ngài đã đến trần gian: “*Vì Con Người không đến để được phục vụ, nhưng để phục vụ, và hiến dâng mạng sống mình làm giá chuộc cho nhiều người*” (Mác 10:45). 1 Phi-e-rơ 1:18-19 chép: “*Anh em đã được chuộc bằng huyết quý báu của Đấng Christ.*”

Để hiểu rõ mức lớn lao của giá chuộc này, chúng ta cần nhớ Đấng Christ là ai:

*Trong Ngài chúng ta được... tha tội. Ngài là hình ảnh của Đức Chúa Trời vô hình, là Đấng sinh ra trước muôn loài thọ tạo. Vì trong Ngài muôn loài được tạo dựng: vật trên trời và dưới đất, thấy được và không thấy được, hoặc*

*ngôi vua hoặc quyền thống trị hoặc các lãnh tụ hoặc giới cầm quyền; muôn vật đều được tạo dựng bởi Ngài và vì Ngài. Ngài có trước muôn vật, và muôn vật được giữ vững trong Ngài (Cô-lô-se 1:14-17).*

Nói cách khác, Đấng Cứu Chuộc không ai khác hơn Đấng Tạo Hóa nhập thể. Chúa Giê-xu vừa là Đức Chúa Trời vừa là người. Và vì vậy mà Ngài có thể làm trung gian giữa Đức Chúa Trời với con người, và biến mình thành giá chuộc mọi người (1 Ti-mô-thê 2:5-6). Không giống như một số người tưởng tượng, cho rằng vì yêu thương nhân loại, Chúa Giê-xu đã trả giá cho Đức Chúa Trời bất nhân, để thuyết phục Ngài đừng trút thịnh nộ lên nhân loại. Đấng trả giá chuộc, chính là Đức Chúa Trời. Còn tình yêu đã cảm động Đấng Christ bỏ mạng sống làm giá chuộc con người, chính là sự biểu lộ toàn vẹn tình yêu của Cha đối với con người; vì chính Đấng Christ cũng là Đức Chúa Trời, là hình ảnh hoàn hảo và là cách thể hiện của Đức Chúa Trời vô hình. Tân Ước (1 Giăng 4:10) nói: *"Tình yêu thương ở trong điều này: Không phải chúng ta đã yêu Đức Chúa Trời, nhưng Ngài đã yêu thương chúng ta và sai Con Ngài làm tế lễ chuộc tội chúng ta."*

Có người nói: "Nhưng trong trường hợp đó, nếu Chúa Giê-xu không trả giá chuộc cho Đức Chúa Trời, thì ai trả? Vì Ngài buộc phải trả giá chuộc cho ai đó." Nhưng lý luận như vậy tức là quên đi điều chúng ta đã lưu ý trước đây rằng, từ 'giá chuộc' trong các ngữ cảnh Tân Ước, được dùng theo nghĩa ẩn dụ để nói lên cái giá mà Đức Chúa Trời và Đấng Christ phải trả để chuộc lại chúng ta. Giá này không phải là món tiền theo nghĩa đen để thành phần thứ ba có thể nhận được. Cái giá ở đây là sự chịu khổ và sự chết.

Giả sử thuyền cứu sinh quá đông người, có nguy cơ sắp chìm, mà có người tự nguyện nhảy xuống biển lạnh như băng, biết rằng mình sẽ phải chết. Có thể chúng ta cho là người đó đã trả

giá quá cao để cứu sinh mạng của hành khách. Nhưng nếu hỏi: “Anh ấy đã trả cho ai?” thì thật là vô nghĩa.

Nhưng còn một câu hỏi nữa. Kinh Thánh dạy rằng tất cả chúng ta đều là tạo vật của Đức Chúa Trời, và vì vậy, là tài sản của Ngài. Vậy tại sao Đức Chúa Trời phải trả giá chuộc, hoặc bất kỳ thứ gì để mua lại tài sản của Ngài? Cứ cho là chúng ta đã tự buộc mình vào những thói quen tội lỗi, và đã tự phó mình vào tay Sa-tan và trở thành tù nhân của nó. Sao Đức Chúa Trời không chỉ thể hiện quyền cao cả của Ngài, hủy diệt Sa-tan, bứt đứt dây xiềng chúng ta, dùng vũ lực đưa nhân loại về lại với Ngài, chẳng cần phải trả giá chuộc?

Câu trả lời là, vấn đề tội lỗi là vấn đề đạo đức; và bạn không thể giải quyết vấn đề đạo đức bằng vũ lực được. Có những việc mà ngay cả Đức Chúa Trời Toàn Năng cũng không thể làm. Ngài không thể làm những chuyện bất khả thi theo cách hợp lý, giống như vẽ một vòng tròn vuông góc được. Ngài cũng không thể làm những chuyện không công chính về mặt đạo đức. Ngài không thể nói dối (Tít 1:2). Ngài không thể vi phạm luật đạo đức của riêng Ngài. Luật của Ngài nói lên bản tánh của Ngài. Phủ nhận bản tánh Ngài, tức là Ngài phủ nhận chính mình; và đó là điều Ngài không thể làm (2 Ti-mô-thê 2:13). Ngài không thể công khai tháo xiềng tội lỗi cho chúng ta chỉ bằng cách hành xử quyền tùy tiện được. Cách duy nhất để làm việc này là trước hết phải trả tiền phạt theo đòi hỏi của luật đạo đức của Ngài. Và Ngài đã làm điều này, vì yêu thương chúng ta. Do đó phải trả giá; do đó phải chịu khổ.

## **TỰ DO ĐỂ LÀM GÌ?**

Trước đây chúng ta thấy rằng nếu bạn mua ai đó nhằm đưa họ vào cảnh nô lệ, thì giá bạn phải trả, không thể gọi là giá chuộc. Bây giờ Đấng Christ đã trả giá chuộc để phóng thích con người khỏi tình trạng tội lỗi và ban cho họ sự tự do. Nhưng tự do để làm gì? Dĩ nhiên là không phải để từ đây họ

có thể cứ tiếp tục phạm tội được miễn hình phạt. Vì tội lỗi gây nghiện và biến những người không ngừng phạm tội và không ăn năn thành nô lệ (Rô-ma 6:16-23). Sau đây là lời khẳng định Đấng Christ chuộc môn đồ Ngài *thoát khỏi* điều gì và Ngài chuộc họ *để làm* gì:

*“Vì ân sủng cứu chuộc của Đức Chúa Trời dành cho mọi người đã được bày tỏ. Ân sủng đó dạy chúng ta từ bỏ sự không tin kính và dục vọng trần gian để sống cuộc đời tiết độ, ngay thẳng và tin kính trong đời này, đang khi chờ đợi niềm hi vọng phước hạnh—sự xuất hiện vinh quang của Đức Chúa Trời vĩ đại và Cứu Chúa chúng ta, Giê-xu Christ, Đấng đã hi sinh vì chúng ta để chuộc chúng ta khỏi mọi gian ác và tinh luyện chúng ta thành một dân thuộc riêng về Ngài, sốt sắng làm các việc lành”* (Tit 2:11-14).

Chúng ta phải chờ chương sau mới bàn cách Đấng Christ bảo đảm nếp sống mới này, trở thành nếp sống tự do, chứ không phải là cảnh nô lệ tôn giáo. Còn bây giờ, chúng ta hãy lưu ý Tân Ước hoàn toàn nói rõ rằng chúng ta chưa được hưởng trọn vẹn kết quả việc được chuộc trong cõi đời này. Bao gồm trong những lợi ích do giá chuộc của Đấng Christ đạt được cho chúng ta, là sự *“cứu chuộc thể xác chúng ta.”* Nhưng điều này phải chờ cho tới khi Đấng Christ Tái Lâm (Rô-ma 8:18-25; Phi-líp 3:20-21).

Mặt khác, trong cõi đời này, Đức Chúa Trời ban cho mọi người ăn năn và đặt niềm tin nơi Đấng Christ, tặng phẩm Thánh Linh. Thánh Linh bảo đảm cho mọi tín nhân, tính chắc chắn của lời hứa Đức Chúa Trời, và chính Ngài cũng là món đặt cọc và của cầm về cơ nghiệp toàn vẹn, một ngày kia sẽ thuộc về họ, khi Đức Chúa Trời chuộc mọi lời hứa Ngài và mang theo Ngài về thiên đàng, mọi người có lần Ngài đã mua bằng chính huyết Con Ngài (Ê-phê-sô 1:13-14; Công Vụ Các Sứ Đồ 20:28).

## 7

# SỰ SỐNG ĐỜI ĐỜI

## *Ngay Trong Đời Này*

Một trong những lời tuyên bố oai nghiêm nhất của Đấng Christ khi Ngài còn trên đất là, Ngài có quyền ban cho mọi người nam nữ sự sống đời đời (Giăng 17:1-3).

Như chúng ta biết, lời tuyên bố này thường bị chế giễu. Một số nhà phê bình cho rằng Chúa Giê-xu hứa cho người theo Ngài sẽ không bao giờ chết về phần xác, và theo giả định đó, họ kết luận rằng Chúa Giê-xu hẳn là một nhà cuồng tín tôn giáo bị lừa dối, bởi chính Ngài đã chết rất sớm ngay sau đó, cũng như mọi kẻ theo Ngài từ đó đến nay.

Nhưng lời chỉ trích này hoàn toàn dựa trên sự thiếu hiểu biết về lời phán của Chúa Giê-xu. Chỉ nhìn thoáng qua Tân Ước, cho thấy Chúa Giê-xu không chỉ cảnh báo cho môn đồ rằng Ngài sẽ chịu đóng đinh ngay sau đó, mà còn cho họ biết sau khi Ngài đi rồi, họ phải chuẩn bị từ bỏ mạng sống vì có Ngài (Lu-ca 9:22; 12:4; Giăng 16:1-3). Dù có nghĩa gì khác, thì lời

Chúa Giê-xu tuyên bố ban sự sống đời đời cho người theo Ngài, không có nghĩa là họ sẽ không bao giờ chết thuộc thể.

Nghiêm túc hơn, những người chỉ trích khác, cho rằng lời hứa 'sự sống đời đời' là điều mà những người tốt sẽ có được, sau khi họ lìa cõi đời này: nói cách khác, "họ lên thiên đàng lúc chết." Sau đó những người chỉ trích khinh bỉ toàn bộ ý tưởng, xem đó là chuyện thần tiên nguy hiểm làm suy yếu tinh thần. Họ nói, mọi người nam nữ đang chết đói, mơ mốn thịt bít-tết; người nghèo và kẻ bị áp bức, kẻ thất vọng cùng người ốm đau, phạ ra một thiên đàng tưởng tượng nhằm làm giảm nỗi đau trong cuộc sống và làm dịu nỗi khổ. Nhưng họ bảo rằng người vô thần chẳng cần liều thuốc đó. Họ có can đảm và trí thông minh để phấn đấu cải thiện cuộc sống riêng, và cuối cùng, đối diện những thực tại ảm đạm của sự chết, chẳng cần phải mê hoặc tâm trí bằng những hi vọng về thiên đàng tưởng tượng trong tương lai xa vời.

Đúng là Tân Ước có dạy rằng tín nhân "về thiên đàng lúc chết," tuy có nói theo cách hơi khác: "*họ ra đi về ở với Đấng Christ,*" hoặc "*họ rời bỏ thân thể này, để được ở với Chúa*" (Phi-líp 1:23; 2 Cô-rinh-tô 5:8). Nhưng cáo buộc của các nhà chỉ trích, bảo rằng hi vọng về thiên đàng tương lai này nhất thiết sẽ làm suy yếu, nếu không tiêu diệt, sức chiến đấu của con người nhằm tận hưởng cuộc đời họ trên đất này, rõ ràng là sai. Tân Ước nói quá rõ ràng, sự sống đời đời không phải là điều tới lúc chết chúng ta mới hưởng được, khi về thiên đàng. Đó là sự sống chúng ta có thể nhận được và tận hưởng ngay trên cõi đời này—từ lâu trước khi chúng ta qua đời và lên thiên đàng. Có thể nói, đó là một chiều kích khác của sự sống, cao hơn và vượt trội cuộc sống thuộc thể, tình cảm, thẩm mỹ và trí thức mà con người vẫn thường vui hưởng. Đó là sự sống được Đấng Christ đề cập, khi Ngài phán: "*Con người không chỉ sống nhờ bánh, mà nhờ mọi lời ra từ miệng Đức Chúa Trời.*"



Nếu có thể, hãy tưởng tượng một cuộc hôn nhân chỉ là sự kết hợp thuộc thể, một cuộc hôn nhân trong đó hai người nam nữ chẳng bao giờ trò chuyện với nhau, không bao giờ chia sẻ cho nhau những suy nghĩ thầm kín, những hi vọng, niềm vui, nỗi buồn cùng những lo sợ, tình yêu âm nhạc nghệ thuật, và không bao giờ tìm hiểu nhau. Hôn nhân như vậy sẽ chẳng khác gì nhiều, so với việc kết đôi của loài vật. Sẽ mất hẳn chiều kích đích thực của con người. Tương tự như vậy, một con người bằng lòng tận hưởng cuộc sống ở mức độ thuộc thể, tình cảm, thẩm mỹ, và trí thức, mà chẳng biết gì về mối thông công thuộc linh với Đức Chúa Trời, là đang đánh mất sự sống ở mức cao nhất, ngay trên cõi đời này. Tân Ước nói rất rõ: *"Ai tin Con Đức Chúa Trời thì có sự sống đời đời."* Xin lưu ý thì hiện tại: có ngay trên cõi đời này. Ngược lại, là lời cảnh báo: *"Ai khước từ Con, sẽ chẳng thấy sự sống, nhưng cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời vẫn ở trên người ấy"* (Giăng 3:36).

Vậy thì đến đây, chúng ta cần hiểu rõ một điểm phân biệt nữa: sự sống đời đời mà Tân Ước nói, không giống với sự hiện hữu đời đời. Mọi người đều sẽ sống còn, sau cái chết thuộc thể: mọi người đều sẽ hiện hữu đời đời. Nhưng một số người sẽ hiện hữu trong trạng thái tâm linh mà Kinh Thánh gọi là, không phải 'sự sống đời đời,' mà là 'sự chết thứ hai' (Khải Huyền 20:11-15; chúng ta sẽ nghiên cứu đề tài này ở phần cuối sách).

Có lẽ, đến đây, vài nhà phê bình sẽ phản đối, cho rằng sự sống đời đời mà lại hưởng trên cõi đời này, thì là một dạng tự lừa dối về mặt tâm lý. Đó chỉ là cách nói chủ quan; không hợp với thực tại khách quan. Nhưng việc thưởng thức nghệ thuật thì cũng vậy thôi; cũng thường bị cho là sai lầm. Thật vậy, có những người nhìn một kiệt tác nghệ thuật, chẳng thấy gì khác hơn là những đốm sơn trên tấm vải bạt; còn người mù thì không hề có khái niệm gì về thế giới nghệ thuật. Nhưng điều đó không chứng minh là không có thể

giới nghệ thuật, hoặc việc thưởng thức nghệ thuật là tự lừa dối về mặt tâm lý. Một số người mù thuộc thể, dĩ nhiên không mơ ước được thấy. Có lần tôi quen một người lúc nhỏ thì nhìn thấy chút đỉnh, nhưng rồi sau đó, chẳng thấy gì và hoàn toàn mù lòa. Anh thường nói với tôi rằng anh không muốn thấy nữa, cho dù có ai giúp anh sáng mắt lại. Anh bằng lòng như vậy rồi. Anh sợ rằng nếu được sáng mắt lại, anh sẽ lúng túng với hàng ngàn thứ anh có thể nhìn thấy, và cuộc sống sẽ trở thành quá phức tạp. Anh thích cuộc sống đơn giản với đôi mắt mù.

Tương tự như vậy, nhiều người cảm thấy cuộc sống sẽ trở thành quá phức tạp, và họ sẽ bị lôi cuốn vào quá nhiều đổi thay triết để, nếu nhìn nhận sự hiện hữu của Đức Chúa Trời cùng khả năng tiếp nhận sự sống đời đời. Họ thích sự đơn giản của thuyết vô thần. Và vì vậy họ tuyên bố 'Đức Chúa Trời' cùng sự sống 'đời đời' là những thực thể tưởng tượng. Nhưng lời tuyên bố, không chứng minh được vấn đề họ tuyên bố; mà chỉ cho thấy họ mù lòa tâm linh.

Vậy thì có sự sống đời đời ngụ ý gì?

**1. Có sự sống đời đời nghĩa là cùng chia sẻ sự sống với Đức Chúa Trời.** Theo thuật ngữ Tân Ước, khi con người chưa bước vào mối liên hệ cá nhân với Đức Chúa Trời và chưa biết Ngài, thì họ chết. Không chết thuộc thể, mà chết thuộc linh.

Chuyện Ẩn Dụ nổi tiếng về Con Trai Hoang Đàng mang lại thí dụ thật hay về cách dùng từ 'chết' theo nghĩa này. Quay sang con cả, sau khi con trai hoang đàng trở về, người cha nói: *"Nhưng chúng ta phải ăn mừng, vì em con đã chết mà nay lại sống; đã lạc mất mà nay tìm lại được"* (Lu-ca 15:32).

Con trai hoang đàng đã quay lưng với cha, bỏ nhà ra đi, tới một xứ xa. Anh chẳng yêu thương hoặc quan tâm tới cha. Anh không hề tương giao với cha; anh không muốn sẻ chia

những sở thích hoặc cuộc sống của cha. Đối với cha, anh đã chết rồi.

Con trai hoang đàng 'sống lại' khi biết ăn năn, quay về nhà và giảng hòa với cha. Giống như vậy, khi con người làm ngơ Đức Chúa Trời, bị chết tâm linh, biết ăn năn và giảng hòa với Đức Chúa Trời, thì họ bắt đầu sự sống thuộc linh.

Nhưng còn hơn thế nữa. Khi con người ăn năn và quay về với Đức Chúa Trời, họ không chỉ khám phá ra Đức Chúa Trời, giống như ai đó khám phá ra thế giới nghệ thuật rực rỡ, mà trước đây hoàn toàn chết đối với mình. Khi con người ăn năn, quay về với Đức Chúa Trời và đặt niềm tin nơi Đấng Christ, thì Đức Chúa Trời tạo sự sống mới bên trong họ, mà trước đây chưa từng có. Một lần nữa nói theo thuật ngữ Tân Ước, Đức Chúa Trời 'kích thích' họ. Ngài sinh sản trong họ, chính sự sống thuộc linh của Ngài, giống như cha loài người truyền sự sống thuộc thể cho đứa con mình sinh ra vậy.

*Nhưng Đức Chúa Trời là Đấng giàu lòng thương xót, vì yêu chúng ta bằng tình yêu cao cả, nên ngay khi chúng ta đã chết vì những vi phạm, thì Ngài khiến chúng ta cùng sống với Đấng Christ - ấy là nhờ ân sủng mà anh em được cứu (Ê-phê-sô 2:4-5).*

*So sánh tương đồng.* Một bóng đèn chiếu sáng, bị bọc kín, không chiếu sáng được. Lấy bóng đèn ra khỏi vỏ bọc, gắn vào ổ cắm trên chân đèn, rồi đặt vào phòng đã có đèn treo chính giữa, thật lớn, sáng rực. Bây giờ bóng đèn được vây quanh bởi ánh sáng từ nguồn sáng chính giữa phòng; nhưng chính nó vẫn không chiếu sáng; nó vẫn 'chết.' Và nó vẫn cứ 'chết' cho tới khi được nối với cùng một dòng điện đã cung năng lượng cho đèn treo giữa phòng. Nhưng lúc ấy, khi dòng điện chạy qua bóng đèn—hãy xem bóng đèn 'sống dậy' ra sao.

**2. Tặng phẩm sự sống đời đời thiết lập mối liên hệ cá nhân giữa người nhận với Đức Chúa Trời.** Máy vi tính rất hiện đại có thể biết tiếng nói của người sử dụng máy. Người sử dụng chỉ cần nói thẳng vào máy vi tính, thì máy sẽ phát lại mọi lời người nói ở dạng viết trên giấy. Nhưng máy tính sẽ không bao giờ biết người này, theo cách giống như vợ hoặc con anh biết anh; máy sẽ không bao giờ yêu thương anh, giống như con trai con gái yêu thương anh. Máy vi tính không có tình thương của con người. Nhưng khi sinh ra con cái và truyền cho con, chính sự sống của mình, cùng với sự sống đó, các con nhận được khả năng biết và yêu thương cha chúng nó và vui hưởng mối liên hệ càng sâu đậm thêm với anh. Giống như vậy, khi Đức Chúa Trời truyền sự sống thuộc linh của Ngài cho con người, Ngài kích thích và tái tạo họ, thì sự sống đó tạo thành mối liên hệ giữa Ngài với họ; và họ biết Ngài và yêu Ngài. Vì vậy Tân Ước nói *“sự sống đời đời là nhìn biết Đức Chúa Trời và Giê-xu Christ”* (Giăng 17:3), và cùng chia sẻ chính sự sống của Đức Chúa Trời qua Đấng Christ (1 Giăng 1:1-4).

**3. Sự sống đời đời: tặng phẩm hiện tại, tài sản trường cửu.** Điều này giải thích vì sao sự sống đời đời, như tên gọi, có thể đời đời được. Khi Đức Chúa Trời tạo thành mối liên hệ thuộc linh này với con người và chia sẻ sự sống của Ngài cho con người, thì mối liên hệ đó theo định nghĩa, mang tính đời đời. Sự chết về thân xác không kết thúc mối liên hệ này, và không thể tiêu diệt được. Một khi Đức Chúa Trời đã tạo mối liên hệ cá nhân với ai, qua tặng phẩm sự sống đời đời, thì Ngài sẽ luôn trung thành với người đó và duy trì mối liên hệ muôn đời. Đấng Christ phán: *“Ta ban cho chúng (chiên Ta) sự sống đời đời, và chúng sẽ chẳng chết mất bao giờ”* (Giăng 10:28). *“Vì Đức Chúa Trời yêu thương thế gian, đến nỗi đã ban Con một của Ngài, hầu cho hễ ai tin Con ấy không bị hư mất mà được sự sống đời đời”* (Giăng 3:16).

Vậy thì, sự sống đời đời không bị ảnh hưởng bởi sự chết thuộc thể. Như chúng ta biết trên cõi đời này, thân xác con người được Tân Ước ví sánh như chiếc lều, rất thích hợp với hành trình tạm bợ của chúng ta trên đất, nhưng lại tương đối mong manh, dễ sụp đổ và tàn lụi. Ngược lại, tới Ngày Sống Lại, mỗi tín nhân sẽ tiếp nhận một thân thể vinh hiển, nhằm biểu lộ nhân cách được cứu chuộc và hoàn thiện, được Tân Ước mô tả là *“nhà do Đức Chúa Trời xây cất, là nhà ... vinh cửu trên trời”* (2 Cô-rinh-tô 5:1)

Hơn nữa, cùng với sự sống đời đời, là tất cả mọi thứ trường cửu khác, được Đức Chúa Trời ban cho những ai bằng lòng tiếp nhận Đấng Christ. Vì vậy Tân Ước nói rõ sự cứu rỗi là đời đời (Hê-bơ-rơ 5:9); sự chuộc lại cùng mọi kết quả cũng mang tính đời đời (Hê-bơ-rơ 9:12); cơ nghiệp đã hứa cho những ai tin cậy Đức Chúa Trời cũng là đời đời (Hê-bơ-rơ 9:15); và vinh quang từ kinh nghiệm cùng sự chịu khổ trong cuộc sống sẽ ảnh hưởng những người yêu mến Đức Chúa Trời, cũng là đời đời (2 Cô-rinh-tô 4:17). Điều tuyệt vời ở đây là sự sống đời đời lại là tặng phẩm miễn phí, ban cho những người ăn năn và lấy đức tin thật, tiếp nhận Giê-xu Christ làm Cứu Chúa và Chúa: *“Vi tiền công của tội lỗi là sự chết; nhưng tặng phẩm cho không của Đức Chúa Trời là sự sống đời đời qua Giê-xu Christ Chúa chúng ta”* (Rô-ma 6:23).

## **TIỀM NĂNG CỦA SỰ SỐNG ĐỜI ĐỜI**

Sự sống đời đời, giống như sự sống thuộc thể, không mang tính tĩnh tại. Một hài nhi ngay khi sinh ra, đã có sự sống thuộc thể; nhưng trong những tuần, tháng, năm trước mặt, nó phải phát triển tiềm năng của mình. Sự sống đời đời cũng giống như vậy: tràn đầy tiềm năng, và vì vậy luôn luôn đầy hi vọng cho tương lai. Những người đã tiếp nhận sự sống đời đời, được Tân Ước khuyên hãy “*nắm chắc lấy*” sự sống đời đời mà Đức Chúa Trời đã kêu gọi họ bước vào, giống như

chàng trai có tiềm năng trở thành vận động viên thể giới, có thể được khích lệ đừng xao lãng tài năng mà hãy khai thác triệt để (1 Ti-mô-thê 4:7-8; 6:11-12). Và phần thưởng chính, cho việc phát triển tiềm năng sự sống đời đời, là khả năng gia tăng không ngừng tận hưởng sự sống đó. Tân Ước nói: *"Kẻ nào gieo trong Thánh Linh, sẽ bởi Thánh Linh mà gặt sự sống đời đời"* (Ga-la-ti 6:8). Vận động viên càng chạy, càng luyện tập tim, phổi, cơ bắp, và nhịp thở; mà càng luyện tập, người càng thích chạy.

Dĩ nhiên, luyện tập nghiêm túc đòi hỏi vận động viên phải giữ kỷ luật, từ chối bản thân, nhắm một mục đích, và chăm chỉ làm việc. Và nếu vận động viên hi vọng thắng giải thi đấu vô địch, người sẽ phải theo đúng qui luật cuộc chơi. Nếu không theo luật lệ, người sẽ không mất mạng, nhưng chắc chắn sẽ không thắng giải nào. Sự sống đời đời cũng giống như vậy. Để triển khai tiềm năng và gặt hái phần thưởng tối đa, những người sở hữu tiềm năng phải sẵn sàng *"quăng hết mọi gánh nặng tội lỗi để vương vấn, kiên trì theo đuổi cuộc chạy được bày ra trước mặt"* (Hê-bơ-rơ 12:1). Họ phải sẵn sàng từ chối bản thân, vác thập tự giá mỗi ngày theo Đấng Christ. Và họ phải học rèn luyện tự chế và "theo đúng luật chơi." Nếu không, họ sẽ không đủ điều kiện và không được phần thưởng (1 Cô-rinh-tô 9:24-27; 2 Ti-mô-thê 2:5).

Nhưng điều tuyệt diệu về sự sống đời đời là ở đây: sự sống đó giúp người sở hữu, sống theo cách có thể mang lại ý nghĩa trường cửu cho mọi kinh nghiệm, bổn phận, khoái lạc cùng nỗi đau trong thế giới chóng qua này, và đem kết quả trong phần thưởng vĩnh cửu (Giăng 12:25; 2 Phi-e-rơ 1:5-11).

**Có thể biết chúng ta có sự sống đời đời:** Ngay cả một số người có tôn giáo, vẫn cho rằng trong cuộc đời này, không thể nào biết chắc chúng ta có được sự sống đời đời. Vì vậy, tốt nhất chúng ta xem xét lời khẳng định rõ ràng của Tân

Ước về đề tài này. Chúng ta sẽ suy nghĩ kỹ ở chương sau; còn ở đây, chúng ta bắt đầu với chính khẳng định này:

*Và đây là lời chúng rằng Đức Chúa Trời đã ban sự sống đời đời cho chúng ta, và sự sống này ở trong Con Ngài. Ai có Đức Chúa Con thì có sự sống; ai không có Con Đức Chúa Trời thì không có sự sống. Tôi viết điều này cho anh em, là những người đã tin đến danh Con Đức Chúa Trời, để anh em biết mình có sự sống đời đời (1 Giăng 5:11-13).*





## 8

# SỰ ĂN NĂN

## *Không Chỉ Là Hối Tiếc*

Tới đây, chúng ta đã nghiên cứu các từ được Tân Ước dùng mô tả điều Đức Chúa Trời đã làm để giảng hòa, xưng công chính, giá chuộc, chuộc lại, và tái tạo con người. Bây giờ chúng ta phải bắt đầu nghiên cứu các từ mô tả việc chúng ta phải làm để hưởng lợi ích từ việc Đức Chúa Trời đã làm, đang làm và sẽ còn làm.

Từ đầu tiên trong số này là *sự ăn năn*. Ngay chính lời Đấng Christ công bố đầu tiên là: *“Giờ đã trọn, và vương quốc Đức Chúa Trời đã đến gần; hãy ăn năn và tin phúc âm”* (Mác 1:15).

Theo Đấng Christ, ăn năn là cơ hội vui mừng lớn: *“Ta bảo với các ngươi, các thiên sứ của Đức Chúa Trời sẽ vui mừng về một tội nhân ăn năn”* (Lu-ca 15:10). Ăn năn cũng là việc làm lành mạnh. Giống như mưa làm mềm đất và giúp hạt giống nứt mầm, lớn lên, thì sự ăn năn cũng mở lối cho sự sống thuộc linh như vậy. Tân Ước mô tả: *“Đức Chúa Trời cũng đã ban sự ăn*

*năn cho các dân Ngoại để được sự sống,” (Công Vụ Các Sứ Đồ 11:18).*

Tuy nhiên, ăn năn là việc phức tạp, và muốn trung thực, lành mạnh, và hiệu quả, cần có đủ mọi thành phần cần thiết. Thí dụ, ăn năn trọn vẹn, có thể cũng bao gồm sự buồn rầu lành mạnh: *“vì sự buồn rầu tin kính sinh ra ăn năn dẫn tới sự cứu rỗi, là sự ăn năn không có gì hối tiếc” (2 Cô-rinh-tô 7:10).* Mặt khác, buồn rầu mà không ăn năn trọn vẹn, thì không chỉ vô hiệu quả, ở chỗ không dẫn tới cứu rỗi cùng sự sống; mà còn bệnh hoạn và phá hoại. *“Sự buồn rầu theo thế gian sinh ra sự chết” (2 Cô-rinh-tô 7:10).*

Một thí dụ sinh động là Giu-đa, kẻ phản bội Đấng Christ. Khi nhìn thấy Chúa Giê-xu bị kết án, ông “ăn năn bản thân.” Ông tìm cách xóa bỏ việc ác mình đã làm, nhưng không thể được. Dĩ nhiên, ông đã có thể chạy tới thập tự giá kêu xin Chúa Giê-xu thương xót tha thứ như tên cướp hấp hối đã làm. Nhưng không! Kiểu ăn năn của ông không phải là ăn năn lành mạnh và trọn vẹn, mà Tân Ước vẫn kêu gọi chúng ta làm. Đó chỉ là hối tiếc và ân hận. Không dẫn tới sự sống và sự cứu rỗi. Hoàn toàn ngược lại—Giu-đa đã quay đi, và tự treo cổ (Ma-thi-ơ 27:3-5). Khi chuyển ngữ và sử dụng thường ngày, ý nghĩa của ăn năn thường bị bóp méo, cho nên chúng ta sẽ phải xem xét rất cẩn thận. Trong bản Tân Ước gốc Hi văn, hai từ được dùng cho ăn năn:

1. *metanoia* và động từ có liên quan là *metanoeo*. Nghĩa cơ bản của hai từ này là ‘sự đổi ý.’ Sự đổi ý này có thể hoặc không dẫn tới, kèm theo, hoặc làm nảy sinh những xúc cảm và tình cảm khác nhau. Nhưng yếu tố chính là trí thức. Đây là thực hiện sự phán đoán về đạo đức.

2. *metamelomai* và động từ không đủ ngôi thứ *metamelei*. Hai động từ này cũng được dùng nói lên ý ăn năn; nhưng nhấn mạnh nhiều hơn về sự buồn rầu vì đã làm việc gì đó.

Vì vậy, ăn năn chủ yếu là sự đổi ý, đảo ngược phán đoán về đạo đức trước đây, bác bỏ hành vi trước đây. Có bao gồm yếu tố phủ định. Vì vậy Tân Ước nói về sự ăn năn những điều sai quấy và gian ác, thí dụ, “ăn năn những công việc chết” (Hê-bơ-rơ 6:1). Nhưng cũng có yếu tố khẳng định: “ăn năn đối với Đức Chúa Trời” (Công Vụ Các Sứ Đồ 20:21). Lưu ý cách phân đoạn sau đây nhấn mạnh yếu tố trí thức trong sự ăn năn (tư tưởng của chúng ta và tư tưởng của Đức Chúa Trời), yếu tố phủ định (từ bỏ đường lối ác) và yếu tố khẳng định (quay về với Chúa).

*Kẻ gian ác hãy lia bỏ đường lối mình, người bất chính hãy từ bỏ ý tưởng; hãy trở lại cùng Đức Giê-hô-va, Ngài sẽ thương xót; hãy đến với Đức Chúa Trời chúng ta, vì Ngài tha thứ dồi dào. Bởi ý tưởng (của Đức Chúa Trời) không phải là ý tưởng của các người, đường lối các người chẳng phải là đường lối Ta, Đức Giê-hô-va phán như vậy (Ê-sai 55:7-8).*

Có ba lãnh vực quan trọng chúng ta được kêu gọi ăn năn:

**1. Liên quan đến Đức Chúa Trời:** Đương nhiên, nếu chúng ta là người vô thần, thì ăn năn sẽ có nghĩa là từ bỏ thái độ vô thần, và nhìn nhận sự hiện hữu của Đức Chúa Trời. Nhưng không phải chỉ có người vô thần cần ăn năn đối với Đức Chúa Trời. Có thể tin Đức Chúa Trời hiện hữu, nhưng trong thực tế vẫn làm ngơ đối với Ngài, xem thường mọi mạng lệnh bảo ăn năn để được cứu, miệt thị luật pháp Ngài, để sống như thể Ngài không hiện hữu. Hoặc ít hoặc nhiều, tất cả chúng ta đều như vậy. “*Hết thầy chúng ta đều như chiên đi lạc, ai theo đường nấy*” (Ê-sai 53:6). Ăn năn chính xác có nghĩa: từ bỏ thần tượng (bất kỳ điều gì chúng ta đặt vào chỗ của Đức Chúa Trời Chân Thật Duy Nhất) để phục vụ Đức Chúa Trời chân thật hằng sống (1 Tê-sa-lô-ni-ca 1:9)

**2. Liên quan đến bản thân:** Tân Ước đòi hỏi hai mức ăn năn rõ rệt. Vì điều này dễ bị bỏ qua, nên chúng ta bắt đầu với minh họa về sự khác biệt giữa hai điều này.

Một ông năm mươi tuổi cảm thấy rất khó ở. Ông đi bác sĩ. Sau khi khám kỹ, bác sĩ cho biết nguyên nhân căn bệnh là do hút thuốc quá nhiều. Ông này nói: “Vâng, bây giờ tôi biết rồi, và tôi ăn năn. Xin bác sĩ cho tôi thứ gì đó để giúp tôi bỏ hút thuốc.”

Thế là tốt rồi. Người này đã ăn năn tội hút thuốc của mình. Nhưng bác sĩ nói: “Ông bỏ hút thuốc như vậy là khôn ngoan; nhưng bỏ hút không thể cứu được ông. Phổi của ông đã thực sự bị phá nát, còn tim ông bị hại nghiêm trọng. Cách duy nhất có thể cứu ông là để cho nhà phẫu thuật thực hiện ghép phổi-tim cho ông.”

Vấn đề quan trọng là: liệu người này có sẵn sàng ăn năn ở mức cơ bản này không? Nghĩa là, người này có đồng ý với bác sĩ rằng tình trạng của mình thật tồi tệ, chỉ bỏ hút thuốc không thể cứu mạng: phải thay tim và phổi, mới cứu được mạng người, hay không?

Giả sử người này bác bỏ phán quyết của bác sĩ: “Không, tôi không sẵn sàng cho cuộc phẫu thuật quyết liệt như vậy. Tôi đâu có bệnh nhiều như ông nói. Tôi tin nếu bỏ hút, tôi sẽ ổn thôi.” Điều gì sẽ xảy ra? Ông ta sẽ chắc chắn chết ngay sau đó!

Ngược lại, nếu người này ăn năn ở mức cơ bản, đồng ý với chẩn đoán của bác sĩ, chịu phẫu thuật, và tiếp nhận tim phổi của người khác, điều quan trọng vẫn là ông ta phải ăn năn tội hút thuốc. Thực vậy nhà phẫu thuật rất có thể đã căn dặn khi ông này xuất viện: “Tôi nhắc lại là từ nay ông phải hoàn toàn bỏ hút thuốc. Còn nếu ông không chống nổi cám dỗ hút thuốc trở lại, hãy đến gặp tôi ngay, để tôi giúp ông thắng hơn cám dỗ.”

Đối với chúng ta cũng như vậy. Phán quyết của Đức Chúa Trời là chúng ta đã quá tội tệ, khiến việc ăn năn tội cá nhân, dù là quan trọng, vẫn không thể cứu chúng ta. Chúng ta cần sự ăn năn triệt để. Có nghĩa là đồng ý với phán quyết của Đức Chúa Trời không chỉ về tội lỗi chúng ta mà còn về chính chúng ta nữa. Vấn đề không chỉ là chúng ta đã làm gì, mà là bản chất con người chúng ta ra sao. Phán quyết của Đức Chúa Trời không chỉ là chúng ta đã phạm tội trong quá khứ, và ngay trong hiện tại, chúng ta cũng vẫn hụt tiêu chuẩn thánh khiết của Ngài (Rô-ma 3:23), mà còn do bản chất, chúng ta là *"con của thình nộ"* (Ê-phê-sô 2:1-13). Chính bản chất của chúng ta vốn tội lỗi khiến Đức Chúa Trời không vui lòng. Dĩ nhiên, không có nghĩa là chỗ nào trong con người chúng ta cũng tội tệ quá mức, mà có nghĩa là không có chỗ nào trong con người chúng ta thoát khỏi ảnh hưởng tai hại của tội lỗi.

Cây không trở thành cây táo do mang trái táo. Cây mang trái táo là vì nó đã có bản chất của cây táo. Hái hết mọi trái táo thấy được, xuống khỏi cây, thì cây vẫn là cây táo! Chỉ xưng nhận hết tội lỗi riêng tư, dù ít hay nhiều, cũng giống như việc hái hết trái của cây táo. Làm như vậy, vẫn không đổi diện hoặc xử lý được vấn đề bản chất bên trong con người chúng ta. Vấn đề là, như Giăng Báp-tít nói, chúng ta là *"cây xấu"* đáng phải chặt bỏ và quăng vào lửa (Ma-thi-ơ 3:10).

Tuy nhiên, ở điểm này nhiều người không muốn chấp nhận phán quyết của Đức Chúa Trời. Họ không chịu ăn năn. Họ sẵn sàng nhìn nhận có những khoảng tối trong tâm tánh họ. Nhưng họ bám lấy ý kiến cho rằng họ chỉ cần ăn năn những việc làm sai lầm trong quá khứ, rồi nhờ Đức Chúa Trời giúp mình từ bỏ những thói quen xấu. Họ hi vọng nhờ đó họ vẫn chủ yếu là con người tốt như họ vẫn luôn luôn có cảm giác như vậy, và có cơ may đủ điều kiện để lên thiên đàng của Đức Chúa Trời.

Nhưng đây là ảo tưởng, như chính Đấng Christ có nói rõ:

*“Không có cây lành nào lại sinh quả độc; cũng không có cây độc nào lại sinh quả lành. Xem quả thì biết cây. Không ai hái trái vả nơi bụi gai, hay hái trái nho nơi bụi tật lê” (Lu-ca 6:43-44).*

Chẳng ích lợi gì, khi bụi gai nói: “Tôi công nhận đã sinh ra gai gốc. Nhưng thực sự tôi không phải là bụi gai: bản chất tôi là cây vả.”

Vì vậy, thay đổi triệt để, có nghĩa là từ bỏ cách tự đánh giá chính mình, và đồng ý với phán quyết của Đức Chúa Trời, cho rằng chỉ ăn năn tội cá nhân, không thể tự cứu mình được. Chúng ta cần sự sống thuộc linh mới, từ một nguồn bên ngoài chúng ta. Nguồn đó là Đấng Christ, Đấng đã chết thay chúng ta, và hiện đang sống để làm Cứu Chúa của chúng ta.

Thực ra, đó là ý nghĩa lịch sử của phép báp têm Cơ đốc. Tân Ước giải thích (Rô-ma 6:3-4) báp têm tượng trưng cho việc chôn, qua đó người nhận báp têm công khai xưng nhận mình đã chấp nhận phán quyết của Đức Chúa Trời rằng mình chỉ đáng bị hành quyết rồi đem chôn thôi. Đây không phải là phép thần ma thuật tẩy rửa những phần xấu trong tâm tánh con người, chữa lại những phần tốt để tăng trưởng và phát triển. Trong phép báp têm, toàn bộ con người bị chôn, giống như trong thế giới vật lý, khi con người bị hành quyết vì tội sát nhân, thì toàn bộ cơ thể bị giết chết: không phải chỉ giết tính nóng giận hoặc ganh tị đã xui người phạm tội sát nhân. Giống như vậy, khi bị hành quyết, toàn bộ sự sống của con người bị chấm dứt. Không chỉ là loại bỏ cuộc sống quá khứ cho tới hiện tại, rồi để cho người tự nỗ lực sống tốt nhất quãng đời còn lại. Không, báp têm mang ý nghĩa chung cuộc. Cả cuộc đời đã kết thúc. Không bao giờ cần (mà cũng không thể) chết lần thứ hai.

Vì vậy, khi chết thể tội lỗi chúng ta, Đấng Christ chỉ chết một lần và sẽ không bao giờ chết nữa, vì Ngài sẽ không bao giờ cần chết lại (xem Rô-ma 6:8-11). Cái chết một lần của Ngài đã trả hết mọi nợ tội của những ai tiếp nhận Ngài làm Cứu Chúa, cho tội lỗi của cả đời họ—quá khứ, hiện tại và tương lai. Vì vậy, khi ai đó nhận báp têm, đồng thời cũng tuyên bố đã tiếp nhận Đấng Christ làm Đấng Thay Thế và Cứu Chúa do Đức Chúa Trời cung ứng cho mình; và bởi hành động tiếp nhận Đấng Christ, người đã trở thành một với Ngài, giống như người nam và người nữ trở thành một, khi họ kết hôn (1 Cô-rinh-tô 6:15-17). Vì vậy, dưới mắt Đức Chúa Trời, khi Đấng Christ chết, tín nhân cũng chết, khi Đấng Christ bị chôn, tín nhân cũng bị chôn; và theo luật pháp, đó là kết thúc đời đời của cái tội lỗi. Người đó lập lại lời của Phao Lô: *“Tôi đã bị đóng đinh với Đấng Christ”* (Ga-la-ti 2:19-21).

Như vậy, báp têm cũng tượng trưng cho sự sống lại. Có nghĩa là Đức Chúa Trời đã khiến Đấng Christ từ cõi chết sống lại ra sao, thì Ngài cũng ban cho mọi người tiếp nhận Đấng Christ sự sống thuộc linh hoàn toàn mới như vậy; không phải là sự sống cũ nay được cải thiện, mà là sự sống mới người chưa từng có trước đây. Đó là sự sống của chính Đấng Christ. Tín nhân do đó có thể thực sự nói (để hoàn chỉnh phát biểu của Phao Lô):

*Tôi đã bị đóng đinh với Đấng Christ; mà tôi sống, chẳng phải là tôi sống nữa, nhưng Đấng Christ sống trong tôi; hiện nay tôi sống trong thể xác, tức là tôi sống trong đức tin của Con Đức Chúa Trời, là Đấng đã yêu tôi và phó chính mình Ngài vì tôi”* (Ga-la-ti 2:19-21).

Dĩ nhiên, chẳng cần phải nói, báp têm chỉ là biểu tượng. Báp têm không thực hiện sự chết cùng sự sống lại trong biểu tượng. Giống như chiếc nhẫn cưới. Người phụ nữ không kết hôn vẫn có thể đeo nhẫn cưới, nhưng không có nghĩa bây

giờ đã kết hôn. Nhấn chỉ có ý nghĩa, sau khi người phụ nữ đồng ý chấp nhận người nam làm chồng. Vì vậy, cần sự ăn năn theo nghĩa triệt để như chúng ta đã thảo luận và tự mình tiếp nhận Đấng Christ làm Cứu Chúa, trước khi nhận báp têm. Nếu không, báp têm chỉ là một biểu tượng trống rỗng, tiêu biểu cho điều không có thật.

3. Lãnh vực kế tiếp chúng ta được kêu gọi ăn năn, có **liên quan với tội lỗi chúng ta**. Người đã dứt khoát ăn năn, tiếp nhận Đấng Christ thì được tự do trên phương diện luật pháp. Người không cần phải vất vả tự cải thiện bản thân nhằm được Đức Chúa Trời chấp nhận: người đã được chấp nhận rồi. Nhưng chính xác là, vì có Đấng Christ, Đức Chúa Trời đã chấp nhận người, cho nên người phải có nếp sống Cơ đốc chân chính. Có nghĩa là người phải đọc Lời Đức Chúa Trời để khám phá ra những thái độ cùng hành động bị Đức Chúa Trời cho là tội lỗi, sau đó ăn năn, và tìm kiếm quyền năng cùng sức lực của Đấng Christ để loại trừ tội lỗi. Rồi khi bị yếu đuối và cám dỗ, vì thỉnh thoảng sẽ không tránh khỏi, người phải xưng nhận với Đức Chúa Trời. Lời hứa là: *“Nếu chúng ta xưng tội lỗi mình, thì Ngài là thành tín và công bình để tha tội chúng ta và tẩy sạch chúng ta khỏi mọi điều không công chính”* (1 Giăng 1:9). Do đó, sự ăn năn này là việc làm suốt cả đời. Cần được lặp lại từng ngày (Khải Huyền 2:5, 16, 21; 3:3).

### VÀI ĐẶC ĐIỂM KHÁC CỦA SỰ ĂN NĂN THẬT

1. Ăn năn không chỉ là vấn đề lời nói, mà sẽ bày tỏ qua hành động cho thấy sự ăn năn trung thực. Giảng Báp-tít nói: *“Hãy kết quả xứng đáng với sự ăn năn”* (Ma-thi-ơ 3:8).

2. Đồng thời, ăn năn không làm nên công trạng hoặc kiếm ra sự cứu rỗi. Sự tha tội không nhờ vào khả năng đau buồn về tội lỗi, cũng không kiếm ra nhờ công lao hành xác. Sự tha thứ luôn luôn hoàn toàn cho không, và là tặng phẩm ban phát cho tội nhân bị phá sản và chỉ tiếp nhận bằng đức tin.



Đó là lý do *“ăn năn với Đức Chúa Trời”* cần phải đi đôi với *“đức tin trong Chúa Giê-xu Christ”* (Công Vụ Các Sứ Đồ 20:21).

3. Ăn năn là việc làm cấp bách. *“Hiện nay Đức Chúa Trời ra lệnh cho mọi người ở khắp mọi nơi phải ăn năn”* (Công Vụ Các Sứ Đồ 17:30-31). Chính Đấng Christ nhắc chúng ta: *“Nếu các ngươi không ăn năn thì tất cả sẽ bị hư mất như vậy”* (Lu-ca 13:3,5).



## 9

# ĐỨC TIN

## ***Không Phải Là Bước Nhảy trong Bóng Tối***

Trong chương trước, chúng ta thấy rằng, muốn hưởng được mọi điều Đức Chúa Trời đã, đang và sẽ làm cho nhân loại, bước đầu tiên của chúng ta phải là *ăn năn* với Đức Chúa Trời. Nhưng còn bước thứ hai, đó là *đức tin* nơi Chúa Giê-xu Christ chúng ta (Công Vụ Các Sứ Đồ 20:21).

Theo Tân Ước, các điều kiện của sự cứu rỗi là:

a) *"Nếu miệng người xưng 'Giê-xu là Chúa' (tức là Con Đức Chúa Trời về mặt khách quan, và là Chúa của riêng cá nhân mình về mặt chủ quan), và*

b) *nếu lòng người tin rằng Đức Chúa Trời khiến Ngài từ cõi chết sống lại, thì người sẽ được cứu"* (Rô-ma 10:9).

Câu hỏi được nêu ra ngay tức khắc là: làm sao có được đức tin đó?

## **TRỞ NGẠI CHO ĐỨC TIN: ĐỨC TIN VÀ KHOA HỌC**

Ngày nay có nhiều người nhận xét: “Chúng tôi muốn tin Đức Chúa Trời và Đấng Christ, nhưng sau bao nhiêu năm bị nhồi sọ chủ nghĩa vô thần, chúng tôi thấy rất khó tin. Đối với chúng tôi, đức tin có vẻ là chuyện võ đoán. Trong khoa học, bạn có bằng cứ và kiểm chứng, bạn chẳng cần đức tin. Nhưng còn Cơ Đốc giáo, bạn chỉ cần quyết định tin mà không cần bằng cứ và chẳng kiểm chứng gì cả. Giống như cứ nhắm mắt nhảy ra khỏi cửa sổ trong bóng đêm tối mịt, rồi hi vọng mình sẽ an toàn rơi xuống nơi nào đó.”

Người khác thì cảm thấy đức tin giống như khả năng nghệ thuật: hoặc bạn có hay không có, thế thôi, bạn chẳng làm gì được.

Chẳng có quan điểm nào là đúng. Hơn nữa, ý tưởng cho rằng khoa học không dính líu với niềm tin, cũng sai luôn. Thật ra, niềm tin là nền tảng của nỗ lực khoa học. Albert Einstein nói: “Niềm tin cho rằng vũ trụ của muôn loài hiện hữu là hợp với lẽ phải đối với con người, và những qui luật có giá trị hợp lý, đều thuộc lãnh vực tôn giáo. Tôi không thể tưởng tượng một khoa học gia chân chính lại không cùng chia sẻ niềm tin sâu sắc này.”

Dĩ nhiên, đã từng có cả khoa học gia lẫn triết gia nghi ngờ liệu vũ trụ mà khoa học tự mô tả đó, có thực sự hiện hữu hay không. Họ cho rằng vũ trụ đó chỉ hiện hữu trong tâm trí cùng công thức của chính khoa học gia thôi. Họ bảo rằng các thuyết của khoa học gia chẳng giải đáp được thực tại khách quan. Nhưng cũng dễ hiểu, đây chỉ là quan điểm của một thiểu số nhỏ bé.

Đại đa số tin rằng vũ trụ họ đang xem xét, hoặc trực tiếp hoặc qua dụng cụ, thực sự hiện hữu. Họ không tạo dựng ra vũ trụ qua sự quan sát, đo lường, giả thuyết, lý thuyết, thí

nghiệm cùng lời giải thích của họ. Họ chấp nhận sự hiện hữu của vũ trụ như là một thực tại. Thật vậy, họ khám phá ra các chi tiết trong vũ trụ, giống như những phân tử cơ bản, mà trước đây họ không biết là đã hiện hữu. Nhưng các chi tiết này đã hiện hữu trước khi họ khám phá ra. Vậy thì khoa học gia không tạo ra vũ trụ qua những nghiên cứu của họ—họ chỉ cố gắng tìm hiểu. Và để đạt mục đích tìm hiểu, tâm trí họ phải chấp nhận chứng cứ sẵn có trong vũ trụ; họ xem xét chân lý của thuyết mình đưa ra dựa vào điều có thể chứng minh bằng thí nghiệm, để giải thích chứng cứ.

Kinh Thánh khẳng định rằng vũ trụ hiện hữu là do Đức Chúa Trời đặt vị trí cho vũ trụ, Ngài tạo dựng vũ trụ. Ngài dùng Lời phán sáng tạo khiến vũ trụ hiện hữu (Sáng Thế Ký 1; Giăng 1:1-4; Hê-bơ-rơ 11:3). Vũ trụ là sự mặc khải bộ óc của Đức Chúa Trời, biểu hiện suy tư sáng tạo của Ngài. Khi nghiên cứu sự mặc khải này, dù biết hay không, nhà khoa học cũng đang suy nghĩ theo ý tưởng của Đức Chúa Trời, như Kepler đã nói.

Tương tự như vậy, Kinh Thánh khẳng định rằng cùng một Đức Chúa Trời đã bày tỏ chính Ngài qua sự sáng tạo, cũng đã bày tỏ chính Ngài cho chúng ta qua Con Ngài là Giê-xu Christ. Đấng Christ không phải do giáo hội nghĩ ra, hoặc là sản phẩm của tôn giáo và suy đoán. Kinh Thánh gọi Ngài là Lời Đức Chúa Trời vì trong Ngài, Đức Chúa Trời đã mặc khải chính mình Ngài và phán với chúng ta là những người nam nữ, cách trực tiếp và đầy đủ hơn nhiều, so với công trình sáng tạo. Trong công trình sáng tạo, Đức Chúa Trời phán với chúng ta về quyền năng cùng sự oai nghi của Ngài. Trong Đấng Christ, tức Lời Đức Chúa Trời, Ngài phán với chúng ta bằng cả tấm lòng của Ngài. Vì vậy, nhiệm vụ của chúng ta là phải nghiên cứu chứng cứ qua sự Tự-mặc khải của Đức Chúa Trời trong sự sáng tạo.

Sự thật là các khoa học gia cảnh giác đối với những giải thích khoa học quá dễ dãi. Qua kinh nghiệm, họ biết rằng vũ trụ không ngừng bày ra cho chúng ta điều bất ngờ, với những hiện tượng chỉ có thể giải thích theo cách có vẻ khinh thường thực tế thông thường. Nhưng không vì đó mà họ bác bỏ những giải thích khó hiểu này. Ngược lại, họ sẵn sàng tin tưởng những lời giải thích đó, hơn là tin vào lẽ thường; và xác minh chung cuộc cho niềm tin của họ, chính là việc mỗi khi họ thí nghiệm trên cơ sở này, thì có hiệu quả.

Sự Tự-mặc khải của Đức Chúa Trời cho con người qua Giê-xu Christ cũng giống như vậy. Như chúng ta biết, Tân Ước tuyên bố Đấng Christ vừa là Đức Chúa Trời vừa là người. Đối với nhiều người, khẳng định này có vẻ hoàn toàn mâu thuẫn với lẽ thường, và khi họ thấy ngay cả Kinh Thánh cũng chẳng giải thích đầy đủ làm sao cùng một lúc, Ngài vừa là Đức Chúa Trời lại vừa là người, thì họ có khuynh hướng cho đó là chuyện thần thoại thời nguyên thủy mà thôi. Nhưng phản ứng như vậy, thì khó mang tính khoa học, như chúng ta đã thấy.

Những ai từng gặp Chúa Giê-xu Christ khi Ngài còn trên đất, dĩ nhiên thấy Ngài trước hết là một con người đích thực. Đồng thời, họ thấy Ngài thể hiện những chứng cứ không thể chối cãi, chứng minh Ngài không chỉ là con người. Đấng Christ giải thích rằng Ngài là Đức Chúa Trời, đồng thời cũng là con người. Và nếu có ai hỏi chúng ta làm sao tin được cách giải thích như vậy, thì Tân Ước chỉ cho chúng ta thực hiện những nghiên cứu và thí nghiệm để chứng minh lời giải thích này là đúng (Giăng 7:16-17; 20:30-31). Thật vậy, Tân Ước tuyên bố Chúa Giê-xu không chỉ là nhân vật lịch sử có thật: từ cõi chết sống lại, mà Ngài còn là một thân vị đang sống mà chúng ta có thể tiếp cận được.

## TẠI SAO ĐỌC TÂN ƯỚC

Nhưng tới đây, có thể ai đó sẽ phản đối: “Tôi có đọc Tân Ước cũng vô ích thôi. Vì Tân Ước có giúp được gì cho tôi đâu, mà ngay cả trước khi đọc, tôi còn phải tin những gì Tân Ước nói là đúng nữa. Và vì không tin Tân Ước nói đúng, tôi thấy chẳng có lý do gì để đọc cả.” Nhưng phản đối này dựa trên sự hiểu lầm, vì chẳng cần phải tin Tân Ước nói đúng, rồi mới đọc được. Mặt khác, nếu chưa từng đọc Tân Ước cách nghiêm túc, bạn không thể nào thật lòng nói trước theo cách khoa học rằng Tân Ước nói sai. Bạn sẽ không có thái độ đó, đối với báo chí chẳng hạn. Nhờ đọc nhiều báo, bạn biết rằng báo chí rất có thể nói những chuyện không đúng.

Nhưng không vì lý do đó, mà bạn không đọc báo. Bạn đọc báo, tin tưởng mình có thể phân biệt chân lý với giả dối; và nếu ngay lúc đọc, bạn chưa phân biệt được, thì bạn chưa nhận xét vội. Hãy đọc Tân Ước theo cách như vậy; sau đó, khi đã đọc xong, và chỉ lúc đó, bạn mới nên quyết định Chúa Giê-xu có phán dạy chân lý hay không. Đức tin nơi Chúa Giê-xu không thể có được, nếu trước tiên bạn không lắng nghe điều Ngài phán; không chịu lắng nghe Ngài, không phải là dấu hiệu của sự tinh thông trí thức: đó là cố tình sống trong tăm tối.

Dĩ nhiên những vấn đề ở đây lớn hơn rất nhiều, so với việc đọc một bài tường trình trên báo. Như chúng ta thấy ngay lúc đầu, thực sự là điều kiện đầu tiên để được cứu, theo như Tân Ước nêu ra, đó là xưng nhận Giê-xu là Chúa! Dĩ nhiên điều này bao gồm tiếp nhận Giê-xu làm Chúa và Chủ của mình, và sẵn sàng xưng nhận Ngài như thế trước mặt thế gian. Nhưng còn hơn thế nữa. Trong Cựu Ước Đức Chúa Trời phán: *“Ta, chính Ta là Đức Giê-hô-va; ngoài Ta không có Cứu Chúa nào khác”* (Ê-sai 43:11). “Đức Giê-hô-va” đồng nghĩa với Đức Chúa Trời Đấng Tạo Hóa. Nếu Giê-xu không phải là Đức

Giê-hô-va này, nếu Ngài không phải là Đức Chúa Trời mang hình người, thì Ngài không thể cứu ai được. Lời tuyên bố này thật kỳ diệu và Tân Ước chắc chắn sẽ không kêu gọi chúng ta tin mà không cung ứng chứng cứ làm nền tảng cho đức tin chúng ta. Vì vậy, vấn đề là, có chứng cứ nào dẫn chúng ta tới niềm tin Giê-xu là Chúa theo nghĩa này không?

## **CHỨNG CỨ CHÍNH LÀ LỜI KHẲNG ĐỊNH CỦA Đấng CHRIST**

Mới nghe có vẻ như khờ khạo, nhưng lý do chính, để tin Giê-xu là Con Đức Chúa Trời, ấy là: chính Ngài đã nói như vậy. Vấn đề đặt ra ngay ở đây là tính chân thật của Ngài. Và chính xác là như thế; vì ngay cả khi mọi chứng cứ nêu ra đều xác định không nhằm lẫn thần tánh của Ngài, thì vấn đề tối hậu mà linh hồn con người phải quyết định khi trực diện với Chúa Giê-xu Christ là: Ngài nói có đúng không? Ngài có nói sự thật không? Chúng ta có thể gán giá trị nào cho lời Ngài thường nói *"Quả thật, quả thật, Ta phán với các ngươi."* Đối với Đức Chúa Trời cũng như vậy. Vấn đề tối hậu không phải "Có Đức Chúa Trời hay không?" mà là "Đức Chúa Trời có trung thực hay không? Ngài có đáng tin cậy không?" Sứ đồ Gia-cơ nhận xét khá châm biếm rằng ma quỷ tin có Một Đức Chúa Trời (Gia-cơ 2:19). Nhưng chúng không tin cậy cũng không vâng phục Ngài. Giống như vậy, nhiều người tin Đức Chúa Trời hiện hữu, nhưng không tin cậy Ngài, cũng không sẵn sàng neo cuộc đời mình trên đất hoặc cõi đời sau, vào lời phán chân thật của Ngài. Họ cảm thấy không thể làm được điều đó.

Có người nói: "Nhưng bạn không thể đòi hỏi chúng tôi tin Giê-xu là Con Đức Chúa Trời, chỉ vì Ngài tự xưng mình như vậy. Không hợp lý chút nào." Người đương thời với Đấng Christ cũng nêu vấn đề tương tự. Họ nói: "Thầy tự làm chúng



cho mình,” rồi từ đó rút ra kết luận: “lời chứng của thầy không trung thực,” có nghĩa không đáng tin cậy (Giăng 8:13).

Đấng Christ thách thức ngay tức khắc, kết luận không chính xác đó. Ngài nói: “Cho dù Ta tự làm chứng cho mình đi nữa, thì lời chứng của Ta vẫn đáng tin, vì Ta biết mình từ đâu đến và đang đi đâu” (Giăng 8:14). Dĩ nhiên Ngài ngụ ý thiên đàng là nơi xuất phát của Ngài và Ngài sẽ sớm quay về. Ngài phán bằng uy quyền và kinh nghiệm cá nhân. Hoàn toàn không có lý do xác đáng, khi kết luận rằng vì Ngài là nhân vật duy nhất có thể nói những lời như vậy về chính mình, cho nên lời chứng của Ngài không nhất thiết đáng tin.

Chúng ta hãy sử dụng phép so sánh ở đây. Những người sống trong vùng Địa Trung Hải ba ngàn năm trước, cho rằng nếu bạn đứng quay nhìn thẳng vào mặt trời giữa trưa, thì sự thật không thể chối cãi ấy là trước đó, mặt trời đã mọc bên trái của bạn và về sau, sẽ lặn bên phải của bạn. Giả sử một hôm có một ông đơn độc từ Nam Phi, là người đầu tiên từ xứ này tới viếng vùng Địa Trung Hải. Có thể anh ta nói, trong xứ của anh, nếu bạn đứng nhìn thẳng vào mặt trời giữa trưa, thì sự thật không thể chối cãi ấy là mặt trời đã mọc bên phải, rồi về sau lặn bên trái của bạn. Vấn đề là: liệu người dân Địa Trung Hải có đúng, khi tin lời anh nói không? Điều anh ta nói hoàn toàn ngược hẳn mọi điều họ đã từng kinh nghiệm và ngược với khoa học cùng vũ trụ học đương thời. Rất có thể họ nói: “Anh là người duy nhất nói với chúng tôi như vậy. Chúng tôi không thể tin, chỉ vì anh đã nói. Lời chứng của anh không đáng tin. Chúng tôi không thể tin có xứ nào mà mặt trời lại mọc và lặn theo cách anh mô tả như vậy.”

Có thể lúc ấy, anh ta đáp: “Cho dù tôi là người duy nhất nói với bạn như vậy, nhưng lời chứng của tôi đáng tin. Tôi biết xứ sở tôi phát xuất và sẽ sớm quay về. Các bạn không biết xứ đó đâu.” Có thể là anh nói đúng. Lời chứng của anh đáng tin, và nếu họ tin, hẳn là họ đã tin điều thực sự đúng như vậy.

## Khái Niệm Nền Tảng Thánh Kinh

---

Dĩ nhiên, có thể rất khó cho người dân Địa Trung Hải, tin lời một người lạ mặt đến từ Nam Phi; vì có quá nhiều cái gọi là “chuyện của du khách” kể về những người tự xưng đã từng đi khắp nơi đầu cùng đất và đã chứng kiến những điều diệu kỳ khủng khiếp. Chẳng có chuyện nào đúng. Tất cả chỉ là thuần túy tưởng tượng. Vậy thì làm sao họ phân biệt được chuyện của du khách với điều người Nam Phi này đã nói? Và làm sao chúng ta phân biệt được những chuyện hoang đường tôn giáo mê tín với điều Đấng Christ đã phán?

Chính Đấng Christ đã trả lời cho những câu hỏi như vậy, khi nêu rõ rằng tuy chỉ cần lời tuyên bố của Ngài thôi, cũng đã có giá trị riêng, nhưng còn có nhiều chứng cứ khác góp phần sức mạnh cho những lời tuyên bố của Ngài: và đó là những phép lạ của Ngài (Giăng 5:36). Ngài tuyên bố đã thực hiện những công việc có ý nghĩa mà không ai khác đã từng làm (Giăng 15:24). Chúng ta phải xem xét những công việc này trong chương sau.

## 10

# ĐỨC TIN

## *Sự Đáp Ứng Chứng Cớ (Phần 1)*

### **A. CHỨNG CỚ VỀ PHÉP LẠ CỦA Đấng CHRIST**

Chúng ta kết luận chương trước, bảo rằng những lời tuyên bố của Đấng Christ được hỗ trợ bởi phép lạ Ngài làm. Tân Ước gọi những phép lạ của Ngài là *dấu*, vì tất cả đều nêu rõ chân lý trong lời Ngài tự xưng là Con Đức Chúa Trời:

*Chúa Giê-xu còn làm nhiều dấu lạ khác trước mặt các môn đồ mà không ghi lại trong sách này. Nhưng các việc này được ghi chép để anh em tin rằng Giê-xu là Đấng Christ, Con Đức Chúa Trời, và để khi anh em tin thì nhờ danh Ngài mà được sự sống (Giăng 20:30-31).*

Có người nói, được thôi, nhưng có chứng cớ nào cho thấy những phép lạ được ký thuật trong các Sách Phúc âm đã thực sự xảy ra? Chúng ta không có mặt ở đó để chứng kiến phép lạ. Làm sao có thể biết chắc những ký thuật này là đúng? Dù sao thì điểm chính của những phép lạ này là gì?

## Khái Niệm Nền Tảng Thánh Kinh

---

Kinh Thánh há chẳng tuyên bố những người khác như Ê-li chẳng hạn, cũng làm phép lạ sao? Mà điều đó có chứng minh họ là Con Đức Chúa Trời đâu. Vậy thì làm sao phép lạ của Chúa Giê-xu lại chứng minh Ngài là Con Đức Chúa Trời?

Về chứng cứ lịch sử cho thấy Chúa Giê-xu thực sự đã làm phép lạ, chúng ta dựa vào lời chứng của các sứ đồ Cơ đốc. Không có lý do *nguyên nhân* nào ngăn cản chúng ta tin những phép lạ này, vì khoa học chưa hề chứng minh rằng ý tưởng về phép lạ là không thể có được; đó là một sự thật đương nhiên không cần và không thể chứng minh về một số (nhưng không phải tất cả) thế giới quan.

Do đó, vấn đề không mang tính khoa học, mà mang tính lịch sử: lời chứng của các sứ đồ có đáng tin không?

Trước hết, chúng ta có thể chắc chắn rằng các sứ đồ không phải là những kẻ cố tình và thành thạo nói dối. Sứ đồ Giăng nhấn mạnh như một sự thật đương nhiên rằng *“chẳng có điều dối trá nào ra từ chân lý”* (1 Giăng 2:21). Theo cách đánh giá của ông, lời nói dối không thể chấp nhận được, cho dù nhằm chính nghĩa quảng bá cho chân lý cao hơn, và hoàn toàn không tương hợp với Đấng tự xưng là Chân Lý (Giăng 14:6), và nghiêm cấm mọi lời chứng dối (Ma-thi-ơ 5:33-37). Vì vậy, khi Giăng cho chúng ta biết rằng chính ông cùng các sứ đồ khác thấy Chúa Giê-xu làm phép lạ ngay trước mắt họ, thì rõ ràng là ông tin mình đang ký thuật những sự kiện lịch sử có thật.

Thứ hai, chúng ta cần lưu ý lời tuyên bố của Giăng rằng, khi ký thuật các phép lạ của Chúa Giê-xu, ông không chỉ lặp lại lời đồn. Chính ông và các bạn sứ đồ là nhân chứng trực tiếp. Những phép lạ họ ký thuật, được thực hiện *“ngay trước mặt các môn đồ Ngài.”*

Nhưng thứ ba, và quan trọng hơn cả, chúng ta cần lưu ý tính chất các phép lạ của Đấng Christ. Đó không chỉ là những sự

kiện lịch sử, mà là một loại chứng cứ khác, thách thức chúng ta ngay cả ngày nay với sự cấp thiết vượt trên cả lịch sử. Hi văn trong Tân Ước cảnh báo chúng ta điều này. Theo Hi văn, những phép lạ của Đấng Christ không chỉ là những công việc quyền năng đặc biệt (Hi văn: *dunamis*), và không chỉ là những dấu kỳ gây kinh ngạc (Hi văn: *teras*) thu hút sự chú ý của mọi người: mà còn là những dấu (Hi văn: *semeion*) chỉ về điều quan trọng hơn chính phép lạ, rất nhiều.

Lấy thí dụ, Phép Lạ Nuôi Năm Ngàn Người (Giăng 6). Ở mức ý nghĩa đầu tiên, phép lạ do Đấng Christ thực hiện vì thương xót đoàn dân đói khát. Nhưng đó không phải là mục đích duy nhất và ngay cả không phải là mục đích chính. Vì đương nhiên là qua ngày hôm sau, họ cũng đói thôi. Nhưng chính kỹ thuật này cho chúng ta biết rằng khi đoàn dân đến kêu gào xin lặp lại phép lạ vật chất này, Ngài đã từ chối lặp lại. Vì sao? Nếu Ngài có quyền năng làm phép lạ, sao Ngài không cứ tiếp tục dùng quyền năng đó từng ngày cho tới khi con người trên đất không còn bị đói nữa? Và tại sao Ngài không còn làm như vậy nữa ngày nay? Như Ngài nói, bởi vì họ không nhìn thấy, hoặc cố tình làm ngư mục đích cao hơn của Ngài, tức là ý nghĩa của dấu lạ này (Giăng 6:26). Phép lạ nhằm báo động cho họ biết không chỉ sự kiện Chúa Giê-xu là Đấng Tạo Hóa mang hình người, mà Ngài còn từ trời xuống, tự hiến mình làm Bánh Sự Sống để thỏa mãn cơn đói thuộc linh. Chính bao tử là vật chất, có thể thỏa mãn bằng vật chất. Nhưng tâm linh con người, phát xuất từ Đức Chúa Trời là thần linh, không bao giờ có thể thỏa mãn với vật chất, hoặc với những thú vui về mặt thẩm mỹ hoặc trí tuệ. Tâm linh cần sự thông công với một thân vị và Thân vị đó không ai khác hơn là Đấng Tạo Hóa. Không có Ngài, tâm linh con người phải muồn đời đói khát, cho dù mười ngàn phép lạ vật chất cũng không bao giờ làm thỏa mãn cơn đói.

## **THỬ NGHIỆM TÍNH CHÂN THẬT CỦA PHÉP LẠ**

Ở mức này, chúng ta có thể tự mình thử nghiệm tính chân thật của câu chuyện phép lạ này. Câu chuyện giúp chúng ta chẩn đoán nhu cầu của con người. Câu chuyện cho biết chúng ta đói khát tâm linh, dù chúng ta biết hay không biết mình đang đói thứ gì (hoặc đúng hơn là đói khát ai). Có đúng như vậy không? Chúng ta biết lòng mình; chúng ta có thể quyết định, mỗi người tự quyết định, xem chẩn đoán này có đúng không.

Dĩ nhiên, đoàn dân đông được dạy và rèn luyện đề nén cơn đói thuộc linh. Một số đã thành công, và sẽ thành thật xưng nhận không cảm thấy những cơn đau đói thuộc linh. Nhưng đó có thể là triệu chứng báo động. Chúng ta biết rằng khi con người chết đói thuộc thể vì không được ăn bất kỳ thứ gì, lúc đầu rất là đau đớn. Nhưng sau một lúc, cơn đau tan biến và không trở lại cho tới khi cái chết gần kề và không thể tránh được. Có thể chết đói thuộc linh và giai đoạn cuối cùng, tức sự chết thứ hai, cũng tương tự như vậy.

Nhưng đối với những người nhận biết cơn đói thuộc linh của mình, thì Đấng Christ tự hiến mình làm Bánh Hằng Sống. Họ có khao khát chiều kích sự sống thuộc linh là mỗi thông công đời đời với Đức Chúa Trời, bắt đầu trên đất và trải dài bên kia mộ phần vào thiên đàng của Đức Chúa Trời không? Đấng Christ bảo đảm rằng Ngài có thể ban điều đó (Giăng 6:28-58). Họ có khao khát tâm linh mình được thoát khỏi bóng tối ám ảnh cùng ách nô lệ tội lỗi không? Bởi sự chết của Ngài, Đấng Christ cũng có thể ban điều đó cho họ (Giăng 8:31-36).

Vậy thì làm sao chúng ta biết Ngài nói đúng, Ngài chính là Đấng Ngài tự xưng, Đấng Tạo Hóa chúng ta mang hình người? Giống như vậy, chúng ta biết ổ bánh có thể thực sự thỏa mãn cơn đói thuộc thể. Nhờ tìm bánh, tin tưởng, cảm

lấy và ăn bánh. Vì vậy, đối với những người nhận biết chân lý trong sự chẩn đoán của Ngài về cơn đói thuộc linh, Đấng Christ phán: *"Ta là bánh của sự sống. Kẻ nào đến cùng Ta chẳng hề đói, và ai tin Ta sẽ không bao giờ khát"* (Giăng 6:35). Những người đến và tin nhận, đều khám phá Ngài nói đúng.

Nhưng bây giờ chúng ta quay sang một loại chứng cứ hơi khác với chứng cứ dựa trên phép lạ của Đấng Christ.

## **B. CHỨNG CỨ VỀ SỰ CHẾT CỦA ĐẤNG CHRIST**

Theo Tân Ước, Đức Chúa Trời không sử dụng những phép lạ của Đấng Christ chỉ để, và thậm chí chủ yếu nhằm kích thích chúng ta tin Ngài. Đúng hơn, Ngài sử dụng sự chết của Đấng Christ trên thập tự giá:

*Người Do Thái đòi hỏi dấu lạ (tức là phép lạ), còn người Hi Lạp tìm kiếm sự khôn ngoan. Nhưng chúng tôi rao giảng Đấng Christ bị đóng đinh vào thập tự giá ... Vì ở giữa anh em tôi quyết định không biết gì khác, ngoài Chúa Giê-xu Christ và Chúa Giê-xu Christ bị đóng đinh vào thập tự giá ... để đức tin anh em không dựa trên sự khôn ngoan của con người, mà trên quyền năng của Đức Chúa Trời. Sự đẹp của thập tự giá đối với những người hư mất là hiển rõ; nhưng với chúng ta, những người được cứu chuộc, thì đó là quyền năng của Đức Chúa Trời (1 Cô-rinh-tô 1:22-23; 2:2; 1:18).*

Nếu vậy thì làm sao thập tự giá của Đấng Christ kích thích đức tin chúng ta, tin rằng Ngài là Đấng Tạo Hóa Nhập Thể, Con của Đức Chúa Trời Hằng Sống? Sở dĩ làm được điều đó là vì **thập tự giá của Con Đức Chúa Trời bày tỏ bản chất thật của Đức Chúa Trời.**

Hiển nhiên, nếu lòng chúng ta muốn tin, yêu, và tin cậy Đức Chúa Trời, thì trước tiên, chúng ta cần biết lòng của Đức Chúa Trời như thế nào. Triết lý không thể làm được việc này. Triết

lý có thể suy đoán về Đức Chúa Trời, nhưng không thể cho chúng ta biết điều gì ở trong lòng Ngài. (Triết lý thậm chí còn không thể cho chúng ta biết điều gì đang diễn ra trong lòng của người ở nhà kế bên chúng ta.) Công trình sáng tạo của Đức Chúa Trời cũng không làm được điều đó. Triết lý có thể cho chúng ta thấy quyền năng Ngài; nhưng không thể cho chúng ta thấy rõ ràng tấm lòng của Ngài được. Nếu có khi nào chúng ta biết được lòng của Đức Chúa Trời đối với chúng ta ra sao, thì đó là lúc Đức Chúa Trời phải chủ động tự bày tỏ chính Ngài, và theo cách con người có thể hiểu được. Do đó mới có sự nhập thể, tức Lời Đức Chúa Trời trở thành thân xác.

Có thể nói, nhưng tại đây Đức Chúa Trời lại gặp một vấn đề; và đó là vấn đề Đấng Christ đã nêu ra cho người đương thời với Ngài. Có phần mỉa mai, họ ngụ ý rằng, nhằm chiếm được lòng tin cùng sự hỗ trợ của công chúng, Ngài phải thực hiện một loạt phép lạ ngoạn mục, mới có được sự quảng bá rầm rộ và chỗ đứng giữa công chúng. Nhưng họ không tính ra trở ngại chính. Ngài phán: *"Người đời không thể ghét các người, nhưng họ ghét Ta vì Ta làm chứng rằng việc làm của họ là gian ác"* (Giăng 7:1-7). Lời chứng của Ngài không xuất phát từ sự tự kiêu công chính, hoặc lòng căm ghét người đời kiêu tôn giáo hẹp hòi. Ngài là sự thể hiện Đức Chúa Trời toàn vẹn, sự thể hiện Bản thân Đức Chúa Trời theo cách con người. Bởi thế, Ngài đã bày tỏ sự thánh khiết của Đức Chúa Trời tới mức chưa từng có trước đó, là điều không thể tránh được; và Ngài càng bày tỏ, thì lại càng phơi bày tình trạng tội lỗi của con người, lại càng khiến họ chống nghịch, và càng kháng cự lời Ngài tự xưng là Con Đức Chúa Trời.

Cũng dễ hiểu thôi. Nếu có một người bạn nói, việc bạn đã làm là hành động ích kỷ, đáng khinh, rất có thể lúc đầu bạn bực tức; nhưng sau một lúc, bạn có thể tự an ủi mình với ý nghĩ đó chỉ là ý kiến riêng của anh ta, mà dù sao, anh ta là ai



chứ? Vì vậy, bạn quyết định làm ngơ và vẫn duy trì tình bạn với anh ấy. Nhưng nếu có ai nói cho bạn biết bạn là tội nhân đáng bị Đức Chúa Trời hình phạt, rồi còn nói thêm: “Và Ta, người nói với người điều này, chính là Con Đức Chúa Trời,” thì phản ứng tự nhiên của bạn sẽ rất có thể trước tiên là chế giễu lời tự xưng Con Đức Chúa Trời, rồi sau đó, nếu người cứ vẫn khẳng khẳng nói như vậy, thì bạn sẽ phản kháng hết sức quyết liệt. Bởi lẽ nếu anh ta nói đúng, thì bạn bị lên án.

Lucretius, thi sĩ La Tinh thời xưa, trong một tác phẩm thật dài và thường hùng tráng, trình bày chi tiết thuyết nguyên tử của Hi Lạp thời đầu và thuyết tiến hóa đương thời lúc ấy, nhằm lợi ích của các bạn La Mã, xưng nhận trong phần Mở Đầu, lý do khiến những thuyết đó mạnh mẽ thu hút ông đến như vậy (*De Rerum Natura*, Quyển I). Trước hết, đối với ông, những thuyết này có vẻ chứng minh chết là kết thúc mọi chuyện: không có cuộc đời sau; và do đó, giải thoát ông khỏi mọi viễn ảnh lo sợ hình phạt tội lỗi trong cuộc đời sau. Vì vậy ông đã giảng các thuyết này với lòng hăng say của nhà truyền giảng phúc âm.

Đối với nhiều người cũng giống như vậy. Chấp nhận lời Đấng Christ tự xưng là con Đức Chúa Trời, họ cảm thấy ngay trong lời đó niềm kính sợ một Đức Chúa Trời thánh khiết, nỗi lo cho sự phán xét chung cuộc và hình phạt tội lỗi. Vì vậy họ phản kháng lời xưng nhận này và cương quyết không tin. Cứ như thế, Đấng Christ thực hiện một chuỗi phép lạ chỉ thuần túy phơi bày quyền năng siêu nhiên, sẽ có khuynh hướng gia tăng nỗi sợ trong con người, khiến họ càng khẳng khẳng chống đối, và thúc đẩy họ tìm những cách giải thích khác, cho quyền năng của Đấng Christ. Bởi thế, Đức Chúa Trời không chỉ chủ yếu dùng những phép lạ của Đấng Christ để chinh phục lòng người, mà là dùng thập tự giá của Ngài. Chính Đấng Christ đã xoa dịu sự nghịch thù của đối phương đang phẫn nộ vì bị Ngài phơi bày tình trạng tội lỗi. Ngài

phán: *“Khi các người treo (tức là đóng đinh) Con Người lên, lúc ấy các người sẽ biết rằng TA LÀ ĐÁNG HẰNG HỮU (là Đức Chúa Trời, Đấng Tạo Hóa và Chúa của các người) và biết Ta không tự mình làm điều gì, nhưng chỉ công bố những điều Cha dạy Ta”* (Giăng 8:28).

Dĩ nhiên, qua thập tự giá của Con Ngài, Đức Chúa Trời có phơi bày tội lỗi. Nhưng không chỉ phơi bày tội lỗi, mà còn phơi bày tội lỗi ra trước mắt toàn thể vũ trụ. Đó là tình trạng ghê lạnh và phân loạn trong lòng người, tới mức khi gặp cơ hội, qua sự nhập thể của Đức Chúa Trời, con người sẽ đóng đinh, thực sự là đã đóng đinh Đấng Tạo Dựng ra mình. Qua thập tự giá của Con Ngài, dĩ nhiên Đức Chúa Trời cũng bày tỏ sự thánh khiết bất khuất của Ngài. Tội lỗi chẳng làm gì được, ngoài việc tự gánh lấy sự bất mãn không thỏa hiệp của Đức Chúa Trời. Tội lỗi phải lãnh hình phạt.

Nhưng đồng thời, và trên hết mọi sự, qua sự chết của Con Ngài, Đức Chúa Trời thổ lộ hết lòng mình đối với tạo vật của Ngài. Dù họ bị Sa-tan lừa dối, và tội lỗi đã khiến họ nghịch thù với Ngài, nhưng Ngài vẫn trung thành với họ. Ngài yêu thương họ bằng tình yêu chỉ có giữa người sáng tạo với tạo vật của mình. Ngài không muốn bất kỳ ai bị hư mất, mà muốn mọi người ăn năn (2 Phi-e-rơ 3:9). Thay vì để cho họ hư mất dưới án phạt tội lỗi, Ngài đã trả nợ tội bằng giá thống khổ của chính Con Thiên Thượng của Ngài; và nhờ đó, ban sự cứu chuộc đời đời toàn vẹn cách nhưng không và hợp pháp cho mọi người.

Thập tự giá rao truyền rằng Đức Chúa Trời khao khát mọi người được cứu và biết chân lý, nghĩa là, khám phá ra Đức Chúa Trời thực sự như thế nào, và tấm lòng của Ngài đối với họ ra sao. Để bày tỏ cho thế gian biết lòng của Cha, Con đã phải tự hiến thân làm giá chuộc mọi người, để giúp tình yêu Đức Chúa Trời đạt được mọi điều Ngài ao ước (1 Ti-mô-thê

2:3-6)). Tình yêu vẹn toàn của Ngài ao ước xua tan hết mọi lo sợ trong chúng ta (1 Giăng 4:18).

Như vậy thập tự giá của Đấng Christ là sự bày tỏ trọn vẹn nhất tình yêu của Đức Chúa Trời đã có, và sẽ còn đến muôn đời. Không có niềm vui nào cũng như tất cả niềm vui của thiên đàng, vẫn không diễn tả được tình yêu của Đức Chúa Trời, trọn vẹn hơn việc ban Con của Ngài tại Gô-gô-tha. Trong ý nghĩa đó, đây là sứ điệp cuối của Đức Chúa Trời; Ngài không còn gì hùng hồn hoặc vinh quang hơn, để chinh phục niềm tin yêu của chúng ta. Vấn đề là chúng ta có nhận biết tình yêu của Đức Chúa Trời khi nhìn thấy hay không. Đản chiên, dù là sinh vật khiêm tốn, vẫn do bản năng nhận biết tình yêu cùng sự chăm sóc của người chăn chân chính khi chúng gặp gỡ. Đấng Christ phán: *"Ta là người chăn như lành, người chăn như lành từ bỏ mạng sống vì đản chiên"* (Giăng 10:11). Sứ đồ Giăng nói (1 Giăng 3:16) *"Bởi điều này chúng ta nhận biết tình yêu thương, ấy là Ngài đã hi sinh mạng sống vì chúng ta."* Đấng Christ lại phán *"Ta là người chăn như lành, Ta biết chiên Ta và chiên Ta biết Ta...và Ta vì bấy chiên mà hi sinh mạng sống mình...Bởi đó Cha Ta yêu thương Ta, vì Ta hi sinh mạng sống mình..."* (Giăng 10:14-17).

Vì vậy, vấn đề là: "Phải chăng Giê-xu này, đã bị đóng đinh và chết trên thập tự giá vì cơ chúng ta (như lời Ngài nói)—phải chăng Giê-xu này là Con Đức Chúa Trời?" Đây là vấn đề có một không hai. Không một lãnh tụ tôn giáo hoặc người sáng lập tôn giáo nào dám đứng trước mặt bạn, tự phán trực tiếp với lòng bạn rằng: "Ta là Đấng Tạo Hóa người. Và vì cơ Ta là Đấng Tạo Hóa người, Ta yêu thương người, mặc dù với bản chất con người tội lỗi của người. Và đây chính là chúng có tình yêu: đích thân Ta đã chết thay người."

## Khái Niệm Nền Tảng Thánh Kinh

---

Vậy thì, lời công bố của Chúa Giê-xu thật lạ lùng. Nhưng vẫn còn nhiều chứng cứ cho thấy lời này là đúng. Chứng cứ đó là gì, chúng ta sẽ xem xét trong chương kế tiếp.

# 11

## ĐỨC TIN

### *Sự Đáp Ứng Chứng Cớ (Phần 2)*

#### **A. CHỨNG CỚ QUA SỰ SỐNG LẠI CỦA Đấng CHRIST**

Ai cũng biết sự sống lại của Chúa Giê-xu Christ là trọng tâm của Cơ Đốc giáo. Tân Ước cũng cho thấy rõ sự sống lại của Đấng Christ cùng sự thăng thiên của Ngài không phải là những giáo lý thần học khó hiểu, khiến Cơ Đốc nhân thời đầu phải phấn đấu mới tin được. Đó là hai sự kiện hùng hồn toát ra sức mạnh vô biên làm biến cải các môn đồ đầu tiên, từ những con người nhát sợ thành những nhà truyền giảng phúc âm không kềm chế được. Không hề tạo sức ép cho đức tin họ, sự sống lại của Đấng Christ làm gia tăng đức tin họ gấp ngàn lần. Sự sống lại của Ngài giúp họ kinh nghiệm được sự thực hữu của Đức Chúa Trời Hằng Sống, họ chưa từng biết trước đây. Hãy nghe điều họ nói:

## Khái Niệm Nền Tảng Thánh Kinh

---

*Nhờ Ngài (Đấng Christ) mà anh em tin vào Đức Chúa Trời là Đấng đã khiến Ngài sống lại từ cõi chết và ban cho Ngài vinh quang, để đức tin và hi vọng của anh em được đặt nơi Đức Chúa Trời (1 Phi-e-rơ 1:21).*

Hi vọng của họ cũng gia tăng vô biên. Không có Đức Chúa Trời, chết là kết thúc mọi hi vọng, là sỉ nhục sau cùng của thân xác, là sự phi lý và nản lòng chung cuộc, chấm dứt mọi đấu tranh cho sự tiến bộ. Nhưng sự sống lại của Đấng Christ thay đổi mọi điều đó. Sứ đồ Phi-e-rơ nói:

*Đức Chúa Trời... bởi lòng thương xót dư dật của Ngài đã cho chúng ta được sanh lại trong hi vọng sống, nhờ sự sống lại của Chúa Giê-xu Christ từ cõi chết, và hưởng một cơ nghiệp không bao giờ hư hoại, hoen ố hoặc phai tàn—để dành trên trời cho anh em (1 Phi-e-rơ 1:3-4).*

Cơ Đốc nhân thấy ngay rằng sự sống lại của Giê-xu Christ là Người, mở lối vào cõi vinh quang đời đời cho toàn nhân loại được chuộc. Vì vậy, sự sống lại của Đấng Christ là mẫu đầu tiên cùng lời hứa cho sự sống lại của nhân loại (1 Cô-rinh-tô 15:20-23).

Hơn nữa, sự sống lại của Đấng Christ tạo ra một hiện tượng nổi bật: những Cơ Đốc nhân thời đầu, ngay cả những người chưa từng thấy Chúa Giê-xu, vẫn thực sự yêu Ngài. Hãy nghe cách họ nói:

*Dù chưa thấy Ngài (Giê-xu Christ), anh em vẫn yêu mến Ngài; dù chưa gặp Ngài, anh em vẫn tin Ngài và hân hoan trong niềm vui rạng ngời khôn tả (1 Phi-e-rơ 1:8).*

Nếu có ai nói: "Tôi yêu Tchaikovsky," bạn hiểu ý họ muốn nói: "Tôi yêu nhạc của ông ấy," không phải "Tôi yêu cá nhân ông Tchaikovsky." Chẳng ai nói theo ý sau - sẽ vô nghĩa. Tchaikovsky đã chết rồi; và bạn không thể yêu người chết được.

Nhưng mọi Cơ Đốc nhân đều có thể nói như vậy về Đấng Christ. Đối với họ, Chúa Giê-xu không chỉ là nhân vật lịch sử, một nhà giáo về đạo đức trong quá khứ—Ngài là một Thân vị sống. Dù chưa hề thấy Ngài, họ vẫn yêu Ngài, trò chuyện với Ngài (bằng lời cầu nguyện), lắng nghe Ngài phán riêng tư với họ (qua lời Kinh Thánh), hát cho Ngài, thờ phượng Ngài và sống bằng quyền năng của Ngài để làm vui lòng Ngài. Đó là loại đức tin phát sinh bởi thực tại của sự sống lại.

Có người lại nói: “Nhưng không cần thiết phải là thực tại. Toàn bộ kinh nghiệm này đều diễn ra trong những người lúc đầu cho rằng sự sống lại của Đấng Christ là một sự kiện lịch sử. Họ tự thuyết phục bản thân rằng Chúa Giê-xu hiện đang sống, rồi tạo ra trong tâm trí một hình ảnh lý tưởng về Ngài, rồi yêu bức tranh đó. Chắc chắn đó là thuần túy tưởng tượng chủ quan. Bởi làm gì có chứng cứ lịch sử khách quan rằng Chúa Giê-xu đã thực sự từ cõi chết sống lại?”

Câu trả lời là: có rất nhiều chứng cứ tích lũy, rất hùng hồn, đủ loại, từ một số nguồn khác nhau. Chúng ta chỉ có thể nêu vài mẫu ở đây.

**1. Chứng cứ ngôi mộ trống:** Dựa vào những ký thuật trong Tân Ước, rõ ràng những người đầu tiên viếng mộ Đấng Christ vào ngày Chúa nhật sau khi chôn cất Ngài, chỉ mong tìm thấy xác Ngài vẫn còn trong mộ. Họ đến đó mang theo thuốc thơm để xức xác Ngài, mong sẽ bảo quản được xác càng lâu càng tốt. Khi kể lại cho các sứ đồ rằng họ gặp ngôi mộ trống, các sứ đồ thật ngạc nhiên; rồi Giăng và Phi-e-rơ chạy ngay tới mộ đã tìm xem thực sự điều gì đã xảy ra (Giăng 20:1-10). Họ kể cho chúng ta điều họ thấy. Mộ phần không hoàn toàn trống. Xác không còn, nhưng vải khâm liệm quấn quanh xác theo cách mai táng Do Thái vẫn còn đó, đúng vị trí như khi xác vẫn còn trong mộ, ngoại trừ đang nằm rập trong mộ. Vải quấn quanh đầu, thì nằm hơi cách xa những

vải liệm khác, trên phần gờ cạnh của mộ, vốn dùng làm gối nâng đầu người chết.

Hai môn đồ này cho chúng ta biết, chính chứng cứ này trước tiên, khiến họ tin Chúa Giê-xu hẳn phải từ cõi chết sống lại: xác đã chui ra khỏi vải liệm, bỏ lại nguyên si như cũ. Còn cách giải thích nào khác hơn không? Họ biết chẳng có sứ đồ nào khác dời xác; mà chính họ hoặc người nào khác cũng không làm điều này, vì chính quyền đã cất lính canh cẩn mật quanh mộ, nhằm ngăn cản ai đó ăn cắp xác rồi phao tin nhảm Ngài sống lại.

Chính bọn lính khi thấy xác không còn ở đó, đã phao tin đồn rằng môn đồ đã tới ăn cắp xác trong lúc họ ngủ (Ma-thi-ơ 27:62-66; 28:11-15). Nhưng chính chuyện bịa đặt này, mới nghe qua là đã thấy không thể tin được rồi—làm sao họ thấy sự việc diễn ra trong lúc đang ngủ chứ? Còn xét kỹ hơn, cũng khó tin một số môn đồ có thể qua mặt được lính canh, dời tảng đá nặng trước mộ, lấy cắp xác, đem giấu, rồi cố tình bịa lời dối gạt rằng Chúa Giê-xu đã từ cõi chết sống lại. Thật khó tin chuyện này vì hai lý do sau đây.

**2. Ứng xử của các sứ đồ khi gặp áp lực:** Charles Colson là một trong số phụ tá của cố Tổng Thống Nixon, đã bịa chuyện dối trá nhằm che giấu hành động tội phạm của Tổng Thống trong việc lỵ lợi những giả thuyết liên quan phe đối lập chính trị của ông ta—cái gọi là chuyện Watergate. Suốt một thời gian, những con người bền bỉ này bám chặt lấy câu chuyện dối của mình. Khi áp lực gia tăng, và đe dọa hình phạt nghiêm khắc, từng người đã lần lượt phản bội bạn mình và xưng ra sự thật. Họ thấy không thể chấp nhận lời dối gạt do chính mình bịa ra.

Từ chính kinh nghiệm riêng, Colson đã rút ra kết luận này. Các sứ đồ là những con người không hề sành sỏi chính trị lẫn ngoại giao. Nếu câu chuyện của họ về sự sống lại là dối gạt



tự họ bị ra, thì khi bị áp lực lớn đè nặng, như chúng ta đã thấy ngay sau đó, họ không thể nào duy trì tình đoàn kết: người này hoặc người kia sẽ gục ngã và xưng nhận toàn bộ chuyện lừa đảo. Nhưng không có ai làm như vậy, ngay cả khi chứng kiến nhiều người bị bách hại và hành quyết do đã thực tình tin chuyện sống lại, cho dù chính họ bị tử đạo vì chuyện đó.

Thế nhưng giả sử chúng ta công nhận họ có thể duy trì tình đoàn kết khi gặp áp lực đi nữa, thì làm sao câu chuyện của họ đã thuyết phục được một con người như Sau Lơ ở Tạt-sơ?

**3. Lời chứng của Sau Lơ ở Tạt sơ:** Người ta thường cho rằng chứng cứ về sự sống lại của Đấng Christ bị suy yếu nghiêm trọng do sự kiện mọi chứng cứ đều phát xuất từ Cơ Đốc nhân. Họ cho rằng chẳng có ai phi-Cơ đốc từng làm chứng rằng Chúa Giê-xu đã từ cõi chết sống lại. Dĩ nhiên là không có. Mọi người phi-Cơ đốc đã tin Đấng Christ sống lại, đương nhiên trở thành Cơ Đốc nhân. Nhưng vấn đề cần hiểu là, trước khi tin câu chuyện sống lại, họ không phải là Cơ Đốc nhân; và chính sự sống lại của Ngài đã thuyết phục họ.

Một trường hợp nổi tiếng là Sau lơ ở Tạt sơ. Trước khi trở lại đạo, ông không chỉ khước từ tin Chúa Giê-xu cùng câu chuyện sự sống lại của Ngài: ông còn hùng hổ bách hại mọi người tin. Sự trở lại đạo sau đó của Sau Lơ ở Tạt sơ là một sự kiện lịch sử không ai nghi ngờ. Thế giới vẫn còn mang dấu ảnh hưởng của sự kiện này. Vậy thì điều gì đã khiến ông trở lại đạo? Sau Lơ nói: chính Đấng Christ phục sinh, hằng sống mà ông nghĩ là đã chết và bị chôn, đã gặp ông trên đường Đa mách (Công Vụ Các Sứ Đồ 9).

Có người sẽ lập luận rằng Sau Lơ là trường hợp rất đặc biệt. nhưng ông không phải là người duy nhất tin vào sự sống lại nhờ kinh nghiệm cá nhân với Đấng Christ phục sinh.

**4. Hành động của các phụ nữ Cơ đốc thời đầu:** Những người đầu tiên viếng mộ Đấng Christ vào ngày thứ ba, chắc chắn là mấy phụ nữ Cơ đốc đến ướp xác Chúa. Theo cách riêng, chắc chắn họ đã biến ngôi mộ thành nơi thờ cúng và chốn hành hương, như đối với nhiều lãnh tụ tôn giáo khác, và thực sự là về sau, chính nhiều thể hệ mê tín trong thế giới Cơ đốc cũng đã làm như vậy. Nhưng mấy phụ nữ này đã không làm. Họ cùng mọi Cơ Đốc nhân thời đầu đã thực sự từ bỏ mộ phần. Vì sao? Vì họ thấy mộ trống, và họ đã gặp chính Chúa Giê-xu, từ cõi chết sống lại. Chẳng ai làm đền thờ cho người sống cả! (Ma-thi-ơ 28:1-10; Giăng 20:11-18).

**5. Lời chứng của các nhân chứng:** Thư Thứ Nhất gửi cho người Cô-rinh-tô là một trong những thư đầu tiên của Phao Lô. Trong chương 15 (câu 3-8), ông tóm lược phúc âm. Không chỉ bao gồm lời công bố Đấng Christ đã từ cõi chết sống lại vào ngày thứ ba, mà còn liệt kê các nhân chứng đã thực sự thấy Đấng Christ sau khi Ngài sống lại. Bảng liệt kê này không nhằm kể ra hết; nhưng cho thấy nhân chứng gồm những người thuộc mọi thành phần cá tính khác nhau. Những trường hợp họ thấy Đấng Christ phục sinh cũng khác nhau: vài người thấy riêng lẻ; vài người thấy trong nhóm nhỏ; kẻ khác thấy trong nhóm hơn 500 người. Ở chỗ khác, chúng ta thấy Đấng Christ hiện ra cho một số người vào buổi tối, trong phòng cửa đóng (Giăng 20:19-23), cho những người khác ngay giữa ban ngày trên sườn núi (Ma-thi-ơ 28:16-20) và cho những người khác nữa, vào buổi sáng bên bờ hồ kể cận thuyền đánh cá của họ (Giăng 21), và những người khác nữa, trên đường đi (Lu-ca 24).

Khó cho rằng tất cả những con người tính tình rất khác nhau này, đều là nạn nhân của ảo giác hoặc bị thôi miên hàng loạt.

Có thể trưng ra nhiều chứng cứ lịch sử khác nữa. Nhưng chúng ta cần xem thêm một phản đối khác: “Theo Tân Ước,

các sứ đồ phải nhìn và chạm vào thân Đấng Christ phục sinh, rồi họ mới chịu tin Ngài sống lại. Vậy làm sao bạn đòi hỏi tôi phải tin, khi chính tôi chưa thấy và chạm vào Ngài được?"

Phản đối này cũng dễ hiểu; nhưng không hợp lý như lúc mới nghe. Chúng ta hãy dùng so sánh ở đây. Giả sử tôi đến từ một xứ rất cổ sơ và chưa từng thấy ánh đèn điện. Khi tôi đến thăm căn hộ của bạn, bạn bảo tôi: "Cứ ấn vào nút trên tường trong phòng bạn, đèn sẽ sáng ngay." Tôi hỏi: "Làm sao có chuyện đó được?" Bạn đáp: "Ánh sáng có được là nhờ điện phát ra từ một cơ sở gọi là trạm điện cách nhiều dặm xa." Tôi hỏi: "Bạn có nhìn thấy điện chưa?" Bạn nói: "Chưa." "Bạn có thấy trạm điện chưa?" Bạn nhìn nhận: "Tôi chưa hề tới đó." Tôi hỏi tiếp: "Vậy tại sao bạn tin tưởng trạm phát điện cũng như dòng điện này, chẳng cần biết nó là cái gì?" Bạn kiên nhẫn giải thích: "Lần đầu tiên chúng tôi dọn vào căn hộ, có người đến viếng chúng tôi, cho biết anh ta đến từ trạm điện lục. Anh ta giải thích rằng lúc ấy căn hộ chúng tôi bị cắt nguồn điện, nhưng anh ta sẽ trở về trạm điện để nối điện cho chúng tôi. Thế là dòng điện có lại; và nếu chúng tôi ấn nút, sẽ có ánh sáng. Chúng tôi tin lời anh ấy, ấn nút, và có ánh sáng. Vì vậy, anh cứ về phòng, ấn nút, thì phòng anh cũng sẽ sáng thôi."

Giả sử tôi đáp: "Không, tôi không làm chuyện đó đâu. Có thể tôi tự dối mình tưởng tượng đã nhìn thấy ánh sáng. Tôi cứ khăng khăng đòi gặp người ở trạm điện trước, giống như bạn đã làm trước khi bạn ấn nút."

Có lẽ bạn nghĩ tôi điên.

Các sứ đồ cho chúng ta biết Chúa Giê-xu báo cho họ biết, cả trước lúc Ngài chết cũng như sau khi Ngài từ cõi chết sống lại, rằng Ngài sẽ từ giã họ. Ngài về lại với Cha là Đấng Ngài đã từ đó ra đi, để Ngài có thể sai Thánh Linh đến với họ (Giăng 16:7-14, 28). Họ phải chờ ở Giê-ru-sa-lem vài ngày, rồi sẽ

nhận được Thánh Linh. Sau đó Ngài rời khỏi họ để về trời (Công Vụ Các Sứ Đồ 1:4-9). Họ tin lời Ngài, chờ đợi như đã được dặn bảo, và sau đó nhận được Thánh Linh, cùng với ánh sáng, sự bình an và quyền năng để sống trong mối thông công mỗi ngày với Đức Chúa Trời.

Sau đó họ nói cho người đương thời biết nếu ăn năn tội và tin Đấng Christ, họ cũng sẽ nhận được Thánh Linh (Công Vụ Các Sứ Đồ 2:38). Họ sẽ không, và không thể nhìn thấy Thánh Linh; nhưng sẽ kinh nghiệm được ánh sáng cùng quyền năng của Ngài. Các sứ đồ cũng nói như vậy với chúng ta ngày nay. Chính họ phải thấy Đấng Christ phục sinh rồi mới có thể bảo đảm với toàn thể gian rằng Ngài chính là Chúa Giê-xu mà họ từng sống chung suốt ba năm (Công Vụ Các Sứ Đồ 1:21-22). Nhưng chúng ta không cần phải gặp “Người ở Trạm Điện.” Chúng ta có thể khám phá ra người này thực sự đang sống mà không cần phải gặp người. Cứ ấn nút ăn năn và tin nhận, thì ánh sáng cùng quyền năng của Thánh Linh Ngài sẽ tràn ngập lòng chúng ta.

Chúng ta có một rào bảo vệ nữa, chống lại nguy cơ của thái độ chủ quan. Sự sống lại của Chúa Giê-xu không phải là sự sống lại của bất kỳ con người nào. Kinh Thánh Cựu Ước là sách giáo huấn của Đức Chúa Trời cho con người biết phải mong chờ Đấng Cứu Thế làm gì khi Ngài đến. Trước hết Ngài chết để làm sinh tể do Đức Chúa Trời chỉ định cho tội lỗi của thế gian. Sau đó Đức Chúa Trời sẽ xác nhận sinh tể bằng cách khiến Ngài từ cõi chết sống lại (Ê-sai 53:4-6, 10-12). Chúa Giê-xu tuyên bố Ngài là Đấng Cứu Thế đó. Vì vậy mà phúc âm Cơ đốc không chỉ là Đấng Christ đã chết và sống lại. Mà chính là *“Đấng Christ đã chết vì tội lỗi chúng ta **theo lời Kinh Thánh** ...và Ngài sống lại ngày thứ ba **theo lời Kinh Thánh**”* (1 Cô-rinh-tô 15:3-4). Hãy đọc những câu Kinh Thánh này; rồi chứng minh bằng hành động thích hợp rằng phúc âm này là đúng.

## 12

### ĐỨC TIN

#### *Vấn Đề Là Bạn Tin Ai*

Trong các chương trước đây về khái niệm đức tin, chúng ta đề cập những nền tảng dựa vào đó chúng ta được kêu gọi tin Giê-xu là Christ, Con Đức Chúa Trời. Kinh Thánh thành thật cảnh báo chúng ta rằng khi tin điều này, con người có thể bị liên lụy khổ đau đáng kể. Vì vậy, đức tin cần biết rõ chính xác là tin điều gì. Nếu Giê-xu thực sự là Con Đức Chúa Trời, tức Con của Đấng Làm Chủ vũ trụ, Đấng Tạo Hóa và Đấng Sở Hữu muôn sự, thì dù chúng ta có mất mát hoặc khổ đau vì cố Ngài, cũng chẳng sá gì so với điều chúng ta có được trong Ngài. Ngược lại, nếu Giê-xu không phải là Con Đức Chúa Trời, chúng ta sẽ đại dột khi gánh chịu khổ đau mất mát vì cố Ngài.

Hơn nữa, chẳng hạn một số người sẽ nói: Chúng tôi tin Đấng Christ cũng như mọi tôn giáo khác." Nhưng thái độ cởi mở như vậy là bất hợp lý cách nguy hiểm. Đức tin nơi Đấng Christ, theo Tân Ước, có nghĩa là tin rằng "*Có một Đức Chúa*

*Trời, và một đấng trung bảo giữa Đức Chúa Trời và người, tức Giê-xu Christ là người, Đấng đã hiến mình làm giá chuộc mọi người” (1 Ti-mô-thê 2:5-6). Có nghĩa là tin rằng “chẳng có sự cứu rỗi trong đấng nào khác... vì chẳng có danh nào khác... để nhờ danh đó chúng ta được cứu” (Công Vụ Các Sứ Đồ 4:12). Có nghĩa là sinh tể chuộc tội của Ngài là đủ cả. Không thể dâng một sinh tể khác, không cần một sinh tể khác (Hê-bơ-rơ 10:11-12). Tuyên bố tin Đấng Christ là Chúa Cứu Thế cũng như tin một đấng cứu thế nào khác, thì không phải là đức tin (cũng không phải là khôn ngoan) mà là vô tín.*

Nhưng niềm tin Cơ đốc chân thật không chỉ có nghĩa tin một số sự kiện: mà còn có nghĩa tin tưởng, tin cậy, và cam kết hoàn toàn trung thành với một Thân vị, tức là Chúa Giê-xu Christ. Đáng buồn là có nhiều người tin vào sự kiện Giê-xu là Con Đức Chúa Trời và Cứu Chúa của thế gian, nhưng vẫn chưa cam kết hoàn toàn phó thác chính mình để được Ngài cứu vớt. Điều kỳ lạ là, đây là cám dỗ mà những người sùng đạo (dĩ nhiên, không chỉ có họ) đặc biệt dễ rơi vào.

Một số người cảm thấy chẳng cần phải cam kết riêng tư với Đấng Christ. Họ tin rằng lý lịch thành thật nỗ lực giữ luật pháp Đức Chúa Trời cùng việc thường xuyên sử dụng thánh lễ của Giáo Hội, sẽ lo chuyện đó. Dường như họ quên lời nhắc nhở nghiêm khắc của Đức Chúa Trời rằng mọi người đứng về phía luật pháp sẽ bị rửa sả (Ga-la-ti 3:10-12).

Một số người sợ chỉ trung thành với một mình Đấng Christ, thì chưa đủ để được cứu. Họ cảm thấy Đấng Christ làm phần việc của Ngài là cứu chúng ta, nhưng chính chúng ta cũng phải thực hiện đáng kể, để tự cứu mình. Họ thấy đây là việc làm khá khó khăn, và dù vậy họ vẫn không hề hoàn toàn tin chắc cuối cùng là đủ để cứu họ. Họ cần nghe lại những lời giải phóng của Tân Ước:

*Vì chúng ta tin rằng một người được xưng công chính bởi đức tin chứ không phải bởi việc làm theo luật pháp... Với người không làm việc, nhưng tin vào Đấng xưng công chính cho người có tội, thì đức tin của người ấy được kể là công chính (Rô-ma 3:28; 4:5).*

Khi người cứu đắm bơi ra cứu người lâm nguy chết đuối, không nhất thiết người cứu phải ra sức vớt người kia ngay lúc chạm vào người. Lý do là vì chính người kia trong cơn hoảng sợ, có khả năng tiếp tục vùng vẫy để tự cứu mình, sẽ tóm lấy người cứu đắm, và do đó gây khó khăn cho người cứu. Vì vậy lúc ấy, người cứu sẽ bơi vòng hơi xa một chút, chờ cho người kia mệt lả rồi bỏ cuộc, không vùng vẫy tự cứu mình nữa. Chính lúc ấy, người cứu đắm mới xáp lại gần, thực hiện mọi động tác cứu người. Rất thường xuyên Đấng Christ cũng phải hành động như vậy. Ngài chờ cho tới khi con người tự thấy mình chẳng làm gì được để tự cứu; lúc ấy Ngài mới xuất hiện là Đấng Cứu Thế, mang lại sự cứu rỗi.

Người khác, lại có nan đề khác. Vì nhận biết sự cứu rỗi là do đức tin, cho nên họ ra sức cố gắng tin. Nhưng cho dù cố gắng bao nhiêu, họ cũng cảm thấy đức tin mình chưa mạnh đủ; vì thế họ không tin chắc mình được cứu. Lỗi lầm ở đây là do biết hoặc không biết, họ xem đức tin như một công trạng, phải mạnh đủ mới giúp họ được cứu. Nhưng sự cứu rỗi là tặng phẩm đích thực. Đức tin không mang lại công trạng cho đức tin. Đức tin là bàn tay run rẩy của kẻ hành khát phá sản mở ra, chỉ mong đón lấy món quà mình không thể tự kiếm và không xứng đáng nhận (Ê-phê-sô 2:8-9).

Trẻ thơ sẽ sung sướng ngủ yên trên cánh tay mẹ, tin tưởng mẹ giữ mình được an toàn. Niềm tin của trẻ thơ đối với mẹ, không tạo nên công trạng hoặc kiếm ra sự chăm sóc của mẹ, mà trẻ cũng chẳng cần phải làm việc cực nhọc mới được an tâm trong tình thương vô điều kiện của mẹ.

Mặt khác, đức tin cũng không phải là sự tự tin. Chẳng hạn, một số người nói: "Tôi mạnh mẽ tin rằng nếu tôi cố gắng hết mình, cuối cùng Đức Chúa Trời sẽ thương xót tôi và ban cho tôi sự cứu rỗi." Nhưng đức tin như vậy không đúng nghĩa với đức tin theo Tân Ước, vì niềm tin không đặt nơi Đức Chúa Trời cùng điều Ngài phán, mà trên ý kiến riêng của người đó. Thật ra, đó là niềm tin đặt sai chỗ cách nguy hiểm.

Giả sử một bà mẹ mua thuốc cho con. Nhãn dán cho biết thuốc chỉ được sử dụng ngoài da: là độc dược không được uống. Nhưng người mẹ chẳng quan tâm đọc đọc nhãn dán, và cho con uống một muỗng thật lớn. Bà cứ tin tưởng thuốc sẽ giúp ích cho con mình. Nhưng có đúng không? Dĩ nhiên là không. Rất có thể đứa con sẽ chết. Vậy thì, lòng tin chỉ có giá trị khi dựa trên Đức Chúa Trời và trên lời Ngài phán.

Và đây là sự khác biệt quan trọng: đức tin không phải là cảm giác. Nhiều người (tuy không phải tất cả), khi tin cậy Đấng Christ lúc đầu và tiếp nhận sự tha tội toàn vẹn và tin chắc mình được cứu, cảm thấy rất nhẹ nhàng và phấn khởi. Vậy là tốt. Nhưng sau một thời gian, những cảm giác này tự nhiên giảm dần. Lúc ấy, nếu đức tin họ dựa vào cảm giác thay vì vào Đấng Christ, có thể họ sẽ nghĩ mình đã đánh mất sự cứu rỗi, hoặc có lẽ thực sự họ chưa hề có đức tin. Vì thế, chúng ta không được nhầm lẫn đức tin với cảm giác. Đức tin nơi Đức Chúa Trời thực sự đòi lúc tạo ra trong chúng ta cảm giác buồn rầu và đau đớn, như khi lời Đức Chúa Trời khiến chúng ta nhận biết hành vi sai trái của mình cùng sự thiệt hại nó gây ra, hoặc khi chúng ta nhận biết Đức Chúa Trời muốn mình từ bỏ những việc làm vô đạo đức mà chúng ta vẫn làm để kiếm tiền, hoặc khi chúng ta phải gánh chịu lạm dụng hoặc bắt bớ vì làm tín nhân. Vì vậy chúng ta phải lấy lời Đức Chúa Trời, thay vì cảm giác cá nhân, làm chỉ nam tối hậu cho mình.



Giả sử một phụ nữ sống trong căn hộ trên lầu năm trong chung cư. Căn hộ của chị bị hỏa hoạn. Ngay lúc ấy một người đàn ông xuất hiện bên ngoài cửa sổ phòng chị, đứng trên chót thang cao ngất. Anh ta bước vào trong phòng, bảo chị phải để cho anh vác chị leo xuống thang. Chị đồng ý phó thác mình cho anh. Nhưng khi nhìn xuống, thấy mặt đất xa tít bên dưới, chị rất sợ hãi. Dù sao cảm giác sợ của chị không thay đổi được sự an toàn ở đây. Anh lính cứu hỏa ôm chị thật chặt và đưa chị xuống đất an toàn. Giống như vậy, khi chúng ta đặt niềm tin nơi Đấng Christ làm Cứu Chúa mình, thì chính sức mạnh cùng sự thành tín của Ngài bảo đảm cho sự cứu rỗi chúng ta. Cảm giác không ăn khớp với sự an toàn của chúng ta.

### **ĐỨC TIN KÉO THEO SỰ ĐÁNH GIÁ ĐẠO ĐỨC**

Có thể ai đó nói: “Nếu tôi tin Đấng Christ bảo đảm cho mình sự sống đời đời, làm sao tôi biết mình có sự sống đó?” Đây là giải đáp của Tân Ước cho câu hỏi này:

*Nếu chúng ta nhận lời chứng của loài người, thì lời chứng của Đức Chúa Trời còn cao trọng hơn: vì đây là lời của Đức Chúa Trời làm chứng về Con Ngài. Ai tin con Đức Chúa Trời thì có lời chứng ấy trong chính mình; còn ai không tin Đức Chúa Trời thì cho Ngài là người nói dối; vì không tin lời mà Đức Chúa Trời đã làm chứng về Con Ngài. Đây là lời chứng, Đức Chúa Trời đã ban sự sống đời đời cho chúng ta, và sự sống này ở trong Con Ngài. Ai có Đức Chúa Con thì có sự sống; ai không có Con Đức Chúa Trời thì không có sự sống. Tôi viết điều này cho anh em, là những người đã tin đến danh Con Đức Chúa Trời; để anh em biết mình có sự sống đời đời (1 Giăng 5:9-13).*

Phần đoạn này từ chính Lời Đức Chúa Trời cho chúng ta biết tín nhân trong Đấng Christ có thể hoàn toàn biết chắc mình có sự sống đời đời, vì hai lý do.

**1. Vì Đức Chúa Trời phán như vậy!** Và không tin lời Đức Chúa Trời phán với chúng ta về điều gì, tức là hàm ý Ngài nói dối.

Lời Đức Chúa Trời rõ ràng, đơn giản và thẳng thắn:

*Đây là lời chứng: ấy là Đức Chúa Trời đã ban cho chúng ta sự sống đời đời, và sự sống này ở trong Con Ngài. Ai có Con thì có sự sống.*

Đây là điều chắc chắn đối với từng tín nhân.

Giả sử lần đầu tiên gặp bạn, tôi hỏi bạn tên gì, bạn đáp "Elizabeth." Và giả sử lúc ấy có người khác đến nói với tôi: "Tên chị ấy là gì?" và tôi đáp: "Tôi không biết. Chị ấy nói là Elizabeth. Nhưng tôi không chắc." Bạn cảm thấy thế nào? Bạn sẽ vô cùng giận dữ, vì khi không tin điều bạn nói với tôi, tức là tôi cho bạn là kẻ nói dối. Tôi nghi ngờ bản chất đạo đức của bạn. Như vậy là nghiêm trọng; nhưng không có gì nghiêm trọng bằng từ chối tin điều Đức Chúa Trời phán, và nghi ngờ bản tánh đạo đức của Ngài. Vì vậy, tin Đức Chúa Trời kéo theo sự đánh giá về bản chất đạo đức của Ngài: Ngài có đáng tin không? Ngài có nói thật không?

Toàn bộ rắc rối của con người bắt đầu trong Vườn Ê-đen, khi Sa-tan khôn khéo lừa gạt người thối mắt và nghi ngờ lời Đức Chúa Trời và bắt đầu xa lánh Ngài (Sáng Thế Ký 3:1-7). Sự xa lánh này được cất khỏi, khi con người ăn năn tin cậy, đặt trọn niềm tin tuyệt đối vào lời phán cùng bản tánh Đức Chúa Trời là Đấng không thể nói dối.

**2. Vì "ai tin thì có lời chứng trong chính mình"** (1 Giăng 5:10). Giả sử bạn bị ốm, và bác sĩ cho bạn thuốc, bảo rằng: "Cứ uống thuốc này thì sẽ khỏi bệnh." Bạn sẽ phải quyết định trước tiên là có nên tin lời bác sĩ hay không. Bác sĩ có đủ phẩm chất nghề nghiệp không? Bạn có thể tin chắc ông ấy cho mình đúng thuốc và không phải là thuốc độc không? Nhưng giả sử bạn quyết định ông là bác sĩ đúng mức và là

người đáng tin cậy. Thì bạn sẽ uống thuốc; và khi thuốc hiệu nghiệm chữa lành cho bạn, bạn có chứng cứ trong bản thân rằng bác sĩ có phẩm chất trung thực và thuốc thật tốt.

Giống như vậy, Đức Chúa Trời ban cho chúng ta sự sống đời đời như là tặng phẩm. Nếu tin Ngài, chúng ta sẽ nhận biết mình có món quà này, trước tiên là vì Đức Chúa Trời phán như vậy, nhưng cũng vì có những thay đổi thực sự sẽ diễn ra bên trong chúng ta.

## **ĐỜI SỐNG ĐỨC TIN**

Trước đây trong chương này chúng ta biết rằng trong vấn đề tiếp nhận sự cứu rỗi, đức tin trái ngược với việc làm: "*nhờ đức tin*" có nghĩa "*không nhờ việc làm*." Đến đây chúng ta học biết rằng đức tin thật, dẫn tới hoặc sản sinh ra việc làm. Thật vậy, đức tin mà không sinh ra việc làm, thì không phải là đức tin thật. Nếu nói vậy nghe mâu thuẫn, hãy suy nghĩ sự so sánh sau đây.

Một nông gia bị yếu tim nên không còn làm việc được. Một bạn phẫu thuật tim đề nghị thực hiện ghép tim miễn phí cho ông. Cả việc phẫu thuật lẫn hiến tim đều là tặng phẩm. Nông gia tin nhà phẫu thuật, phó thác cho ông, cuộc phẫu thuật được thực hiện, và tim mới được ghép thành công. Kết quả là nông gia thấy mình tràn đầy sức sống mới và nghị lực, vui vẻ làm việc, không nhằm để có được tim mới, nhưng vì đã nhận được tim mới.

Cũng vậy, Đức Chúa Trời ban cho mỗi người tin nhận Đấng Christ, tặng phẩm thuộc linh là tấm lòng mới. Đích thực đây là tặng phẩm vô điều kiện, không nhờ việc làm. Nhưng tấm lòng mới, kéo theo nếp sống, sức lực, mục tiêu, động cơ cùng ước muốn mới, thích phục vụ Đấng Christ (xem Ê-xê-chi-ên 11:19-20). Thực sự đây là mục tiêu của sự cứu rỗi, như Phao Lô nêu rõ cho những người ông mới đưa trở lại đạo. Trong những câu

này ông nhắc họ nhớ đã được cứu nhờ đức tin không có việc làm, tiếp theo là những câu cho họ biết họ *“đã được tạo dựng trong Christ Giê-xu để làm những việc lành mà Đức Chúa Trời đã chuẩn bị sẵn cho họ làm theo”* (Ê-phê-sô 2:8-10).

Từ đó, từng bước trên đường đời sẽ là sự kêu gọi liên tục vận dụng đức tin; và đức tin, giống như cơ bắp, sẽ phát triển mạnh mẽ hơn, nhờ luyện tập. Đức tin sẽ giúp tín nhân sống và làm việc theo điều răn của Đấng Christ. Đức tin sẽ giúp sức cho người theo gương những anh hùng lớn của đức tin qua mọi thời đại, những người đã thực hiện những kỳ công lớn và chịu nhiều khổ đau vì cơ Đức Chúa Trời (xem Hê-bơ-rơ 11).

Hơn nữa, Đức Chúa Trời sẽ cho phép đức tin chịu thử nghiệm, đôi khi nghiêm trọng, để đức tin có cơ hội chứng tỏ là trung thực. Nhờ đó đức tin được tinh luyện giống vàng bị đun nóng để tẩy sạch cặn bã và làm cho vàng có giá trị hơn (1 Phi-e-rơ 1:6-7). Nhưng tín nhân được bảo đảm Đức Chúa Trời sẽ không để cho mình bị thử thách quá sức chịu đựng (1 Cô-rinh-tô 10:13). Thực sự qua sự cầu thay của Ngài, Đấng Christ sẽ duy trì đức tin của người đó, nếu đức tin vấp ngã, Ngài sẽ phục hồi, như Ngài đã làm cho Phi-e-rơ ngày xưa (Lu-ca 22:31-32; Hê-bơ-rơ 7:25).

Đức tin cũng sẽ ban năng lực cho tín nhân nắm chắc những giáo lý căn bản của Cơ Đốc giáo được Tân Ước gọi là *“đức tin.”* Như Phao Lô viết, chúng ta phải *“chiến đấu dũng cảm vì đức tin”* (1 Ti-mô-thê 6:12-16). Và đức tin sẽ chắc chắn gặt được phần thưởng sau cùng:

*Ta đã chiến đấu trong một trận chiến anh dũng, đã hoàn tất cuộc chạy đua, đã giữ được đức tin: Hiện nay mào triều thiên công chính đã dành sẵn cho ta; Chúa là thẩm phán công minh sẽ ban mào ấy cho ta trong ngày đó: nhưng không chỉ cho ta, mà cũng cho tất cả những ai yêu mến sự hiện đến của Ngài (2 Ti-mô-thê 4:7-8).*

## 13

# SỰ THÁNH HÓA

## *Cha Nào Con Nấy*

Trong chương này chúng ta nghiên cứu từ *thánh hóa*. Từ này chỉ về tiến trình qua đó Đức Chúa Trời biến con người tội lỗi thành thánh đồ. Tân Ước nói chung, gây nhiều điều ngạc nhiên cho những người chưa quen; nhưng không có từ nào gây ngạc nhiên bằng từ 'thánh đồ.' Trong văn nói thông thường, chức danh 'Thánh' thường được dùng chỉ sự tôn trọng khi đề cập các sứ đồ Cơ đốc như Thánh Phi-e-rơ, Thánh Phao Lô, v.v.; và cũng dùng cho những người được kể là đã đạt tới trình độ thánh khiết cao trong cuộc đời, chẳng hạn như Thánh Symeon hoặc Thánh Sophia.

Nhưng cách dùng trong Tân Ước lại khác hẳn. Trong nguyên gốc (các tiêu đề của Thư Tín, không phải là nguyên gốc: chỉ mới thêm vào sau này), chưa hề có một lần cá nhân các sứ đồ được gọi Thánh Phi-e-rơ, hay là Thánh Phao Lô, v.v., (tuy các sứ đồ và tiên tri nói chung thỉnh thoảng được gọi '*các sứ đồ và tiên tri thánh*') (Ê-phê-sô 3:5; 2 Phi-e-rơ 3:2). Mặt khác,

mọi Cơ Đốc nhân không ngoại trừ ai, luôn được gọi là thánh đồ. Thí dụ, trong Công Vụ Các Sứ Đồ 9:32, khi nói Phi-e-rơ “*đến thăm các thánh đồ tại thành Ly-đ-a,*” không có nghĩa ông chỉ viếng thăm một nhóm nhỏ Cơ Đốc nhân tuyển chọn: ‘thánh đồ’ là cách thông thường của Tân Ước ám chỉ mọi Cơ Đốc nhân trong một địa phương.

Càng ngạc nhiên hơn nữa, thư Phao Lô gửi cho hội thánh tại Cô-rinh-tô cho thấy phần lớn cách cư xử của họ là không xứng đáng. Thế nhưng trong lời nhận xét mở đầu, ông gọi tất cả thuộc viên là “*những người đã được thánh hóa trong Christ Giê-xu, gọi là thánh đồ*” (1 Cô-rinh-tô 1:2).

Tuy nhiên, đây không phải là ngôn ngữ hời hợt, cách tăng bốc kiểu ngoại giao. Lời này bộc phát từ trái tim phúc âm. Một số Cơ Đốc nhân Cô-rinh-tô trước đây sống cực kỳ vô luân; mọi người đều tội lỗi; nhiều người vẫn còn yếu đuối và ấu trĩ thuộc linh. Phao Lô nói, “*nhưng anh em đã được thanh tẩy, được thánh hóa, và được xưng công chính trong danh Chúa Giê-xu Christ và bởi Thân Linh của Đức Chúa Trời chúng ta*” (1 Cô-rinh-tô 6:11). Khi nói như vậy, Tân Ước không ngụ ý những người đã được thánh hóa và trở thành thánh đồ, chẳng cần phải không ngừng tiến bộ trong thực tại thánh khiết. Nhưng lời này khẳng định rằng công đức hi sinh của Đấng Christ ấy là mọi người đặt niềm tin nơi Ngài đều được Đức Chúa Trời công bố thực sự đã được thánh hóa và gọi đúng mức là thánh đồ.

Để hiểu vấn đề này, chúng ta hãy bắt đầu với định nghĩa ‘thánh khiết.’ Sự thánh hóa có hai mặt, một mặt tiêu cực và một mặt tích cực:

1. Mặt tiêu cực, là phân rẽ khỏi sự ô uế và bất khiết, nói cách khác, sự thanh tẩy.
2. Mặt tích cực, có nghĩa phân rẽ cho Đức Chúa Trời để phục vụ Ngài, nói cách khác, sự cung hiến.

Cả hai ý được nêu rõ trong Hê-bơ-rơ 9:13-14. Ở đây tác giả đối chiếu phương tiện thánh hóa của Do Thái với của Cơ Đốc giáo. Ông liên kết sự thánh hóa với sự thanh tẩy khỏi ô uế với sự cung hiến để phục vụ Đức Chúa Trời:

*Vì nếu máu của dê đực và bò đực cùng tro của bò cái tơ mà người ta rải trên kẻ bị ô uế, còn thánh hóa họ được thanh sạch về phần xác, huyết chi huyết của Đấng Christ là nhờ Thánh Linh đời đời dâng chính mình không tì vết cho Đức Chúa Trời, sẽ tẩy sạch lương tâm anh em khỏi công việc chết để phục vụ Đức Chúa Trời hằng sống bội phần hơn là đường nào!” (Hê-bơ-rơ 9:13-14).*

Tiếp theo, chúng ta phải lưu ý những lần Tân Ước đề cập sự ‘thánh hóa’ đều gồm ba giai đoạn: khởi đầu, tiệm tiến, và kết thúc.

## **KHỞI ĐẦU SỰ THÁNH HÓA**

Trước tiên, hãy lưu ý sự khởi đầu thánh hóa được thực hiện ra sao:

### **1. Nhờ dâng thân thể Đấng Christ:**

*Do đó khi Đấng Christ vào thế gian, Ngài phán: “Chúa không muốn sinh tế, cũng chẳng muốn lễ vật, nhưng Chúa đã chuẩn bị một thân thể cho tôi...Bấy giờ tôi nói: ‘Lạy Đức Chúa Trời, nầy tôi đến để làm theo ý muốn Chúa’...theo ý muốn đó, chúng ta được thánh hóa nhờ sự dâng thân thể của Chúa Giê-xu Christ một lần đủ cả (Hê-bơ-rơ 10:5,7,10).*

Như vậy, không phải nhờ sức riêng của chúng ta giữ luật pháp Đức Chúa Trời và làm theo ý Ngài mà chúng ta biến mình thành thánh đồ. Mọi nỗ lực của chúng ta nhằm mục đích đó, sẽ thiếu hụt cách tai hại, không đáp ứng được sự

ting khiết, thánh khiết và tận hiến mà Đức Chúa Trời đòi hỏi. Phúc âm dạy rằng chúng ta được làm nên thánh và được Đức Chúa Trời chấp nhận nhờ việc Đấng khác—tức là Đấng Christ—đã làm. Chính ý Đức Chúa Trời muốn Ngài hiến thân mình làm của lễ vô tội và Thay Thế chúng ta; và Ngài đã làm một lần đủ cả, khi Ngài dâng thân mình cho Đức Chúa Trời trên thập tự giá. Chính nhờ sinh tể đó, không phải nhờ nỗ lực riêng của chúng ta, đã khiến chúng ta được Đức Chúa Trời chấp nhận, bất kể mọi thiếu sót của chúng ta.

**2. Huyết của Đấng Christ:** (xem Hê-bơ-rơ 9:13-14 ở trên.) Không ai có thể phục vụ Đức Chúa Trời hằng sống cách đẹp lòng Ngài trong khi lương tâm bị hoen ố bởi tội lỗi. Tội lỗi phóng ra bóng tối và mục nát chết chóc vây quanh con người cùng mọi việc người làm. Con người có gia tăng sinh hoạt tôn giáo cũng không thể xua tan sự ô dơ đó. Cũng không có nghi thức tôn giáo và tẩy rửa nào (Ma-thi-ơ 15) thực hiện được điều đó. Nhưng điều chúng ta không thể làm, thì huyết Đấng Christ làm được: vì *“huyết của Giê-xu Christ, Con Đức Chúa Trời, làm sạch mọi tội chúng ta”* (1 Giăng 1:7). Huyết đó thanh tẩy lương tâm chúng ta và giải thoát chúng ta để được tự do phục vụ Đức Chúa Trời hằng sống.

Như vậy, huyết Đấng Christ thực hiện điều chúng ta gọi là yếu tố tiêu cực trong sự thánh hóa, tức sự thanh tẩy ô dơ. Còn điều gì thực hiện khía cạnh kia của sự thánh hóa, tức sự cung hiến tích cực cho Đức Chúa Trời?

Về phía Đức Chúa Trời, khía cạnh này được thực hiện nhờ việc làm của Thánh Linh trong lòng chúng ta, thuyết phục chúng ta về tội lỗi, kéo chúng ta lại gần Chúa Cứu Thế, bày tỏ cho chúng ta con đường cứu rỗi của Đức Chúa Trời, và bởi quyền năng tái tạo của Ngài, gieo trồng vào lòng chúng ta chính sự sống của Đức Chúa Trời cùng với mọi tiềm năng cần thiết để phát triển nếp sống thánh khiết.



*Đức Chúa Trời cứu chúng ta qua việc thanh tẩy của sự tái sinh và đổi mới của Thánh Linh (Tit 3:5).*

*Theo sự biết trước của Đức Chúa Trời là Cha, qua công việc thánh hóa của Thánh Linh, để vâng phục Chúa Giê-xu Christ và dự phần trong sự rảy huyết Ngài (1 Phi-e-rơ 1:2).*

Còn về phía chúng ta, cả hai yếu tố tiêu cực và tích cực của sự thánh hóa đều được thực hiện trong lòng chúng ta bởi đức tin:

*Và Đức Chúa Trời là Đấng biết lòng mọi người... đã ban Thánh Linh cho họ cũng như cho chúng ta, và chẳng phân biệt chúng ta (người Do Thái) với họ (dân Ngoại) tẩy sạch lòng họ bởi đức tin (Công Vụ Các Sứ Đồ 15:8-9).*

Khi đáp ứng công việc của Thánh Linh trong lòng mình, chúng ta không tin nơi chính mình để được cứu, mà chỉ đặt niềm tin nơi Đức Chúa Trời và sự hi sinh của Đấng Christ, trong lòng chúng ta liền có sự thay đổi cơ bản về phương hướng. Không còn xa lánh và nghịch thù với Đức Chúa Trời. Không còn tỏ ra độc lập và xem thường Đức Chúa Trời như trước nữa. Thay vào đó, Thánh Linh khiến chúng ta nhận biết tình yêu của Đức Chúa Trời đối với chúng ta: *"Ngài tuôn đổ tình yêu của Đức Chúa Trời vào lòng chúng ta"* (Rô-ma 5:5). Ngài khiến chúng ta nhận biết bây giờ chúng ta trở thành con cái Đức Chúa Trời, cùng chia sẻ sự sống và bản chất với Cha chúng ta, và tự nhiên theo bản năng, chúng ta gọi Ngài là Abba Cha (Rô-ma 8:14-17), và cảm nhận bốn phận lẫn khả năng được nên thánh giống như Cha thánh khiết của chúng ta (1 Phi-e-rơ 1:14-16).

Đồng thời chúng ta thấy rằng *"nhờ Ngài (Đấng Christ) mà cả hai (tức người Do Thái lẫn Ngoại bang) đều có thể đến với Cha trong một Thánh Linh"* (Ê-phê-sô 2:18). Dĩ nhiên, không phải luôn luôn là như vậy. Trong những thế kỷ trước sự giáng sinh, cuộc đời cùng sự chết của Đấng Christ, những tế lễ

người Ít-ra-ên dâng chuộc tội chỉ là biểu tượng. Những tế lễ đó không thể cất bỏ tội lỗi, vì không thực sự trả nợ tội. Do đó, thường dân Ít-ra-ên chỉ được phép vào hành lang ngoài, của đền tạm hoặc đền thờ trên đất của Đức Chúa Trời. Các thầy tế lễ thì vào Nơi Thánh, không được đi xa hơn. Chỉ Thầy Tế Lễ Thượng Phẩm được phép vào Nơi Chí Thánh, nơi có ngai Đức Chúa Trời.

Nhưng bây giờ Đức Chúa Trời đã đến và dâng tế lễ toàn vẹn để chuộc tội, thì mọi sự đều thay đổi. Đấng Christ đã hoàn thiện đời đời mọi người đang được thánh hóa (Hê-bơ-rơ 10:14). Mọi tín nhân vì vậy và không phải chỉ một số ít được chỉ định đặc biệt, đều có quyền thuộc linh—ngay cả trên đất này trong hiện tại—bước vào Nơi Chí Thánh trong sự hiện diện với Đức Chúa Trời trên thiên đàng và nhờ đó, tự tin đến gần Đức Chúa Trời. Hê-bơ-rơ 10:19-22 giải thích cách sự việc này diễn ra: Chúa Giê-xu đã mở lối cho họ xuyên qua huyết Ngài, và tấm lòng mọi tín nhân đều được rửa huyết tẩy sạch khỏi lương tâm cùng thể xác tội lỗi, nói theo nghĩa bóng, được tắm bằng nước tinh khiết (đối chiếu với Giăng 13:6-11).

Nhờ được thường xuyên bước vào sự hiện diện với Đức Chúa Trời, tín nhân nhận biết họ được trở nên thầy tế lễ cho Đức Chúa Trời, và bởi huyết Đấng Christ, tất cả mọi người đều được cung hiến để phục vụ Đức Chúa Trời (Khải Huyền 1:5-6; 5:9-10). Vì vậy sứ đồ Phi-e-rơ cho mọi anh em đã tin, biết rằng:

*Anh em cũng... được xây nên ngôi nhà thiêng liêng, làm chức tế lễ thánh, để dâng sinh tế thiêng liêng, đẹp lòng Đức Chúa Trời nhờ Chúa Giê-xu Christ... Anh em là chức tế lễ hoàng gia, là dân tộc thánh, là dân thuộc riêng về Đức Chúa Trời, để anh em rao truyền công đức vĩ đại của Đấng kêu gọi anh em ra khỏi nơi tối tăm, đưa vào vùng*

*ánh sáng diệu kỳ của Ngài. Trước kia anh em không phải là một dân, nhưng bây giờ là dân của Đức Chúa Trời. Trước kia không được thương xót, mà bây giờ được thương xót (1 Phi-e-rơ 2:5,9-10).*

Cũng dễ hiểu, mọi điều này tạo nên trong tín nhân tình yêu sâu sắc đối với Đức Chúa Trời. Sứ đồ Giăng nói, *“Chúng ta yêu, vì Chúa đã yêu chúng ta trước”* (1 Giăng 4:19). Và tình yêu thúc đẩy họ vui vẻ sống tận hiến trong gia đình, tại trường học, trong cơ xưởng hoặc cơ quan hoặc trên nông trường, để phục vụ Đức Chúa Trời. Sứ đồ Phao Lô nói: *“Vậy, thưa anh em, bởi sự thương xót của Đức Chúa Trời, tôi nài xin anh em dâng thân thể mình làm sinh tế sống, thánh khiết, và đẹp lòng Đức Chúa Trời, đó là sự thờ phượng phải lẽ của anh em. Đừng khuôn rập theo theo đời này, nhưng phải được biến cải bởi sự đổi mới tâm trí, để phân biệt đâu là ý muốn tốt đẹp, vừa lòng và trọn vẹn của Đức Chúa Trời”* (Rô-ma 12:1-2).

Lời kêu gọi này dựa trên sự hợp lý không chối cãi được. Vài phân đoạn trong Tân Ước có giải thích rõ. Sau đây là một thí dụ:

*Vi tình yêu của Đấng Christ cảm động chúng tôi; và chúng tôi nghĩ rằng nếu có một người đã chết vì mọi người, thì mọi người đều đã chết. Và vì Ngài đã chết thay cho mọi người, để những người đang sống không vì chính mình mà sống nữa, nhưng sống vì Đấng đã chết và sống lại cho mình (2 Cô-rinh-tô 5:14-15).*

Một phân đoạn khác giải thích thêm động cơ dẫn tới nếp sống thánh khiết:

*Hay là anh em không biết rằng thân thể anh em là đền thờ của Thánh Linh đang ngự trị trong anh em, Đấng mà Đức Chúa Trời đã ban cho anh em sao? Và anh em cũng không còn thuộc về chính mình nữa; vì anh em đã được*

*mua bằng giá rất cao: vậy hãy dùng thân thể anh em mà tôn vinh Đức Chúa Trời (1 Cô-rinh-tô 6:19-20).*

Chúng ta thấy ở đây có cùng lập luận như trên: tín nhân đã được chuộc với giá của huyết Đấng Christ. Từ nay về sau, chính bản thân hoặc ngay cả thể xác tín nhân, không còn thuộc về người nữa. Cả hai đều thuộc về Đấng Christ. Nhưng hơn thế nữa: nhờ sự cứu chuộc của Đấng Christ, thể xác của tín nhân là đền thờ của Thánh Linh, vì khi người tin nhận, Đức Chúa Trời đã đặt Thánh Linh Ngài trong lòng người. Vì vậy, chính sự hiện diện của Thánh Linh trong thân thể tín nhân, biến nơi đó thành thánh khiết và cung hiến làm nơi ngự trị của Đức Chúa Trời. Chính sự kiện đáng kính sợ này đã đặt trên tín nhân nghĩa vụ của lương tâm, phải dùng thân thể mình làm vinh danh Đức Chúa Trời và tránh làm ô uế thân thể nay đã trở thành đền thờ của Thánh Linh.

Thứ tự sự việc ở đây vừa gây chú ý lẫn bỏ ích. Tín nhân không được dạy rằng nếu trước tiên làm sạch đời sống mình thỏa đáng, thì có lẽ Thánh Linh sẽ đoái thương ngự vào biến thành đền thờ cho Ngài. Ngược lại mới là đúng. Nhờ sinh tể cùng huyết Ngài, Đấng Christ đã tẩy sạch và thánh hóa thân thể tín nhân và biến nó thành đền thờ cho Thánh Linh rồi. Vì sự thật là như vậy, cho nên hiện nay tín nhân có trách nhiệm và được thôi thúc kiêng cử những hành vi làm ô uế thân thể mình.

Chúng ta hãy tóm lược điều đã học được. Sự thánh hóa bước đầu, như chúng ta đã gọi, không phải là điều chúng ta phải đạt tới hoặc hoàn tất nhờ sức riêng có được cuộc sống thánh khiết. Đó là điều Đức Chúa Trời ban cho chúng ta ngay giây phút chúng ta đặt niềm tin nơi Đấng Christ: *"Nhờ Ngài [Đức Chúa Trời] mà anh em được ở trong Christ Giê-xu, Đấng mà Đức Chúa Trời đã làm nên sự khôn ngoan, công chính, thánh khiết và sự cứu chuộc cho chúng ta"* (1 Cô-rinh-tô 1:30). Sự

thánh hóa bước đầu này biến mỗi tín nhân thành thánh đồ. Giúp từng tín nhân đến thẳng và trực tiếp với Cha. Cung hiến từng tín nhân làm thầy tế lễ cho Đức Chúa Trời, để dâng lên cho Ngài những tế lễ thuộc linh và nói cho người khác biết về tình yêu cùng ân sủng cứu chuộc của Đức Chúa Trời. Biến thân thể tín nhân thành đền thờ thánh cho Thánh Linh Đức Chúa Trời ngự trị. Tạo nên trong tín nhân ý thức do bản năng rằng bây giờ mình là con cái Đức Chúa Trời, có sự sống của chính Ngài trong mình, và vì thế, có đủ mọi tiềm năng cần thiết để thánh khiết như Cha vốn thánh khiết. Cũng nhờ đó, lòng yêu mến và biết ơn Đức Chúa Trời trong từng tín nhân thôi thúc họ sống cuộc đời tận hiến cho Ba Ngôi Thiên Thượng. Không chỉ yêu mến Đức Chúa Trời và yêu mến Đấng Christ, mà cũng yêu thương mọi người không phân biệt chủng tộc hoặc quốc tịch, đã được sinh ra bởi một Cha (1 Giăng 5:1).

Nhưng tại điểm này, ai đó cũng có thể phản đối: “Nghe sao mà quá dễ. Chính Kinh Thánh há chẳng trình bày nếp sống Cơ đốc như là cuộc tranh chiến, phải nỗ lực và chiến đấu sao?” Vâng, đúng vậy, và chúng ta sẽ xem xét điều này trong chương sau.



## 14

# SỰ THÁNH HÓA

## Làm Con Không Phải Làm Nô Lệ

Trong chương trước, chúng ta nghiên cứu sự thánh hóa bước đầu; bây giờ chúng ta phải xem xét Tân Ước ngụ ý gì trong sự thánh hóa tiệm tiến và sau cùng là thánh hóa sau cùng.

### THÁNH HÓA TIỆM TIẾN

Điều đầu tiên cần lưu ý ở đây, chính là sự kiện dễ hiểu: Kinh Thánh nhấn mạnh rằng trong khi con người được thánh hóa và trở thành thánh đồ chân chính ngay giây phút họ đặt niềm tin nơi Đấng Christ (như chúng ta đã thấy trong chương trước), họ vẫn cần không ngừng *“thanh tẩy chính mình khỏi mọi vết nhơ của thể xác và tâm linh, làm cho sự thánh hóa được trọn vẹn”* (2 Cô-rinh-tô 7:1). Cần lưu ý điều này giúp chúng ta tránh nhầm lẫn. Kinh Thánh có dạy rằng con người được xưng công chính bởi đức tin, chỉ nhờ ân sủng Đức Chúa Trời chứ không nhờ việc làm riêng hoặc trình độ thuộc linh dù là trước hoặc sau khi trở lại đạo (Rô-ma

3:19-28). Nhưng không có nghĩa, như nhiều người vẫn lầm tưởng, rằng khi đã nhờ ân sủng xưng công chính rồi, người được tự do sống cuộc đời tội lỗi. Hãy nghe lời phản đối kếp của Phao Lô: *"Vậy chúng ta sẽ nói làm sao? Chúng ta sẽ cứ tiếp tục sống trong tội lỗi để ân sủng Chúa được dư dật sao? Không hề như vậy!... Vậy thì sao? Có phải vì chúng ta không ở dưới luật pháp, nhưng ở dưới ân sủng, nên chúng ta cứ phạm tội không? Chẳng hề như vậy"* (Rô-ma 6:1-2,15).

Hơn nữa, Phao Lô đã làm sáng tỏ vấn đề không thể chối cãi được rằng, khi Đấng Christ đảm nhận cứu vớt chúng ta, Ngài không chỉ tha tội, mà còn nhất quyết làm cho chúng ta được thánh khiết hơn. Ông nhắc người mới trở lại đạo rằng, sự tin đạo chân thật (Ê-phê-sô 4:17-24), bao gồm việc đồng ý với Đấng Christ dứt khoát ngay từ đầu là *"phải lột bỏ người cũ,"* tức cách sống tội lỗi ngày trước, và *"mặc lấy người mới,"* tức nếp sống do chính Đức Chúa Trời chỉ định cho những người đã được giảng hòa với Ngài. Điều này có nghĩa là tích cực kiên trì "lột bỏ" và "mặc lấy" suốt quãng đời còn lại của mỗi người. Nói cách khác, người đã được xưng công chính chỉ bởi đức tin nhờ ân sủng Đức Chúa Trời, chứ không nhờ việc làm riêng, không tự chọn thánh hóa tiệm tiến. Theo Tân Ước, đây là việc làm bắt buộc. Thật vậy ai khước từ nhiệm vụ này thì không phải là tín nhân chân chính.

Nhưng đến đây cần lưu ý thế nào là đạt được sự thánh hóa tiệm tiến.

Căn bản, có hai cách đạt được điều này. Cả hai cách đều đòi hỏi hành động tích cực và sự kiên trì của chúng ta. Nhưng có một cách đúng và một cách sai. Một là cách của người nô lệ; không hiệu quả và dẫn tới chán nản thất vọng (xem Rô-ma 7:7-25).

Cách kia là cách của con trai sinh trong sự tự do của Đức Chúa Trời và dẫn vào mối thông công ngày càng sâu nhiệm



với Cha và vào cách gia tăng rập khuôn theo lối suy nghĩ cùng hành động của Ngài (xem Ma-thi-ơ 5:43-48). Ý này được tóm lược thật hay trong Rô-ma 8:13-17:

*Vì nếu anh em sống theo xác thịt thì phải chết; nhưng nếu anh em nhờ Thánh Linh làm cho chết công việc của thân thể thì anh em sẽ sống. Vì tất cả những ai được Thánh Linh của Đức Chúa Trời dẫn dắt đều là con của Đức Chúa Trời. Thật vậy anh em đã không nhận lấy tinh thần làm nô lệ để cứ sống trong sự sợ hãi, nhưng đã nhận lấy tinh thần làm con nuôi, và nhờ đó chúng ta gọi rằng A-ba! Cha. Chính Thánh Linh làm chúng với tâm linh chúng ta rằng chúng ta là con cái Đức Chúa Trời.*

Vấn đề của phương pháp sai lầm là thế này: vẫn thấy luật pháp Đức Chúa Trời là thánh khiết, công bình và tốt đẹp; những mạng lệnh đều hợp lý; và lợi ích từ việc làm trọn luật pháp là hoàn toàn đáng mong muốn (Rô-ma 7:12). Nhưng từ đó, kết luận ngay rằng, phương thức của Tân Ước cho sự thánh hóa tiệm tiến, chỉ đơn giản là: luật pháp Đức Chúa Trời như vậy; mười điều răn là như vậy; Bài Giảng trên Núi của Đấng Christ là như vậy; hãy tự quyết định, vận dụng ý chí, cố gắng hết sức làm theo, thì bạn sẽ trở nên ngày càng thánh khiết hơn.”

Tuy nhiên, quan điểm này bỏ qua ba sự kiện quan trọng:

1. Con người đã bị tội lỗi làm hư hại, yếu đuối, và bại hoại, khiến dù có cố gắng bao nhiêu, cũng không thể giữ đúng luật pháp của Đức Chúa Trời. Có thể họ ưa thích luật pháp Đức Chúa Trời, phục vụ luật pháp trong tư tưởng và quyết định với toàn lực của ý chí giữ theo luật pháp, như sứ đồ Phao Lô đã có lần thú nhận (Rô-ma 7:22, 25, 15, 18-19). Nhưng họ sẽ đồng ý với Phao Lô rằng không thể nào hoàn toàn thực hiện trong thực tế được. Thật ra, họ sẽ thấy tận nơi sâu thẳm trong chính mình, có một lực mạnh mẽ chống lại

việc giữ luật pháp Đức Chúa Trời, và hành động với quyết tâm của một chiến dịch quân sự nhằm duy trì quyền cai trị của tội lỗi (Rô-ma 7:23).

2. Trong hoàn cảnh này, luật pháp Đức Chúa Trời dù tốt đẹp đến đâu, cũng không thể giúp gì được. Như Kinh Thánh nói, luật pháp không thể giúp được do sự yếu đuối của thể xác (Rô-ma 8:3). Thực vậy, khi tâm trí con người cứ tập trung vào những khuynh hướng tội lỗi, thì lại càng tăng cường thêm cho khuynh hướng (Rô-ma 7:7-8); và cứ nhấn mạnh những thất bại không ngừng của con người, thì càng làm suy yếu sức chiến thắng mà thôi (Rô-ma 7:21-24).

3. Rồi còn vấn đề thứ ba mà chúng ta dễ quên. Luật pháp Đức Chúa Trời dạy chúng ta cách cư xử, nhưng không chỉ có thế. Luật pháp là mạng lịnh *kèm theo hình phạt khi thất bại* hoặc bất tuân; và hình phạt tối cao là bị Đức Chúa Trời khước từ. Con người chỉ cần thất bại một lần, thì dù sau đó có thành công bao nhiêu cũng không thể bù lại sự thất bại hoặc hủy bỏ được hình phạt. Trong một hệ thống không ngừng đòi hỏi sự toàn hảo, thì không có mức độ hoàn hảo nào có thể bù lại sự bất toàn được.

Nhằm giúp hiểu những hàm ý thực tiễn của vấn đề này, chúng ta hãy suy nghĩ về so sánh sau đây. Giả sử một viện điều dưỡng cho người mắc bệnh lao phổi tọa lạc trong một thung lũng xa. Ở đầu kia thung lũng là trạm điện hạt nhân và đã bắt đầu rò rỉ tia phóng xạ vô hình nhưng làm chết người. Chính quyền vì vậy khuyên bệnh nhân rời khỏi nơi đó để cứu mạng. Chẳng may lối thoát duy nhất là bốn đường đèo quanh núi cao tới 12.000 bộ; và chính quyền thông báo cho bệnh nhân biết chỉ khi rời khỏi toàn bộ vùng núi thì mới thoát khỏi ảnh hưởng phóng xạ.

Dĩ nhiên lời khuyên của chính quyền là hợp lý; bất kỳ ai có suy nghĩ, cũng muốn làm theo. Nhưng chính quyền lại

không thể hoặc chẳng làm gì để giúp bệnh nhân vượt qua được dãy núi: không trục thẳng, không xe buýt, thậm chí còn không có ngựa hoặc la. Họ phải cố gắng đi bộ thôi. Do sợ phóng xạ chết người, họ có thể anh dũng cố gắng thoát thân, nhưng căn bệnh làm chậm trễ bước tiến của họ và cuối cùng là rõ ràng họ không còn hi vọng vượt qua dãy núi trước khi gục ngã hoặc vì căn bệnh, hoặc do thiên nhiên, hoặc do ảnh hưởng phóng xạ.

Nhưng giả sử chính quyền bảo họ phải vượt qua bốn dãy núi trong vòng ba ngày. Bất kỳ ai chậm trễ sẽ phải lãnh tia phóng xạ tội tệt và sẽ gây nguy hiểm cho người khác. Họ sẽ bị bắn ngay khi xuất hiện. Do tình trạng suy yếu, họ thấy vượt hai dãy núi đã phải mất hơn ba ngày cho phép. Vậy thì họ cố gắng vượt thêm hai dãy nữa để làm gì, nếu cuối cùng, dù đã cố gắng, họ vẫn phải lãnh phạt tử hình?

Chúng ta biết rõ Đức Chúa Trời không hề cư xử như vậy; và dĩ nhiên là Ngài không như vậy! Cách Ngài đưa chúng ta tới sự thánh hóa tiệm tiến, không chỉ là ban luật pháp và truyền lệnh phải cố gắng hết sức tuân thủ. Nếu đúng vậy thì họ sẽ không kém phần khốn khổ, so với bệnh nhân lao. Cả tình yêu lẫn cách thực tế của Ngài thúc đẩy Ngài cung ứng một phương thức hoàn toàn khác.

Bước đầu tiên của Ngài nhằm phá vỡ sức mạnh của tội lỗi bóp nghẹt cuộc đời họ, là cất bỏ mãi mãi hình phạt vì không trọn vẹn giữ đúng luật pháp. *"Tội lỗi sẽ không cai trị anh em vì anh em không ở dưới luật pháp mà ở dưới ân sủng."* (Rô-ma 6:14). Bởi sự chết của Ngài, Đấng Christ đã trả món nợ đó thay cho họ một lần đủ cả (Rô-ma 6:6-11). Bây giờ, vì vậy họ được tự do. Nếu họ vẫn còn 'ở dưới luật pháp' và chịu trách nhiệm về hình phạt, thì một lỗi lầm, sa ngã hoặc tội lỗi cũng đủ lãnh hình phạt. Trong trường hợp đó, mọi cố gắng để tiến xa hơn trong sự thánh hóa, đều sẽ vô nghĩa. Tội lỗi vì vậy

đã thắng hơn và cản trở mọi nỗ lực thoát khỏi ách cai trị của nó.

Nhưng bây giờ thì vô nghĩa. Dù cố gắng, họ vẫn phạm tội và thất bại, thì họ có thể xưng tội với Đức Chúa Trời, và *“Ngài vốn thành tín công bình để tha tội cho họ và làm cho họ sạch mọi điều không công chính”* (1 Giăng 1:9). Và không còn hình phạt nào trong hiện tại hoặc tương lai, vì họ tự do đứng lên một lần nữa để chiến đấu trên con đường thánh hóa tiệm tiến.

Bước thứ hai Đức Chúa Trời đã thực hiện để phá vỡ quyền lực của tội lỗi là giúp sức, là công việc mà luật pháp không bao giờ làm được. *“Cũng vậy, thưa anh em của tôi, nhờ thân thể của Đấng Christ mà anh em đã chết về luật pháp và nay thuộc về một người khác, là Đấng đã sống lại từ cõi chết* (tức là Đấng Christ) *để nay chúng ta kết quả cho Đức Chúa Trời”* (Rô-ma 7:4). Chúng ta nhắc lại, không phải là vì luật pháp Đức Chúa Trời tồi tệ hoặc vì chúng ta có thể làm ngơ những đòi hỏi của luật pháp. Mục đích của Đức Chúa Trời là chúng ta phải làm trọn những đòi hỏi của luật pháp (Rô-ma 8:4). Nhưng tự thân luật pháp không thể cung ứng năng lực cho chúng ta làm được điều đó. Vì vậy, giải đáp của Tân Ước cho vấn đề này là, nói theo nghĩa bóng, có thể gọi là *“kết hôn với Đấng Christ,”* hoặc như phân đoạn nêu trên nói *“để anh em được kết hợp với Người Khác”* (xem thêm 1 Cô-rinh-tô 6:16-17).

Một phụ nữ có thể đọc vô số sách báo về sinh lý học và khao khát có con; nhưng sẽ chẳng hi vọng có con nếu không có chồng. Vì vậy Đấng Christ, từ cõi chết sống lại, trở thành người chồng thuộc linh, sống và yêu thương đối với những ai tin cậy Ngài, mang lại sự sống và quyền năng cần thiết để họ *“có thể kết quả cho Đức Chúa Trời”* dưới hình thức thánh khiết tiệm tiến.

Hiển nhiên là Tân Ước không quan niệm mối liên hệ này áp đảo nhân cách của tín nhân, như hôn nhân biến người nữ thành ra chỉ như cái máy. Tín nhân vẫn là một cá nhân có trách nhiệm. Chính người phải siêng năng tiến bộ trong sự thánh khiết (2 Phi-e-rơ 1:1-11), chính người phải sống để làm vui lòng và phục vụ Đức Chúa Trời. Nhưng đây không còn là việc chỉ đọc lời chỉ dẫn viết trong sách, hoặc trên tấm bảng đá như mười điều răn, rồi cố gắng làm theo. Nếu vậy thì phân đoạn sau đây sẽ gọi là “phục vụ theo cách cũ của văn tự”:

*Nhưng bây giờ chúng ta đã được thoát khỏi luật pháp, đã chết đối với điều đã giam cầm chúng ta, để chúng ta phục vụ theo cách mới của Thánh Linh, chứ không theo cách cũ của văn tự nữa (Rô-ma 7:6).*

Thánh Linh của Đức Chúa Trời, Đấng đã ghi luật pháp Đức Chúa Trời trong Kinh Thánh như sự bày tỏ bản tánh thánh khiết của Đức Chúa Trời, nay sống những luật pháp đó như một Thân vị trong và qua tín nhân. Ngài hành động bên trong tín nhân để đổi mới tâm trí tín nhân, thay đổi quan điểm, tái sắp xếp bậc thang giá trị, ban năng lực cho ý chí, tái điều hướng tham vọng, và phản đối những ham muốn sai lầm trong người. Ngài “*ước muốn* [gom sức mạnh chống trả] *trái với xác thịt... để anh em không thể làm được những điều mình muốn*” (xem Ga-la-ti 5:16-24).

Tuy nhiên, mối liên hệ này giữa tín nhân với Đấng Christ qua Thánh Linh, không phải là vấn đề cảm giác mơ hồ và khả tượng mù mịt, không thể hiểu và không diễn tả được. Đấng Christ sẽ không ngừng điều khiển tâm trí dân sự Ngài hướng về Lời Đức Chúa Trời. Tân Ước ký thuật rằng khi Ngài cầu xin với Cha về sự tiến bộ của môn đồ Ngài trong sự thánh hóa, Ngài nói: “*Xin lấy lễ thật thánh hóa họ: lời Cha chính là lễ thật*” (Giăng 17:17). Dĩ nhiên, tín nhân vẫn có khả năng lựa chọn

hoặc “*gieo cho xác thật, hoặc gieo cho Thánh Linh*” (xem Ga-la-ti 6:8). Nhưng trong sự lựa chọn này, người không còn bị điều khiển giống như tên nô lệ dưới lằn roi, do nỗi lo sợ hình phạt bởi luật pháp Đức Chúa Trời, mà được dẫn dắt bởi Thánh Linh là Đấng khiến người nhận biết bằng bản năng, mình là con của Cha, mang trong người tình yêu cùng sự sống và bản chất của Cha (Rô-ma 8:14-17). Và cũng giống như lực phát ra từ la bàn hồi chuyển, giúp duy trì phi cơ đúng đường bay, lời cầu thay của Thánh Linh Ngài cùng với ước muốn trong lòng tín nhân, giữ cho người đi theo hướng do Đức Chúa Trời hoạch định cho người, là hướng của sự kêu gọi cùng sự xưng công chính, dẫn tới mục tiêu chung cuộc làm vinh hiển danh Ngài (Rô-ma 8:26-30).

Kinh Thánh không hề giả mạo cho rằng bước tiến theo hướng này luôn luôn suôn sẻ. Khi con cái Đức Chúa Trời chệch khỏi hướng đi, và điều này chắc chắn, hoặc cản động lực gia tăng tiến bộ, thì Đức Chúa Trời là Cha, sẽ không ngần ngại kỷ luật người ấy. Và kỷ luật có thể đau đớn. Nhưng sẽ được Cha áp dụng bằng tình thương cùng sự khôn ngoan để tín nhân có thể dự phần tốt hơn, trong sự thánh khiết của Cha (Hê-bơ-rơ 12:1-13). Còn mục tiêu thì chắc chắn và an toàn. Ngay từ khởi đầu hướng đi, tín nhân được hứa chắc rằng sau khi được xưng công chính nhờ đức tin, người sẽ đạt tới vinh quang của Đức Chúa Trời (Rô-ma 5:1-2).

### **SỰ THÁNH HÓA SAU CÙNG**

Thỉnh thoảng một số người tự nghĩ ra ý kiến cho rằng Cơ Đốc nhân có thể hoàn hảo vô tội trong cuộc đời này. Kinh Thánh phủ nhận điều đó. Còn sống trên đời này bao lâu, tất cả chúng ta đều sẽ phải công nhận như Phao Lô:

*Không phải là tôi đã đoạt giải, hoặc trở nên hoàn hảo rồi, nhưng tôi đang theo đuổi để đoạt cho được điều mà Chúa Giê-xu Christ đã đoạt được rồi. (Phi-líp 3:12).*

Sự thánh hóa tín nhân sẽ hoàn tất khi Đấng Christ Tái Lâm. Lúc ấy, tín nhân sẽ giống như Đấng Christ về thuộc thể, đạo đức và tâm linh. Và Kinh Thánh cho chúng ta biết cách diễn ra như sau:

*Thưa các bạn thân mến, hiện bây giờ chúng ta là con cái Đức Chúa Trời, còn chúng ta sẽ như thế nào thì chưa được bày tỏ. Nhưng chúng ta biết rằng khi Ngài hiện đến, chúng ta sẽ giống như Ngài, vì chúng ta sẽ thấy Ngài như Ngài vốn có vậy. (1 Giăng 3:2).*





## 15

# PHÁN XÉT CHUNG CUỘC

## *Đòi Hỏi của Công Lý*

### **Ý THỨC CÔNG LÝ TRONG BẢN NĂNG CHÚNG TA**

Sự kiện rất thú vị, ấy là trẻ em, dù nhỏ tuổi, vẫn cảm nhận rất mạnh mẽ điều gì là công bình chính đáng, và điều gì là bất công. Trẻ sẽ la lên, “Bất công quá,” khi bị em mình giật lấy món đồ chơi, mà cha mẹ vẫn cứ để yên cho bé giữ lại để chơi. Một học sinh nói “Chẳng công bằng gì cả,” khi thầy giáo trách mắng và phạt em vì một việc mà thực sự là em không làm.

Có thể khi lớn lên, cường độ bất mãn đối với bất công bị cùn lụt, vì lý do đơn giản là do chúng ta đã chứng kiến quá nhiều cảnh bất công, khiến mình chai lì và hoài nghi. Dù vậy, chúng ta vẫn có thể cảm thấy bực tức chẳng hạn khi thấy ai đó giàu lên cách khó tin, nhờ bán tài sản công, rồi bỏ túi riêng. Có thể chúng ta cam chịu trước sự kiện mình không thể làm gì được; nhưng chúng ta vẫn phản đối: “Chẳng công

bằng chút nào”; và lời phản kháng của chúng ta dù nói hay không nói ra, kèm theo cảm nghĩ, phải có ai đó ra tay hành động: không thể để cho cảnh bất công tiếp diễn mãi; gian lận, dối trá, sát nhân, cùng mọi kẻ gây ra tội ác không thể lọt khỏi hình phạt.

Thế nhưng lịch sử, và kinh nghiệm gần đây của chúng ta, cho thấy chính xác, điều có vẻ đang diễn ra. Ngay cả chính quyền có trách nhiệm phạt tội phạm, lại vẫn thường mắc tội tham nhũng và đôi khi những tội ác ghê tởm. Cuối cùng cái chết có vẻ như xóa hết mọi sự, không phân biệt, kẻ tuân thủ luật pháp cũng như kẻ phạm luật, bậc thánh cũng như tội đồ. Liệu chúng ta có phải kết luận rằng tội ác cùng tội phạm, bất công nhỏ cũng như lớn, sẽ không bao giờ bị phạt; rằng ý thức đúng sai trong chúng ta chỉ là ảo giác nhạo báng, rằng hi vọng của chúng ta về công lý sẽ mãi mãi chỉ là vô ích, không?

Không! Theo Kinh Thánh, chính Đức Chúa Trời là tác giả của ý thức đúng sai trong chúng ta. Đấng Tạo Hóa đã viết luật pháp Ngài vào lòng chúng ta (Rô-ma 2:14-15); và lương tâm chính là máy kiểm tra bên trong, cảnh báo chúng ta chớ phạm luật, làm chúng khi chúng ta phạm luật, cho biết mình đang làm sai, và sau khi làm sai, khiến chúng ta ý thức mình có tội.

Tân Ước bảo đảm với chúng ta, một ngày kia, Đức Chúa Trời sẽ xác minh luật pháp Ngài. Đó sẽ là Ngày Phán Xét Chung Cuộc, là đề tài của chương này. Một từ khác cũng được dùng cho đề tài này là Sự ‘Chết Thứ Hai.’ Từ này chỉ về tình trạng vĩnh viễn chờ đợi những người bị kết án trong lần Phán Xét Chung Cuộc.

*Bấy giờ tôi thấy một ngai lớn màu trắng, với Đấng ngồi trên ngai, trước mặt Ngài đất trời đều trốn hết; không còn tìm thấy chỗ nào cho chúng. Tôi thấy những người chết,*

*cả lớn lẫn nhỏ đều đứng trước mặt Đức Chúa Trời; và các sách được mở ra; rồi một sách khác cũng được mở ra, đó là sách sự sống: những người chết bị phán xét tùy theo công việc họ làm, căn cứ trên những điều đã ghi trong các sách ấy. Biển giao lại những người chết trong đó; sự chết và âm phủ cũng giao lại những người chết mình giữ: mỗi người sẽ bị phán xét tùy theo công việc mình đã làm. Rồi sự chết và âm phủ bị ném xuống hồ lửa. Đó là sự chết thứ hai. Và người nào không được ghi tên vào sách sự sống, thì bị ném xuống hồ lửa (Khải Huyền 20:11-15).*

## **THỜI ĐIỂM DIỄN RA SỰ PHÁN XÉT CHUNG CUỘC**

Đối với từng cá nhân, sự phán xét diễn ra ngay sau khi chết: “*Đã định cho mọi người phải chết một lần rồi chịu phán xét*” (Hê-bơ-rơ 9:27). Nhưng nếu chúng ta hỏi, sau khi một người chết, thì bao lâu nữa mới diễn ra sự Phán Xét Chung Cuộc, câu trả lời là: sự Phán Xét Chung Cuộc diễn ra sau khi trời đất tan biến, nghĩa là ngay khi, hoặc sau khi tận thế.

Cũng dễ hiểu vì sao như vậy. Tội lỗi khi đã vi phạm, có thể gây ra một loạt phản ứng kéo dài sau khi người vi phạm đã qua đời. Thí dụ, một người cha qua cách đối xử khắc nghiệt và thiếu yêu thương, có thể gây tổn thương cho con trai về mặt tâm lý. Người con, lớn lên vì mang sẵn tâm lý khó hòa hợp, có thể cư xử gây tổn thương cho vợ, con, bà con và bạn cùng làm việc, khiến những người này cũng phản ứng lại theo cách đáng trách.

Giống như vậy, sự thiệt hại và bất công do những bạo chúa lừng danh đã làm trên hàng triệu người, không kết thúc, khi bạo chúa chết đi; mà lan rộng ra như những gợn sóng trên mặt hồ. Chỉ tới khi toàn bộ mạng lưới phức tạp của lịch sử nhân loại bị cắt khỏi khung cử trong ngày tận thế, lúc ấy mới có thể đánh giá đầy đủ và công minh, ý nghĩa đích thật của từng tội.

## TÍNH THẤU ĐÁO CỦA SỰ PHÁN XÉT

Phân đoạn Tân Ước trích dẫn trên, nói: *"các sách được mở ra...và người chết chịu phán xét căn cứ vào những điều được ghi trong sách."* Chúng ta chẳng cần phải cho rằng sách ghi chép của Đức Chúa Trời giống y hệt những sách chúng ta có trên đất: từ 'sách' ở đây là ẩn dụ. Nhưng nhắc chúng ta rằng Đức Chúa Trời có ghi hết mọi điều từng người suy nghĩ, nói ra, và hành động. Khả năng ghi chép như vậy của Đức Chúa Trời cũng không có vẻ gì là khó tin đối với chúng ta. Chính con người ngày nay còn có thể chế ra máy tính với vô số bộ nhớ có vẻ bất tận như vậy.

Tân Ước cũng nhắc chúng ta rằng sau khi chết, con người không chỉ tiếp tục hiện hữu, mà còn có khả năng nhớ lại cuộc sống quá khứ của mình, có lẽ còn chi tiết hơn là họ có thể nhớ trong cuộc đời này (Lu-ca 16:25). Đức Chúa Trời sẽ phán xét không chỉ việc làm bên ngoài, mà còn luôn cả những bí ẩn trong con người (Rô-ma 2:16). Giống như chúng ta có thể thu hình hành động vào 'video' rồi chiếu để hiện tại mình có thể thấy bản thân đã hành động và nói năng những gì nhiều năm về trước; Đức Chúa Trời cũng sẽ chiếu lại trước mắt mọi người, những tư tưởng thầm kín cùng hành động công khai từ nhiều năm hoặc thậm chí từ nhiều thế kỷ trước.

Vì vậy sự phán xét sẽ chính xác công bằng, vì từng cá nhân sẽ chịu phán xét, theo như phân đoạn nêu trên, tùy theo việc làm của từng người. Không ai sẽ bị phạt, hoặc được thưởng, vì việc làm của người khác.

Hơn nữa, Quan án (mà không ai khác hơn Chúa Giê-xu Christ chúng ta: xem Giăng 5:22, 27-29), sẽ xét trình độ hiểu biết đúng sai, từng người đã có hoặc không có. Chính Ngài nói như sau:

*Đầy tớ nào đã biết ý chủ mình mà không chuẩn bị sẵn sàng và không làm theo ý chủ, sẽ bị đòn nặng. Nhưng đầy tớ nào không biết ý chủ mà làm việc đáng phạt, sẽ bị đòn nhẹ (Lu-ca 12:47-48).*

Người man rợ rất có thể giết người do đã từng được nuôi dưỡng từ ấu thơ trong một bộ tộc thất học, dạy rằng giết chết được những thành viên thuộc bộ tộc kẻ bên, là việc làm tốt, và đáng khâm phục. Việc người làm, là có tội theo mắt Đức Chúa Trời; nhưng người sẽ không bị xét xử nghiêm khắc như vua ma túy trong đất nước văn minh, biết rất rõ giết người là tội lỗi, mà vẫn cố tình sát hại thành viên của nhóm địch thủ buôn ma túy.

Và Quan án còn có một nguyên tắc rành mạch nữa làm chỉ nam phán xét:

*Vi ai được ban cho nhiều, sẽ bị đòi lại nhiều; và ai được giao cho nhiều hơn, sẽ bị đòi hỏi nhiều hơn (Lu-ca 12:48).*

Người có bộ óc xuất sắc và sức khỏe tuyệt vời, sử dụng tài năng cách ích kỷ, chỉ nhằm tích lũy của cải, bất chấp nỗi khổ của người nghèo, và không cố gắng yêu thương người lân cận như mình, sẽ bị xét xử nghiêm khắc hơn người nghèo, không có tài năng, do thiếu thốn, không có khả năng giúp người lân cận (Lu-ca 16:19-31).

## **SỐ PHẠT CHUNG CỦA NGƯỜI KHÔNG ĂN NĂN & VÔ TÍN**

*Hình phạt* thi hành do đó, sẽ khác đối với từng cá nhân. Mặt khác, *số phạt* của mọi người không ăn năn và vô tín, sẽ giống nhau. Như được mô tả trong Khải Huyền 20:11-15 là 'sự chết thứ hai' và 'hồ lửa.'

**a) Sự Chết Thứ Hai:** Gọi là sự chết thứ hai, để phân biệt với cái chết thể xác khi chúng ta còn trên đất. Chết thể xác là

cánh cửa qua đó con người đi vào thế giới không thấy được (đối với chúng ta), gọi là Âm Phủ (trong Hi văn là 'Hades,' có nghĩa 'Không Thấy/Vô Hình'). Trong thế giới vô hình này, những tâm linh không ăn năn và vô tín, bị giam giữ, có thể nói như vậy, để chờ sự Phán Xét Chung Cuộc, giống như trên đất, một tội phạm, khi bị bắt, thì tạm giam cho tới lúc đưa ra tòa cho quan án xét xử (đối chiếu với Giu-đe 6).

Để chuẩn bị các tâm linh hầu tòa, Sự Phán Xét Chung Cuộc sẽ theo sau sự Sống Lại, và mọi tâm linh sẽ được ra khỏi nơi tạm giam để tái kết hợp với thể xác sống lại của họ. Điều này được đề cập trong Khải Huyền 20:13, *"Và biển giao lại những người chết trong đó; sự chết và Âm Phủ cũng cũng giao lại những người chết mình giữ."* Xác của những người chết đuối trên biển (hoặc người có tro rải trên biển) sẽ sống lại; tâm linh của họ được ra khỏi nơi tạm giam, sẽ tái kết hợp với thể xác. Dĩ nhiên đây là thí dụ về những người chết theo nhiều cách và chỗ khác nhau.

Còn những người bị kết án trong sự Phán xét Chung Cuộc thì sao? Họ có sẽ bị lãnh án phải chết thể xác một lần nữa không? Không. Chết thể xác, là cánh cửa qua đó họ đi từ thế giới hiện tại, sang thế giới vô hình, sẽ chẳng còn việc gì để làm ở đây. Cái chết đó sẽ nhường chỗ và được thay thế bằng một loại chết khác, mà phân đoạn chúng ta gọi là sự Chết Thứ Hai. Loại chết này sẽ như thế nào?

1. Đối với cá nhân, đây sẽ là tình trạng chết thuộc linh và đạo đức. Hãy xem lại điều chúng ta học qua trong chương trước. Tân Ước công bố rằng người chưa được tái sinh là đã chết, trong cuộc đời này, trí hiểu biết bị tăm tối, và xa cách với sự sống của Đức Chúa Trời, do sự cứng lòng. Mọi người bị chết thuộc linh, trí tuệ bị che khuất, tình cảm bị chai cứng (Ê-phê-sô 2:1-3; 4:17-19). Cuộc sống trên đất cho họ cơ hội ăn năn, hòa giải với Đức Chúa Trời, tái sinh thuộc linh, và cùng chia

sẽ sự sống của Đức Chúa Trời ngay trong hiện tại và cả đời sau. Nhưng nếu con người bỏ qua cơ hội, chết thuộc thể rồi đi vào thế giới vĩnh viễn, rồi bị kết án trong lần Phán Xét Chung Cuộc, thì sự Chết Thứ Hai sẽ ghim người đó muôn đời trong tình trạng xa cách với sự sống của Đức Chúa Trời. Sẽ không có sự hủy diệt hoàn toàn; nhưng sẽ là tình trạng bệnh hoạn tâm linh đời đời bất di dịch, không được Đức Chúa Trời thương xót gia giảm hoặc không có hi vọng cải thiện.

2. Nhưng không chỉ là chết thuộc linh đối với cá nhân mà còn đối với toàn xã hội trong đó cá nhân đang hiện hữu. Tội lỗi không chỉ là căn bệnh tâm linh mà cá nhân có thể khôn khổ hoàn toàn cách biệt với mọi tội nhân khác. Tội lỗi cũng lộ ra trong thái độ cùng ứng xử của cá nhân đối với người khác. Những người đã từng ganh tị, hoặc đố kỵ, hoặc tham lam, lừa gạt, tàn ác, kiêu căng, hoặc hiếu chiến, sẽ không bỗng chốc trở thành thánh nhân nhờ chết thuộc thể rồi trình diện trước tòa Phán Xét Chung Cuộc. Sự chết không phải là phép thần. Kinh Thánh mô tả thế giới tương lai không phải là chuyện thần tiên. Vậy hãy tưởng tượng cuộc sống sẽ ra sao trong một xã hội nung nấu bệnh hoạn đạo đức và tâm linh như thế, không được xoa dịu bởi ân sủng Đức Chúa Trời vốn có lần họ đã có thể nhận được, nhưng cuối cùng đã mãi mãi khước từ.

Tân Ước nêu rõ cuộc sống phước hạnh với Đức Chúa Trời cùng kẻ được chuộc trên thiên đàng (với nhiều điều khác) ngược hẳn với loại xã hội bên ngoài thiên đàng:

*Phước cho những người giặt áo mình để có quyền đến nơi cây sự sống và được vào thành (của thiên đàng) qua các cửa: lũ chó cùng những kẻ hành nghề ma thuật, những kẻ gian dâm, cùng giết người, và kẻ thờ thần tượng, cùng những kẻ ưa thích và nói lời dối trá (Khải Huyền 22:14-15).*

**b) Hồ Lửa:** Số phận của kẻ không ăn năn và vô tín cũng được mô tả là Hồ Lửa. Cho dù có giả định mấy từ này mang nghĩa bóng thay vì nghĩa đen, chúng ta cũng vẫn chắc chắn đây là một thực tại kinh khiếp bội phần hơn cách giải thích theo nghĩa đen của từ.

Trước hết, sẽ có đau đớn vì biết mình làm phật lòng Đức Chúa Trời (Rô-ma 2:4-6). Và thứ hai, đau đớn vì phải gánh chịu hậu quả cùng việc làm do thái độ và hành vi tội lỗi gây ra (Ga-la-ti 6:7-8). Và thứ ba, sẽ có thống khổ do hối hận, gia tăng gấp bội vì không muốn và không có khả năng ăn năn tội lỗi đã gây hối hận (Hê-bơ-rơ 6:4-8).

Lửa này sẽ không hủy diệt mọi người trong lửa, như lửa của trần gian theo nghĩa đen. Chúa Giê-xu mô tả lửa đó như sau: “...*hỏa ngục, nơi sâu bọ chẳng hề chết và lửa không hề tắt*” (Mác 9:47-48). Khi chẳng còn gì để cháy, lửa tự tắt; khi sâu bọ không còn gì để ăn, thì nó chết. Nhưng vì thái độ tội lỗi của kẻ hư mất sẽ không bao giờ thay đổi, nên nỗi đau đớn do làm phật ý Đức Chúa Trời mà họ tự gánh lấy, sẽ chẳng bao giờ suy giảm. Và những ký ức thêm mỗi cho lửa ân hận, sẽ chẳng bao giờ bị dập tắt.

Mặt khác, giống như muối ngăn thịt khỏi thối rữa, dường như lửa đời đời sẽ ngăn ngừa sự gia tăng thối nát thuộc linh và đạo đức giữa vòng kẻ hư mất (Mác 9:48-49). Như C.S. Lewis nói: “Đức Chúa Trời với lòng thương xót, đã kềm chế nỗi đau đớn nơi hỏa ngục. Nỗi khốn khổ này có thể dừng lại, trong sự thương xót của Ngài, Đức Chúa Trời đã tạo ra ranh giới Cõi Đời Đời và ra lệnh cho sóng ba đào không tiến xa thêm.” Tình trạng băng hoại đạo đức và thuộc linh của mỗi người sẽ không được phép gia tăng bất tận cho tới lúc đạt tỉ lệ vô hạn. Trong sự thương xót của Đức Chúa Trời, tình trạng này sẽ vẫn ở mức trong ngày Phán xét Chung Cuộc. “Lửa” sẽ kềm chế mọi phát triển xa hơn.



## 16

### PHÁN XÉT CHUNG CUỘC

#### *Tính Bao Dung và Nghiêm Khắc của Đức Chúa Trời*

Mỗi con người suy nghĩ đúng mức, đều vô cùng thỏa mãn, nếu không nói là vui sướng, với ý nghĩ công lý cuối cùng sẽ được thực hiện và kẻ sai phạm sẽ bị phạt. Một thi sĩ xưa, thời Thánh Kinh nói như sau:

*Hãy dùng đàn hạc... mà tôn ngợi Đức Giê-hô-va...  
nguyện các sông vỗ tay, núi đồi cùng nhau hát mừng  
trước mặt Đức Giê-hô-va, vì Ngài đến để phán xét thế  
gian: Ngài sẽ phán xét thế giới theo sự công chính, và xét  
xử mọi người theo lẽ công bằng (Thi Thiên 98:5-9).*

Ngay cả những người vô thần không tin sẽ có sự Phán Xét Chung Cuộc, cũng mong ước có. Chắc chắn họ không thể vui vì hàng triệu người từng khổ sở do bất công trong cuộc sống và chết cách bất công, theo thuyết của họ, sẽ chẳng bao giờ hưởng được công lý.

Thế nhưng có mặt khác của vấn đề. Dù mọi người đều ủng hộ công lý và suy luận đạo đức đồng ý rằng công lý phải được thực hiện, nhưng lòng người lại có những lý do riêng và chùn bước khi nghĩ có người sẽ phải lãnh hình phạt đời đời. Hình phạt có vẻ khắc khe và thiếu tương xứng không tưởng tượng được. Ngay chính bản năng con người cũng mong lòng thương xót phải thắng hơn công lý khắc khe; và nếu chúng ta còn cảm thấy như vậy, thì Đức Chúa Trời theo định nghĩa, há chẳng cảm thấy giống như vậy, bội phần hơn sao?

Rồi cũng còn một lý do nữa, khiến chúng ta chùn bước khi nghĩ tới sự Phán Xét Chung Cuộc. Đơn giản là như vậy. Mỗi người chúng ta đều nhận biết chính mình cũng phạm tội, và tội lỗi mình, không phải chỉ là tội của kẻ phạm pháp khét tiếng, cũng đáng bị hình phạt. Khi con người nhận ra điều này, họ có khuynh hướng nghĩ ra những cách phản đối nhằm chứng minh cho bản thân thấy không thể nào, và sẽ không hề có chuyện hình phạt đời đời.

Chúng ta hãy xem xét vài phản đối.

### **PHẢN ĐỐI 1:** **“Một Đức Chúa Trời yêu thương sẽ không bao giờ phạt ai.”**

**a) Trả Lời Thứ nhất:** Ngược lại mới là đúng. Chính xác là vì yêu thương, nên Đức Chúa Trời của tình yêu sẽ hình phạt tội lỗi. Nếu kẻ lén bán ma túy, đắm vào con gái bạn, khiến nó nghiện ma túy và hủy hoại bộ não của cháu, thì Đức Chúa Trời sẽ không bao giờ hành động như thể chuyện đó chẳng có gì quan trọng. Ngài yêu thương con gái bạn. Bất kỳ tội lỗi nào làm hại cô bé, cũng khiến Ngài nổi giận. Và nếu kẻ lén bán ma túy không hề ăn năn, Đức Chúa Trời sẽ không bao giờ quên tội ác anh ta, chính xác là vì tình yêu trường cửu của Ngài. Và điều đó có nghĩa là Ngài sẽ giận dữ đối với người lén bán ma túy đến muôn đời.

**b) Trả lời Thứ Hai:** Đức Chúa Trời thực sự là Đức Chúa Trời của tình yêu, và không ai nói cho chúng ta biết về tình yêu của Đức Chúa Trời và khiến chúng ta cảm nhận thực tế tình yêu đó, sâu sắc hơn Chúa Giê-xu Christ. Có lẽ biểu lộ lớn nhất và nổi tiếng nhất của tình yêu Đức Chúa Trời là: *“Vi Đức Chúa Trời yêu thương thế gian đến nỗi đã ban Con một của Ngài hầu cho hễ ai tin Con ấy, không bị hư mất mà được sự sống đời đời”* (Giăng 3:16). Thế nhưng trong câu này chúng ta cần lưu ý rằng tình yêu của Đức Chúa Trời được bày tỏ ở mức tội bậc qua việc Ngài đã làm, để cứu chúng ta khỏi bị hư mất. Ngài đã ban tặng phẩm lớn nhất trong mọi tặng phẩm có thể nghĩ ra, là chính bản chất của Ngài, tức chính Con Đức Chúa Trời. Và Ngài đã ban tặng phẩm này để những con người tội lỗi như chúng ta, có thể được tha thứ, và không bao giờ phải lãnh hình phạt vì tội lỗi mình. Nhưng cũng chính sự kiện Đức Chúa Trời đã phải tiến cực kỳ xa như vậy để cứu chúng ta khỏi hư mất, mới khắc ghi trong tâm trí chúng ta tính nghiêm trọng của việc con người phải bị hư mất.

Lời phán của Đấng Christ cũng gây ấn tượng như thế: *“Thật vậy, Ta bảo thật với các ngươi, ai nghe lời Ta và tin Đấng đã sai Ta thì được sự sống đời đời, và không bị phán xét, nhưng vượt khỏi sự chết mà vào sự sống”* (Giăng 5:24). Ở đây Ngài kêu gọi chúng ta tin cậy và phó thác để Ngài có thể tha bổng chúng ta khỏi bị lên án và cứu chúng ta khỏi sự chết đời đời.

Đương nhiên chúng ta sẽ hỏi Ngài có quyền gì mà nói như vậy, và Ngài dựa trên cơ sở nào để kêu gọi chúng ta. Câu trả lời là, trước tiên Ngài phán lời đó với tư cách là Quan Án trong ngày Phán xét Chung Cuộc: *“Vi Cha cũng không phán xét ai hết, nhưng giao trọn quyền phán xét cho con...Cha đã trao thẩm quyền thi hành sự phán xét cho Con, vì Con là Con Người”* (Giăng 5:22,27).

Và thứ hai, câu trả lời là Đấng sắp làm Quan Án trong ngày Phán Xét Chung Cuộc chính là Đấng đã mang nợ cùng hình phạt của Đức Chúa Trời trên thập tự giá, thay cho mọi người biết ăn năn tin nhận, để chính bản thân họ chẳng bao giờ phải mang nợ cùng hình phạt. Nhưng hệ quả không thể tránh của điều này là: nếu ai làm ngơ lời mời ăn năn và không tin nhận Đấng Christ, họ sẽ không tránh khỏi sự hư mất.

Vì vậy, tại điểm này, chúng ta phải nhìn lại phân đoạn mình đã nghiên cứu trong chương trước (Khải Huyền 20:12-15) và lưu ý chính xác yếu tố quan trọng quyết định một người có bị quăng vào Hồ Lửa hay không. Sau đây là mấy câu thích hợp:

*Và tôi thấy những người chết, cả lớn lẫn nhỏ đều đứng trước mặt Đức Chúa Trời; và các sách được mở ra: và một sách khác được mở ra, đó là sách sự sống: người chết bị phán xét tùy theo công việc họ làm, căn cứ trên những điều đã ghi trong các sách ấy...Người nào không được ghi tên vào sách sự sống thì bị ném xuống hồ lửa."*

Trước tiên hãy lưu ý điều không nói ở đây. Mấy câu này không nói nếu ai đó bị khám phá phạm nhiều tội rất xấu xa, thì bị quăng vào Hồ Lửa; cũng không nói, nếu ai đó bị khám phá chỉ phạm vài tội nhỏ và đã bù lại bằng nhiều việc thiện, thì không bị quăng vào Hồ Lửa. Không, theo phân đoạn này thì yếu tố quyết định là: *"Nếu ai không được ghi tên vào sách sự sống, người đó bị quăng vào Hồ Lửa"* (Khải Huyền 20:15).

*Sách sự sống* này là *sách sự sống của Chiên Con* (xem Khải Huyền 21:27), và trong sách ấy có ghi tên của những người đã ăn năn và đặt niềm tin nơi Chiên Con của Đức Chúa Trời. Và vì Ngài đã trả nợ tội cho họ, nên Tân Ước cho họ lời bảo đảm vinh quang này: *"Vậy bây giờ những ai ở trong Christ Giê-xu, sẽ không bị kết tội nữa...họ sẽ nhờ Ngài được cứu khỏi cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời"* (Rô-ma 8:1; 5:8-9). Và hơn thế nữa, mọi người tiếp nhận Đấng Christ làm Đấng Thay Thế và

Cứu Chúa, có thể ngay trong cuộc đời này biết tên của mình đã được ghi trong sách sự sống này. Sứ đồ Phao Lô và bạn của ông đã được ghi tên (Phi-líp 4:3); và chúng ta cũng được ghi tên.

Tuy nhiên, nếu con người khước từ Chúa Cứu Thế do Đức Chúa Trời cung ứng, như nhiều người đáng tiếc đã làm, thì tên của họ không được ghi vào sách sự sống của Chiên Con. Vậy thì làm sao Đức Chúa Trời có thể cứu họ? Họ đã tự chọn. Chắc chắn họ sẽ bị quăng vào Hồ Lửa và khổ khổ vì hình phạt cùng hậu quả tội lỗi của họ. Nhưng họ sẽ không đổ lỗi cho ai được, ngoại trừ chính mình. Chắc chắn họ sẽ không thể chỉ trích Đức Chúa Trời về điều này. Đức Chúa Trời là tổng thể mọi điều tốt lành. Theo định nghĩa, không thể có một thiên đàng nào cho những người khước từ Ngài. Đức Chúa Trời cũng chẳng có bốn phạm đạo đức phải cung ứng điều bất khả thi. Họ yêu thích tối tăm hơn ánh sáng, vì việc làm của họ là xấu xa (Giăng 3:19); và họ sẽ nhận được điều chính họ đã chọn.

Chúng ta cũng cần lưu ý một khía cạnh khác trong công lý của Đức Chúa Trời. Mọi người khước từ sự cứu rỗi của Đức Chúa Trời đều sẽ giống nhau ở điểm này, họ sẽ bị ném vào Hồ Lửa. Nhưng không phải mọi người sẽ lãnh cùng một mức hình phạt nghiêm khắc như nhau. Phân đoạn trên cho chúng ta biết họ sẽ chịu phán xét theo việc mình làm. Ngay cả nơi tòa án loài người, hai người có thể bị buộc tội và kết án ngồi tù vì tội ác giống nhau, thế nhưng lại lãnh bản án khác nhau do những trường hợp giảm khinh ở người này và không giảm ở người kia. Người phụ nữ thượng lưu do tự kiêu không thể tự hạ mình ăn năn và tin Chúa Cứu Thế, sẽ hư mất đời đời, nhưng sẽ không bị hình phạt cùng mức độ đớn đau như Hitler, chẳng hạn, với bàn tay vấy máu của hàng triệu người.

Hơn nữa, để thấy Đức Chúa Trời công bằng và bình đẳng trong mọi cách đối xử của Ngài, chúng ta hãy nhớ lại một khía cạnh khác trong sự phán xét của Ngài. Mọi người đặt niềm tin nơi Đấng Christ để được cứu, sẽ được cứu đời đời, nhờ đức tin chứ không nhờ việc làm của họ. Ngược lại, những người sống đẹp lòng Đức Chúa Trời kể từ lúc trở lại đạo, sẽ được thưởng về những việc lành của họ, trong khi những tín nhân thật, nhưng lại sống lơ là và sản sinh những việc làm kém phẩm chất, sẽ chịu thiệt thòi. Những việc làm không xứng đáng của họ sẽ bị thiêu đốt, dù chính bản thân họ sẽ được cứu, nhưng chỉ dường như qua lửa thô (1 Cô-rinh-tô 3:14-15).

### **PHẢN ĐỐI 2:**

**“Nhưng hàng triệu người trong những thế kỷ trước Đấng Christ, và hàng triệu người sau đó, chưa hề nghe về Giê-xu. Làm sao Đức Chúa Trời công bình lại lên án họ là không tin Chúa Giê-xu được?”**

Nhưng Ngài sẽ không lên án. Đức Chúa Trời sẽ không bao giờ lên án ai vì không tin điều mà họ chưa hề nghe (Giăng 15:22-24). Nhưng trong lòng mọi người đều biết có một Đức Chúa Trời. Vũ trụ có dư thừa chứng cứ về sự hiện hữu của Ngài. Trong lương tâm, mọi người đều biết mình đã phạm tội với Đức Chúa Trời (Rô-ma 1:18-2:16). Những người xưng tội và phó mình cho lòng thương xót của Đức Chúa Trời, sẽ được tha thứ. Sự chết và hi sinh của Chúa Giê-xu trên thập tự giá, làm cho việc Đức Chúa Trời tha tội họ, là hoàn toàn công bình, cho dù họ chưa hề nghe về Chúa Giê-xu (Rô-ma 3:25). Vì vậy con người sẽ bị phán xét về cách đáp ứng với ánh sáng họ đã có, không phải với ánh sáng họ chưa bao giờ có.

Nhưng mọi người đọc bài viết này đều đã nghe về Chúa Giê-xu, và họ cần để cho Ngài cảnh báo họ rằng trong ngày Phán Xét Chung Cuộc, mỗi người sẽ bị thận trọng đánh giá đã có

ánh sáng nào, và đã có cơ hội nào để biết và tin lẽ thật. Theo Đấng Christ, những người có được ánh sáng nhiều nhất là những người cần phải có đáp ứng đúng mức. Nhiều người có tôn giáo và văn hóa trong số người cùng thời với Đấng Christ, lại không sẵn sàng ăn năn và tin nhận như dân Ngoại (Lu-ca 11:29-32).

### **PHẢN ĐỐI 3:**

**“Đức Chúa Trời sẽ bắt công, khi phạt ai đó suốt cõi đời đời, vì những tội lỗi dù lớn cỡ nào, mà họ đã phạm suốt cuộc đời ngắn ngủi chỉ bảy mươi năm hoặc trong khoảng đó.”**

Nhưng phản đối này dựa trên sự hiểu lầm về hai điểm:

1. Phản đối này cho rằng những người khước từ Đức Chúa Trời và Đấng Christ, đã phạm tội trong cuộc đời này, sẽ không còn phạm tội và không mắc tội nữa, trong cuộc đời sau. Điều này không đúng.
2. Phản đối này cho rằng sau khi đã không ăn năn trong cuộc đời này, họ sẽ ăn năn và tin Chúa Cứu Thế trong cuộc đời sau. Nhưng điều đó cũng không đúng. Những người khước từ Chúa Cứu Thế và khinh thường Đức Chúa Trời trong cuộc đời này, sẽ tiếp tục khước từ Chúa Cứu Thế và xem thường Đức Chúa Trời trong cõi đời sau. Họ phạm tội đời đời (Mác 3:29). Người nhà giàu trong câu chuyện Chúa kể (Lu-ca 16:19-31) thấy mình bị ngăn cách với Đức Chúa Trời sau khi chết, và bị dằn vặt, chứng tỏ hối hận và đớn đau, nhưng không hề ăn năn thật.

### **PHẢN ĐỐI 4:**

**“Nếu tất cả đều đúng như vậy, thì một Đức Chúa Trời yêu thương sẽ buộc mọi người phải ăn năn tin nhận cho dù họ không muốn.”**

Không, Ngài sẽ không làm như vậy. Một trong những điều phân biệt con người với loài thú và cỏ cây, ấy là con người có

ý chí tự do. Con người là một hữu thể đạo đức và thiêng liêng, được tạo dựng theo hình ảnh Đức Chúa Trời, với sức mạnh đáng kính sợ, biết tự chọn yêu thương và vâng phục Đấng Sáng tạo ra mình hoặc khước từ Ngài. Đức Chúa Trời sẽ không cất bỏ ý chí tự do khỏi con người, cho dù với mục đích cứu người. Vì nếu Ngài làm như vậy thì đối tượng được cứu không còn là con người nữa, mà là con vật, cây cỏ, hoặc chỉ là cái máy. Ngoài ra, Đức Chúa Trời không hề độc tài. Con người có thể khước từ và chống đối Ngài mà vẫn hiện hữu muôn đời.

### **PHẢN ĐỐI 5:**

**“Tập trung tâm trí con người vào điều sẽ xảy ra cho họ sau cái chết, khiến họ phân tâm và nản chí, không tận dụng hết được cuộc sống trên đất.”**

Ngược lại mới là đúng. Niềm tin vào thiên đàng và hỏa ngục, mang lại ý nghĩa bất tận cho từng ý tưởng, thái độ cùng hành động được chúng ta đầu tư vào cuộc sống trên đất. Chính vì không tin vào thiên đàng cùng hỏa ngục, khiến chúng ta xem thường và hạ thấp những giá trị tâm linh và đạo đức trong con người.

### **PHẢN ĐỐI 6:**

**“Chỉ có quái vật vô nhân vô cảm mới tin và giảng về hỏa ngục muôn kiếp.”**

Nhưng chính Chúa Giê-xu Christ là Đấng, hơn bất kỳ người nào, dạy chúng ta rằng Đức Chúa Trời là tình yêu, Ngài rơi lệ khi cảnh báo chúng ta về thực tại hỏa ngục. Ngài nói về đê tài này nhiều hơn bất kỳ người nào khác trong toàn bộ Thánh Kinh. Ngài là Đấng đã chết để cứu chúng ta khỏi hỏa ngục, vẫn cảnh báo chúng ta rằng Ngài không chết cách không cần thiết; và Ngài xót xa kẻ không ăn năn ngày nay giống như Ngài đã có lần xót xa Giê-ru-sa-lem: “*Hỡi Giê-ru-*



*sa-lem, Giê-ru-sa-lem, người giết các nhà tiên tri và ném đá những người được sai đến với người, đã bao lần Ta muốn tụ họp con cái người như gà mẹ túc con mình lại để ấp ủ dưới cánh mà các người không muốn!” (Lu-ca 13:34).*

Qua lời thở than này của Đấng Christ, chúng ta nghe được nhện đập tim của Đức Chúa Trời Đấng Tạo Hóa chúng ta:

*“Chúa Giê-hô-va phán: Ta chẳng vui chút nào về sự chết của bất cứ ai. Hãy ăn năn để được sống!” (Ê-xê-chi-ên 18:32).*

Vì vậy chúng ta sẽ khôn ngoan khi theo gương vô số triệu người xuyên suốt bao thế kỷ qua, đã *“quay về với Đức Chúa Trời, từ bỏ thần tượng, để phục vụ Đức Chúa Trời hằng sống và chân thật, và để chờ đợi Con Ngài từ trời là Chúa Giê-xu mà Ngài đã khiến sống lại từ cõi chết, là Đấng giải cứu chúng ta khỏi cơn thịnh nộ sắp đến” (1 Tê-sa-lô-ni-ca 1:9-10).*



## 17

# SỰ CỨU RỖI

## *Thuật Ngữ Bao Quát Rộng Lớn*

Khái niệm về sự cứu rỗi là trọng tâm của Tân Ước; và lý do thật hiển nhiên. Khi Đấng Christ sắp được sinh ra, thì Giô-sép, là hôn phu của Ma-ri được chỉ thị đặt tên Ngài là 'Giê-xu,' một dạng trong Hi văn tương ứng với tên gọi trong tiếng Hê-bơ-rơ có nghĩa "Yahweh cứu." Danh xưng này được đặt cho Ngài, cho nên một thiên sứ nói: "*vì chính người sẽ cứu dân mình ra khỏi tội*" (Ma-thi-ơ 1:20-21). Bởi đó, cứu rỗi chính là mục đích khiến Đấng Christ giáng thế: "*Con Người đã đến để tìm và cứu kẻ bị hư mất*" (Lu-ca 19:10; xem thêm Giăng 3:17; 1 Ti-mô-thê 1:15).

Vì vậy cũng dễ hiểu, các từ *sự cứu rỗi*, *Đấng Cứu Thế*, *cứu vớt* xuất hiện rất thường xuyên trong Tân Ước. Hơn nữa, 'sự cứu rỗi' là một thuật ngữ rất bao quát, rộng lớn. Thuật ngữ này bao gồm nhiều thuật ngữ khác, như xưng công chính, giá chuộc, tái sanh, sự sống đời đời, v.v. mà chúng ta đã nghiên cứu; vì mỗi thuật ngữ định nghĩa một khía cạnh của sự cứu

rỗi. Hơn nữa, khái niệm cứu rỗi thường xuất hiện trong những ngữ cảnh mà chính từ này không được sử dụng rõ ràng. Trong bối cảnh này, nghiên cứu từ 'cứu rỗi' sẽ giúp chúng ta ôn lại phần thảo luận của chúng ta trong sách này.

## HÀM Ý RỘNG LỚN CỦA THUẬT NGỮ

Động từ 'cứu rỗi' (*sozo*) trong Hi văn mang vài hàm ý. Có thể dùng cho việc cứu vớt ai đó khỏi hiểm nguy, hoặc giải cứu một người khỏi bệnh tật, tức là 'chữa lành.' Trong các Sách Phúc âm, chúng ta thấy Chúa Giê-xu cứu người theo những nghĩa khác nhau như vậy. Đáp lời yêu cầu "*Lạy Chúa, xin cứu tôi*" của Phi-e-rơ, Đấng Christ cứu ông khỏi bị chết đuối (Ma-thi-ơ 14:30-31). Ngài chữa lành người phụ nữ mắc chứng bệnh lâu năm, và nói: "*Hỡi con gái ta, đức tin con đã cứu con; hãy đi bình an*" (Lu-ca 8:48). Ngài hứa chắc với một ông có con gái duy nhất vừa mới qua đời: "*Chỉ cần tin thì con của người sẽ được cứu sống*," rồi Ngài ra đi tới nhà ông ta và cứu sống đứa con gái (Lu-ca 8:49-56).

Tuy nhiên, chỗ khác, Đấng Christ dùng từ 'cứu' theo nghĩa đạo đức và thuộc linh. Thí dụ, Ngài phán với người phụ nữ tội lỗi nhưng đã ăn năn: "*Tội lỗi con đã được tha... đức tin con đã cứu con, hãy đi bình an*" (Lôc 7:48,50). Những từ 'cứu' và 'cứu rỗi' được dùng thường xuyên nhất trong Tân Ước theo nghĩa này, và nhiều hành động chữa lành cùng giải cứu thể xác do Đấng Christ thực hiện, cũng dùng làm minh họa cho sự cứu rỗi ở mức thuộc linh.

Trong Giăng 9, khi Chúa chúng ta mở mắt cho kẻ mù từ thuở sinh ra, Đấng Christ dùng sự cứu rỗi thuộc thể để minh họa khả năng ban thị lực tâm linh cho kẻ mù tâm linh: "*Chúa Giê-xu phán, "Ta đến thế gian này để phán xét, khiến cho người mù được thấy, còn kẻ thấy lại hóa mù."*" (Giăng 9:39). Chủ yếu (không phải chỉ) chúng ta sẽ tập chú phần còn lại của chương này vào sự cứu rỗi ở khía cạnh đạo đức và thuộc linh.

Vì đây là thuật ngữ bao quát để cập việc Đức Chúa Trời đã làm, đang làm, và sẽ làm cho tín nhân, nên có liên quan với ba thì: quá khứ, hiện tại, và tương lai.

## SỰ CỨU RỖI TRONG QUÁ KHỨ

Theo Tân Ước, Đức Chúa Trời muốn mọi người đều được cứu, và nhằm mục đích đó, Đấng Christ đã hiến mình làm giá chuộc mọi người (1 Ti-mô-thê 2:3-6). Vì thế, tin vui là, sự cứu rỗi sẵn dành cho mọi người, tuy chỉ trở thành hiệu quả khi tin nhận. Tuy nhiên, khi tin, con người có thể nói thật đúng rằng sự cứu rỗi của mình hiện đang diễn ra. Người ấy không cần phải nói thật dè dặt: 'Tôi hi vọng cuối cùng mình được cứu.' Người ấy có thể nói đúng trong thì quá khứ: 'Tôi đã được cứu.' Nói với tín nhân, Tân Ước bảo: "*Nhờ ân sung mà anh em được cứu*" (Ê-phê-sô 2:5). Không có nghĩa là tín nhân đã kinh nghiệm *toàn bộ* sự cứu rỗi, bởi lẽ vài giai đoạn cứu rỗi vẫn còn trong tương lai. Nhưng vẫn đúng là một số giai đoạn cứu rỗi đã có hiệu lực và được hoàn tất ngay giây phút người đó thực sự và riêng tư cam kết theo Đấng Christ.

Có thể kể trong các giai đoạn này:

**1. Sự tha thứ:** Trong trường hợp người phụ nữ tội lỗi nêu trên, Đấng Christ dùng thì quá khứ ba lần: "*Tội lỗi của bà này nhiều lắm và đã được tha hết...Tội lỗi người đã được tha...Đức tin người đã cứu người*" (Lu-ca 7:47, 48,50). Tương tự như vậy, Sứ đồ Giăng nói: "*Hỡi các con bé nhỏ, Ta viết cho các con vì tội các con đã nhờ danh Ngài mà được tha thứ*" (1 Giăng 2:12); và Sứ đồ Phao Lô viết: "*Ngài (Đức Chúa Trời) ... đã tha thứ mọi tội lỗi chúng ta*" (Cô-lô-se 2:13).

Vài ẩn dụ được dùng trong Thánh Kinh để ghi khắc trong chúng ta sự tha thứ toàn vẹn. Đức Chúa Trời đã đặt tội lỗi chúng ta -

## Khái Niệm Nền Tảng Thánh Kinh

---

a) khuất mặt Ngài: *“Chúa đã ném mọi tội lỗi tôi ra sau lưng Ngài”* (Ê-sai 38:17);

b) xa tầm với: *“Phương đông xa cách phương tây bao nhiêu, thì Ngài cũng cất sự vi phạm chúng ta cách xa chúng ta bấy nhiêu”* (Thi Thiên 103:12);

c) ngoài tầm hiện hữu: *“Chính Ta là Đấng xóa các sự vi phạm của con”* (Ê-sai 43:25);

d) ngoài trí nhớ: *“Ta...sẽ không nhớ đến tội lỗi chúng nữa”* (Giê-rê-mi 31:34);

e) ngoài khả năng hồi phục: *“Ai là Đức Chúa Trời giống như Ngài tha thứ tội lỗi...Ngài sẽ giày đạp tội lỗi chúng tôi dưới chân Ngài và ném tất cả sự gian ác chúng tôi xuống đáy biển”* (Mi-chê 7:18-19).

### **2. Tái sinh và Sự Sống Thuộc linh Mới (xem Chương 7):**

a) *“Không phải bởi việc công chính chúng ta đã làm, nhưng bởi lòng thương xót của Ngài, qua việc thanh tẩy của sự tái sinh và đổi mới của Thánh Linh”* (Tít 3:5).

b) *“Nhưng Đức Chúa Trời...ngay khi chúng ta đã chết vì những vi phạm, thì Ngài khiến chúng ta cùng sống với Đấng Christ...vì nhờ ân sủng bởi đức tin mà anh em được cứu, điều này không đến từ anh em mà là tặng phẩm của Đức Chúa Trời, cũng không do việc làm của anh em để không ai có thể tự hào”* (Ê-phê-sô 2:4-9).

### **3. Giảng hòa với Đức Chúa Trời (xem Chương 4):**

*“Không những thế, chúng ta lại còn vui mừng trong Đức Chúa Trời bởi Chúa chúng ta là Giê-xu Christ, nhờ Ngài mà bây giờ chúng ta nhận được sự giảng hòa”* (Rô-ma 5:11).

## SỰ CỨU RỖI TRONG THÌ HIỆN TẠI

Sự cứu rỗi không chỉ liên quan với quá khứ của con người, mà cũng ảnh hưởng hiện tại của người ấy. Một thí dụ điển hình là trường hợp Xa-chê (đọc câu chuyện trong Lu-ca 19:1-10). Khi sự cứu rỗi vào nhà Xa-chê, không chỉ mang theo sự tha thứ quá khứ, mà còn thay đổi triệt để lối sống của ông trong hiện tại. Sự cứu rỗi bắt đầu khuấy động lương tâm xã hội trong ông. Đối với những người từng bị ông tống tiền thuê cao hơn qui định, bây giờ ông sẵn sàng bồi thường gấp tư. Hơn thế nữa, ông không còn hài lòng với việc chỉ lo kiếm nhiều tiền cho bản thân, dù là hợp pháp, trong khi nhiều đồng bào mình lâm cảnh nghèo đói: ông nói, *"Tôi lấy phân nửa tài sản tôi mà chia cho kẻ nghèo."*

Quan tâm kẻ nghèo, người bệnh, và người khuyết tật, luôn luôn là đặc điểm của Cơ Đốc giáo trung thực. Thật vậy những người được cứu bởi phúc âm của Đấng Christ, có nghĩa vụ lương tâm phải cư xử trong mọi mối liên hệ của cuộc sống, theo cách *"làm rạng rỡ cho đạo lý của Đức Chúa Trời Cứu Chúa chúng ta trong mọi lãnh vực"*; nghĩa là phải chứng tỏ nét đẹp của phúc âm bằng cách cho thấy ảnh hưởng thực tiễn của phúc âm trong cách sống của mình (Tit 2:10-14).

Còn một lãnh vực khác mà sự cứu rỗi phải điều khiển cách Cơ Đốc nhân sử dụng cuộc đời mình. Đấng Christ phán như sau: *"Ai muốn cứu linh hồn mình thì sẽ mất, còn ai vì Ta và phúc âm mà mất linh hồn, thì sẽ được cứu linh hồn mình"* (Mác 8:35). Chúng ta sẽ hiểu lời này theo từ Hi văn được dịch là 'linh hồn' ở đây, có ý nghĩa rất rộng. Có thể chỉ về sự sống thể xác (như trong Ma-thi-ơ 2:20): *"Những kẻ tìm giết con trẻ ấy đã chết rồi."* Cũng có thể chỉ về sự sống bên trong, tức mọi yếu tố tạo nên sự sống không chỉ là sự hiện hữu, như tình yêu, năng lực, trí tuệ, tình cảm, khả năng, ham muốn, tham vọng

(như trong 3 Giăng 2): *“Tôi cầu nguyện cho ...anh em được thịnh vượng và khỏe mạnh phần xác cũng như được thịnh vượng về phần hồn.”* Trong câu nói của Chúa chúng ta (Mác 8:35), có hàm cả hai ý, như chúng ta sẽ thấy ở đây.

Nhưng làm sao có thể cứu được mạng sống hoặc linh hồn, bằng cách đánh mất? Nghe có vẻ như mâu thuẫn. Thật ra cũng hiểu được, nếu chúng ta nhớ rằng thế giới hiện tại không phải là duy nhất: còn một thế giới khác, tức là vương quốc sắp tới của Đức Chúa Trời. Đây chính là bối cảnh Đấng Christ dạy bài học này: *“Ai hổ thẹn về Ta và lời Ta giữa thế hệ tội lỗi và gian dân này, thì Con Người cũng sẽ hổ thẹn về người ấy khi Ngài cùng với các thiên sứ thánh ngự đến trong vinh quang của Cha Ngài”* (Mác 8:38).

Đấng Christ vừa mới báo trước rằng chính quyền tại Giê-ru-sa-lem sẽ giết Ngài. Phi-e-rơ thấy trước rằng nếu chuyện này xảy ra, có thể họ cũng sẽ tử hình ông, cho nên ông đã tìm cách thuyết phục Đấng Christ tránh né cái chết. Nhưng Đấng Christ sẽ không thỏa hiệp sứ mạng của Ngài để tìm cách cứu mạng mình. Ngài cảnh cáo Phi-e-rơ không được tìm cách cứu lấy sự sống mình trong cuộc đời này bằng cách chối Chúa; nếu làm như vậy, ông sẽ mất sự sống trong cuộc đời sau. Chúng ta biết, cuối cùng Phi-e-rơ đã mất can đảm và chối Chúa. Nhưng đó chỉ là khoảng ngắn tạm thời và Đấng Christ đã cầu thay cho ông được hồi phục (Lu-ca 22:31-34).

Nhưng đây vẫn là bài học cho tất cả chúng ta. Đừng rằng chúng ta không tự kiểm tra sự cứu rỗi bằng cách tuận đạo vì cơ Đấng Christ. Sự cứu rỗi là tặng phẩm miễn phí. Nhưng chúng ta không thể có được tặng phẩm cứu rỗi mà không cần Chúa Cứu Thế. Kinh Thánh chép: *“Vì qua Đấng Christ anh em được ban ơn không phải chỉ để tin Ngài mà thôi, nhưng còn được chịu khổ vì Ngài nữa”* (Phi-líp 1:29). Vậy thì, giả sử chúng ta gặp trường hợp phải lựa chọn: hoặc phủ nhận và chối



Chúa để tự cứu mạng trong cuộc đời này, hoặc giữ vững đức tin nơi Đấng Christ, trung thành với Ngài, để mất mạng trong cuộc đời này. Nếu vậy, chúng ta phải sẵn sàng bỏ sự sống trong cuộc đời này, tin chắc chúng ta sẽ cứu được sự sống mình trong cuộc đời sau; còn nếu chúng ta cứu sự sống mình trong cuộc đời này bằng cách chối Chúa, chúng ta sẽ mất sự sống trong cuộc đời sau.

Hơn nữa, cuộc sống trên đời này không phải là điều chúng ta có thể cho vào hộp để cất giữ. Có sự sống thì phải sống: năng lực, thời gian, tham vọng, tình yêu, khả năng phải được sử dụng cho người khác hoặc cho công việc và dự án. Vấn đề là: chúng ta sẽ sử dụng vào điều gì?

Tín nhân được kêu gọi phải hết lòng làm mọi việc như làm cho Chúa (Cô-lô-se 3:23) và tận hiến thời gian cùng sức lực vào việc phát triển phúc âm của Đấng Christ. Nếu quyết định sống theo cách này, sớm muộn gì người ấy sẽ thấy mình gặp những hoàn cảnh đòi hỏi sự hi sinh và từ bỏ chính mình. Đối với người sống theo thế gian, thì tín nhân có vẻ như sống hoang phí và vứt bỏ cuộc đời mình. Nhưng thực sự là mọi điều tín nhân làm cho Đấng Christ hoặc sử dụng cho Đấng Christ cùng lợi ích của Ngài, sẽ mang ý nghĩa đời đời và trường cửu. Kết quả những việc làm đó còn đến muôn đời (Giăng 12:25).

Nếu ngược lại, tín nhân không sẵn sàng sống cho Đấng Christ, sử dụng thời gian, sức lực, tình yêu, khả năng cách ích kỷ cho bản thân mình và chỉ cho sự việc không đáng giá của đời này, thì trong vương quốc đời đời của Đức Chúa Trời, mọi điều người đã làm cho trần gian thế tục này, sẽ vĩnh viễn mất hết. Và trong ngày Đấng Christ Tái Lâm để xem xét công việc của người, mọi việc người làm sẽ bị thiêu rụi và người mất hết mọi thứ, tuy chính bản thân sẽ được cứu (1 Cô-rinh-tô 3:10-15).

## SỰ CỨU RỐI TRONG THÌ TƯƠNG LAI

Dù tín nhân có thể tin tưởng nói: “Tôi đã được cứu,” nhưng những phần quan trọng trong sự cứu rỗi người, vẫn còn trong tương lai. Vì vậy tín nhân đang hi vọng về những phần đó. Không phải vì chưa chắc chắn, mà vì chưa có trong hiện tại.

Tín nhân có thể tự tin nói chính xác về bản thân và khiêm cung khẳng định: “Tôi sẽ được cứu.” Các khía cạnh cứu rỗi tương lai bao gồm:

**1. Được cứu khỏi cơn Thịnh Nộ của Đức Chúa Trời:** *“Bây giờ chúng ta đã nhờ huyết Ngài được xưng công chính rồi, thì hẳn chúng ta sẽ càng nhờ Ngài mà được cứu khỏi cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời càng hơn”* (Rô-ma 5:9; xem thêm 1 Tê-sa-lô-ni-ca 5:9-10).

**2. Sự cứu chuộc Thân Thể chúng ta:** Điều này cũng sẽ diễn ra khi Đấng Christ Tái Lâm.

a) *“Nhưng chúng ta là công dân trên trời. Từ nơi ấy chúng ta trông đợi Cứu Chúa, là Chúa Giê-xu Christ, Đấng dùng quyền năng khiến muôn vạn qui phục Ngài, sẽ biến hóa thân thể thấp hèn của chúng ta trở nên giống như thân thể vinh quang của Ngài.”* (Phi-líp 3:20-21).

b) *“Không những muôn vật mà cả chúng ta là những người có Thánh Linh là trái đầu mùa, cũng than thở trong lòng đang khi mong đợi được làm con nuôi, là sự cứu chuộc thân thể chúng ta. Trong niềm hi vọng đó, chúng ta được cứu. Nhưng khi đã thấy được điều mình hi vọng rồi, thì không còn là hi vọng nữa. Vì ai lại hi vọng vào điều mình đã thấy? Nhưng nếu đặt hi vọng vào điều mình không thấy thì chúng ta cứ kiên nhẫn chờ mong điều đó”* (Rô-ma 8:23-25).

### **3. Sự thánh hóa sau cùng của Cơ Đốc nhân (xem Chương 14):**

a) *“Chúc tụng Đức Chúa Trời, Cha của Chúa chúng ta là Chúa Giê-xu Christ! Bởi lòng thương xót dư dật của Ngài, chúng ta được tái sinh để có một hi vọng sống, nhờ sự sống lại từ cõi chết của Chúa Giê-xu Christ, và hưởng một cơ nghiệp không hư hoại, không hoen ố, không suy tàn—để dành trên trời cho anh em”* (xem 1 Phi-e-rơ 1:3-5).

b) *“Khi Đấng Christ là sự sống của anh em hiện ra, lúc ấy anh em cũng sẽ hiện ra với Ngài trong vinh quang”* (Cô-lô-se 3:4).

### **4. Sự Bước vào Thiên đàng của Cơ Đốc nhân:**

Tín nhân bước vào thiên đàng có thể bằng một trong hai cách. Những người chết trước khi Chúa trở lại, được mô tả *“rời bỏ thân thể, để được ở với Chúa”* (2 Cô-rinh-tô 5:8) dù thể xác họ chưa được sống lại. Sau đó khi Chúa trở lại, thân xác đã chết của những tín nhân đó sẽ sống lại, còn thân xác của tín nhân đang còn sống, sẽ được biến hóa, và tất cả sẽ cùng được cất lên không trung để gặp Chúa (1 Tê-sa-lô-ni-ca 4:13-18)

*“Này, tôi tỏ cho anh em một sự mầu nhiệm: Chúng ta sẽ không ngủ hết, nhưng tất cả sẽ được biến hóa—trong khoảnh khắc, trong nháy mắt, vào lúc tiếng kèn cuối cùng. Vì kèn sẽ thổi, người chết sẽ sống lại, không còn hư nát nữa, và chúng ta sẽ được biến hóa...khi bản chất hay hư nát này được mặc lấy bản chất không hay hư nát, và bản chất hay chết được mặc lấy bản chất không hay chết, thì lúc ấy sẽ ứng nghiệm lời đã chép: ‘Sự chết đã bị chiến thắng nuốt mất’”* (1 Cô-rinh-tô 15:51-52, 54).

Với ý nghĩa này, Kinh Thánh chép: *“hiện nay sự cứu rỗi đã gần với chúng ta hơn lúc chúng ta mới tin”* (Rô-ma 13:11—gần hơn, bởi lẽ theo từng ngày trôi qua, sự tái lâm của Đấng Christ lại càng gần hơn.

# Khái Niệm Nền Tảng Thánh Kinh

Tác giả: **DAVID GOODING & JOHN LENNOX**

Người dịch: **Trần Thị Phước Lý**

**NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO**

53 Tràng Thi - Hoàn Kiếm - Hà Nội

ĐT: (04) 37822845 - Fax: (04) 37822841

Email: [nhaxuatbantongiao@gmail.com](mailto:nhaxuatbantongiao@gmail.com)

Chịu trách nhiệm

**Nguyễn Công Oánh**

Biên Tập

**Nguyễn Thị Hà**

Sửa bản in

**Mục sư Phan Vĩnh Cự**

Thiết kế

**Hiền Thư**

---

In 3.000 bản, khổ 14 x 20 (cm)

Tại Cty TNHH DV-TM-SX-IN THIÊN NGÔN

Số xuất bản: 1366-2013/CXB/39-170/TG

In xong và nộp lưu chiểu quý 4 năm 2013

